NĂM THỨ 6 — NGÀY 1-10-62

BACH KHOA

trong số này

HOÀNG MINH TUYNH *Algérie trên đường xây dựng độc lập* • LÊ XUÂN KHOA *Phật giáo Thiền Tông* • DOHAMIDE *tang lễ và hôn nhân Chàm* • NGUYỄN HIẾN LÊ *danh nhân : Ignace Philippe Semmelwels* • VI HUYỀN ĐẮC *lò đào tạo người thượng lưu* • CÔ LIÊU *giả thuyết về kỹ thuật hỏa tiễn Vastok* • NGUYỄN VĂN TRUNG *đọc « những kẻ trầm luân ở trần gian » của Frantz Fanon* • MINH ĐỨC *men bờ bể xanh* • ĐOÀN THÊM *hòa âm 12 bis* • THANH TÂM TUYỀN *nỗi chết không rời* • HUY LỰC *yến vàng* • NGUYỄN NHO SA MẠC *tình ca mùa thu* • NINH CHỮ — HUY TRÂM *thơ* • VĂN BA — TỐ OANH — NGUYỄN TRUNG *trả lời cuộc phỏng vấn quan niệm hội họa* • HÀ NGUYÊN THẠCH *giấc ngủ thành phố* • THÁI TUẤN *xem triển lãm Esso* • TRẦNG THIÊN *viết và nghĩ theo Claude Simon* • NGUIỄN NGU I *thuật : lễ phát giải thưởng văn chương toàn quốc — buổi nói chuyện của Cô-Liêu về quan niệm tiểu thuyết — buổi thuyết trình về nền hội họa V. N. của Ô. Đoàn-Giáp.*

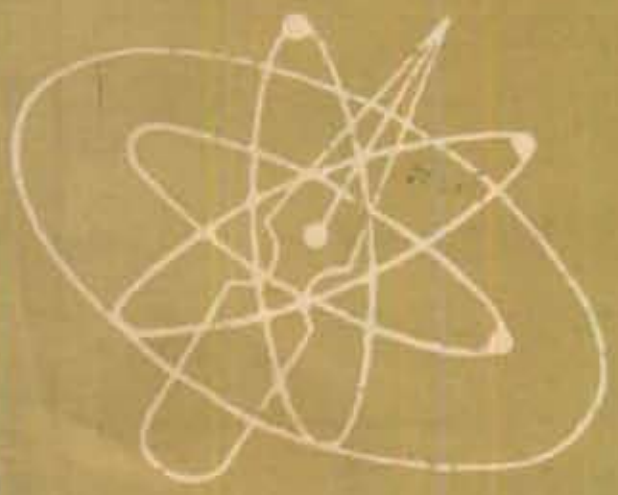

138

Một sự may mắn ! ! !

Nếu « **VERIGOUD** »

được quảng-cáo rộng-rãi hơn, ai cũng sẽ nhận thấy rằng đó là thứ si-rô ngon nhất tại Việt-Nam và Quí vị sẽ khó - khăn lắm mới tìm mua được.

✂

« **VERIGOUD** »

nước trái cây nguyên chất chế-tạo hầu Quí vị bởi Hãng :

SOCIÉTÉ FRANÇAISE DES DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

★

CÁC HIỆU BUÔN ĐỨNG ĐẮN ĐỀU CÓ BÁN VỚI GIÁ 65 $ MỘT CHAI

BÁCH KHOA *trong số này*

Số 138 ngày 1-10-62

HOÀNG-MINH-TUYNH *Algérie trên đường xây dựng độc lập*	3
LE-XUÂN-KHOA *Phật giáo Thiền Tông và Triết lý Thiền*	9
DOHAMIDE *tang lễ và hôn nhân Chàm*	19
NGUYỄN-HIẾN-LÊ *danh nhân : Ignace Philippe Semmelwels*	25
VI-HUYỀN-ĐẮC *lò đào tạo người thượng lưu*	41
CÔ-LIÊU *những giả thuyết về kỹ thuật hỏa tiễn Vostok*	47
NGUYỄN-VĂN-TRUNG *đọc « những kẻ trầm luân ở trần gian » của Frantz Fanon*	53
MINH-ĐỨC *men bờ bể xanh*	59
ĐOÀN-THÊM *hòa âm 12 bis*	70-71
THANH-TÂM-TUYỀN *nỗi chết không rời (truyện ngắn)*	70
NGUYỄN-NHO-SA-MẠC *tình ca mùa thu (thơ)*	84
NINH-CHỮ *cầu đất ; giọng cô đơn ; thảo cầm (thơ)*	84
HUY-TRÂM *về đây ; thôi biết bao giờ (thơ)*	85
VĂN-BA — TỐ-OANH — NGUYỄN-TRUNG *trả lời cuộc phỏng vấn về quan niệm hội họa*	87
HÀ-NGUYÊN-THẠCH *giấc ngủ thành phố*	97
THÁI-TUẤN *xem triển lãm Esso*	99
TRÀNG-THIÊN *viết và nghĩ theo Claude Simon*	105
NGUIỄN-NGU-Í *thuật : buổi nói chuyện của Cô-Liêu về quan niệm tiểu thuyết — buổi thuyết trình của Ô. Đoàn-Giáp về nền hội họa V. N. — lễ phát giải thưởng văn chương toàn quốc*	110 112 113

BÁCH-KHOA

trong những số tới

Thị trường chung Âu-Châu	HOÀNG-MINH-TUYNH
Người Chàm Châu-Đốc	DOHAMIDE
Vấn đề giáo dục của Phụ nữ Nhật-Bản ngày nay	ĐOÀN-VĂN-AN
Clément Rosset : triết-lý bi đát	TRẦN-HƯƠNG-TỬ
Phải thống nhất nhan đề và thoại của các áng văn thơ cổ	NGUYỄN-HIẾN-LÊ
Chuyện Triệu-Việt-Vương, một chuyện tiểu thuyết ?	NGUYỄN-PHƯƠNG
Công chúa hạ giá	BỬU-KẾ
Tính chất chủ yếu của triết lý Thiền	LÊ-XUÂN-KHOA
Tìm đẹp : tô điểm trong mỹ nghệ	ĐOÀN-THÊM
Danh nhân : Claude Bernard	CÔ-LIÊU
Đọc : « Ba sinh hương lửa » của Doãn - Quốc-Sỹ	TRÂNG-THIÊN
Con ruồi (truyện dịch của G. Langelaan)	NGUYỄN-CHÂU
Viếng thăm báo Figaro	Cô MINH-ĐỨC
Về đâu (truyện dài)	VÕ-PHIẾN
Tiêu bạc giả (truyện ngắn)	NGUYỄN-MẠNH-CÔN
Sinh đôi (truyện ngắn)	LÊ-TẤT-ĐIỀU
Qua hàng sách (truyện ngắn)	SƠN-NAM

Algérie trên đường xây dựng độc lập

HOÀNG-MINH-TUYNH

(*xin xem B. K. từ số 137*)

Algérie kiến tạo những cơ cấu hiện đại

Nhờ những kết quả đã gặt được bằng cuộc kháng chiến và những thắng lợi đã đạt được trong cuộc điều đình với Pháp, Chính phủ lâm thời Cộng hòa Algérie đã xác định được quyền uy của mình trên toàn bộ lãnh thổ Algérie. Chính phủ ấy đã thành công rực rỡ trên trường ngoại giao, vì không chịu từ bỏ bất luận một đề nghị chủ yếu nào với đối phương là nước Pháp về tính chất đại diện tuyệt đối của Mặt Trận Giải Phóng Quốc Gia trong khi thương nghị hòa bình, về sự kiến lập một Quốc gia Algérie độc lập, có chủ quyền, có lãnh thổ toàn vẹn và bất phân, gồm cả Sahara, loại trừ được hết mọi thiểu số dị biệt lãnh thổ và nhất là về sự kết thúc được với nước Pháp những thỏa hiệp song phương trên mọi địa hạt văn hóa, kinh tế và kỹ thuật. Chính phủ ấy lại bảo đảm được trách nhiệm của mình đối với quyền hành và đường hướng tương lai của xứ sở trên bình diện quốc gia và quốc tế; bảo đảm chẳng những trước mắt người Hồi rất hãnh diện vì đã thu đoạt được đa số với bao nhiêu gian khổ, vừa bằng sức mạnh cương cường của võ khí vừa bằng thủ đoạn khôn khéo về ngoại giao, mà còn cả trước mắt thiểu số người Âu, khiến họ phải mở mắt ra nhìn nhận ưu thế và ý chí bất khuất của mình. Thắng lợi đáng kể và vinh dự nhất cho chính phủ Algérie là đã làm cho người Âu thuận theo lập trường của mình hoặc được tự do lựa chọn quốc tịch Algérie mà vẫn giữ được những đặc thù của họ về ngôn ngữ, tôn giáo, hộ tịch, hoặc muốn lựa chọn quốc tịch Pháp thì được hưởng qui chế ngoại nhân trong phạm vi một hiệp ước đã ấn định để họ được suy nghĩ ba năm trước khi quyết ý cho dứt khoát. Nhờ đấy, Algérie được có một số công

dân người Âu thuận tình, thuận ý, chấp nhận không bị mảy may ép buộc phải lựa chọn quốc tịch một cách hàm hồ để đến sau phải hối hận. Algérie cũng nhờ đấy được toàn thể nhân dân tận tình ủng hộ. Algérie trở thành một quốc gia có hoàn toàn và đầy đủ chủ quyền, sẽ tự do tạo lập lấy định chế cho mình và lựa chọn thể thức chính trị và xã hội thích hợp với mình.

Dân số Tân quốc gia Algérie hiện được 10 triệu 500 ngàn, 9 phần 10 thuộc Hồi giáo và phân nửa dưới 20 tuổi. Suất tăng gia 3%, mật độ 10 người một cây số vuông trong các miền đồng bằng cao và chừng 140 tại miền Kabylie. Hai phần ba trẻ em học theo chương trình Pháp. Hiện nay, Algérie dự tính cải tổ học qui để dung hòa hai nền văn hóa Ả-Rập và Pháp, cả hai thứ tiếng cùng được dạy song hành. Tiếng Ả-Rập hiện đã được khởi sự dạy tại các trường miền Kabylie là miền từ trước chưa từng học tiếng Ả-Rập bao giờ.

Nền y-tế quốc.gia Algérie hiện ở mức độ rất cao. Toàn quốc có trên 3 ngàn y sĩ và nữ hộ sinh (1), 140 bệnh viện chứa được trên 30 ngàn giường (2). Mỗi người dân tiêu thụ 10 kilô thịt, 20 kilô đường.

Một trăm ngàn xí nghiệp tại Algérie thực hiện lối 1.400 tỷ tổng số kinh doanh (chiffres d'affaires) và trả chừng 240 tỷ tiền công. Toàn quốc có 40 ngàn cây số đường lộ, 4.200 cây số đường sắt.

Năm ngàn công chức đang điều hành công việc quốc gia ; bốn ngàn đã được huấn luyện tại Maroc và hai ngàn tại Tunisie, đang lục tục về nước. Ngoài ra, Mặt Trận Giải Phóng Quốc Gia vừa lập bản kiểm tra tổng số du học sinh tại Pháp và tại các nước Âu Châu và Mỹ Châu, đồng thời kêu gọi họ chuẩn bị hồi hương phụng sự tổ quốc khi nhận được giấy mời tham gia công vụ.

Hơn thế, người Algérie đã khởi sự học tập hành sử quyền công dân. Các sắc lệnh ngày 25 tháng 8 năm 1945 ra đời đã chấm dứt các điều sai lầm của đạo Sénatus- consulte năm 1863 của các nhà cầm quyền Pháp trước đây có dã tâm muốn chia rẽ phẩm trật của các bộ lạc Ả-Rập và phẩm trật hóa các taddert rất dân chủ của miền Kabylie. Họ đã thiết lập những djemââs, đơn vị hành chánh, làm nòng cốt cho các thị xã và các hội đồng đệ nhị cấp thành những trung tâm thị trấn, để đảm nhận những trách vụ điều tra, dự toán và quản trị. Mười lăm ngàn thị xã tổ chức theo kiểu thị xã Pháp, đứng đầu đều là những thị trưởng người Hồi.

Algérie phát triển nền kinh tế Quốc gia

Về mặt kinh tế, công cuộc tìm kiếm và khai thác khoáng mạch và công cuộc tạo dựng những kỹ nghệ biến chế khởi sự từ năm 1945, vẫn được tiếp tục tiến hành đều, dưới

(1) Trung bình 3 400 người có một y sĩ.

(2) Trung bình một giường trong bệnh viện dùng cho 350 người.

sự chỉ đạo, hướng dẫn của Hội Đồng Khảo Cứu Khoa Học Ứng Dụng Tối Cao. Hội Đồng này thành lập ngày 20 tháng 7 năm 1946, ra đời trước tất cả những hội đồng tương tự ngay tại chính quốc Pháp, trong suốt 15 năm, đã tỏ ra làm việc có hiệu năng lạ lùng. Ông Georges Drouhin Chủ tịch Hiệp hội quốc tế các nhà thủy địa học, đã viết bài trong tạp chí Terres et Eaux khen ngợi Hội Đồng ấy như sau : « Nhờ tổ chức có liên kết và bền bỉ này, một số khá đông các nhà khảo sát đã tận tình nghiên cứu các vấn đề tổng quát có tính chất quyết định cho tương lai xứ sở và cả những vấn đề chi tiết phải đặt hoặc nêu ra hàng ngày. Các nhà địa chất học, khí hậu học, lý hóa học, nhi đồng học làm việc cho tổ chức ấy, mỗi người trong phạm vi của mình, đều đã cảm thấy thích thú về những thực hiện của mình và tập nhiễm được thói quen cộng tác với các nhà kỹ sư ». Ngoài những thực hiện về công cuộc trị thủy tự trên các đỉnh núi cao và tự nơi các giếng phun nước, Hội Đồng đã hoàn thành được một hệ thống sử dụng tinh lực phát sinh do khí nóng của mặt trời, hiện cỗ máy đầu tiên đã bắt đầu chạy tại La Bouzaréah.

Những ý kiến của Hội Đồng được các trung tâm nghiên cứu và khai thác phú nguyên tuân theo gần như triệt để và nhờ đấy mà các trung tâm này đã tiến tới rất mau trong các công cuộc phát minh khoa học mới.

Nông nghiệp cũng đã lợi dụng được khá nhiều kết quả khảo sát của Hội Đồng. Đó là điều cần thiết. Phát triển công nghiệp tại Algérie cũng như tại hầu hết các nước Phi Châu thường ít vấp phải trở lực gây ra bởi tổ chức hỗn độn, thiếu phương pháp, nhất là công nghiệp hiện-đại thường phụ thuộc lớn lao vào máy móc tự động. Nhà máy thủy tinh La Senia, khai trương năm 1946, sản xuất mỗi ngày 30 ngàn chai lọ mà chỉ dùng có 300 công nhân, công xá đủ nuôi sống ba ngàn người. Algérie là một nước bị nạn nhân mãn ngày càng trầm trọng. Mỗi ngày mọc thêm một làng đông tới 500 người. Bốn phần năm dân số sống bằng đất cát. Một nước có dân số gia tăng mau lẹ như vậy mà được có đất tốt nước nhiều thì còn đỡ. Algérie lại là nước thiếu hẳn điều hòa về thời tiết, mùa mưa mùa nắng cách biệt nhau nhiều khi quá đáng, khiến cây cối không nhờ được khí nóng cần thiết cho sức mọc, khi mưa nhiều, và khi nhiệt độ tăng cường đủ cho sức mọc thì lại lâm nạn thiếu nước.

Algérie cần cải tổ các cơ cấu nông thôn

Algérie có cải tổ lại nền nông nghiệp thì mới mong bảo đảm cho nhân dân được mức sinh hoạt khả quan và có công ăn việc làm. Trên 10 triệu hecta đất trồng trọt, 7 triệu 500 ngàn hecta thuộc của người Hồi, 300 ngàn người không có đủ đất cầy cấy, 500 ngàn người gồm trại chủ, tá điền, canh điền không có một mảnh đất nào. Hai triệu canh điền lãnh lương được 30 tỷ, số tiền ngang bằng với

số tiền chuyển ngân của 200 ngàn công nhân làm việc tại Pháp gởi về Algérie. Để thu dụng đám vô sản nông nghiệp này, có ba giải pháp : dùng công tác dẫn thủy để khai hoang, phân chia đất mới đã được dẫn thủy và bón phân cho các nông dân nghèo, cải thiện phương pháp trồng tỉa và năng xuất cho ruộng đất của các fellahine nhỏ.

Người nông dân Algérie fellah, có rất nhiều đức tính, sức lực lại dẻo dai và thích ứng với hoàn cảnh rất mau lẹ, duy họ nghèo, bị cô thể và còn mắc nhiều mặc cảm gây ra bởi chế độ du mục. Vì họ nghèo nên họ không có đủ phương tiện để chờ đợi kết quả của sự cải thiện ruộng vườn ; vì họ bị cô thể, nên họ không được chỉ dẫn cách thức điều khiển năng lực hợp lý ; vì họ mắc mặc cảm của chế độ du mục, nên đời họ không được ổn định để có thể tạo lập hay mở mang vườn tược mà thu hoa lợi được nhiều hơn. Từ năm 1948, họ bị lệ thuộc vào các Hiệp-hội nông nghiệp dự phòng và các Công-ty khai thác nông sản đại quy mô, nên họ đã bị tước mất khá nhiều tính chất đặc thù. Họ không còn là khu vực kinh tế, kỹ thuật và xã hội để làm nơi tập trung và khai trương những phương tiện thích nghi hầu đáp ứng lại chương trình của hội đồng quản trị khu vực và duy trì cơ sở trồng trọt cùng chăn nuôi gia súc. Nếu muốn gây tiến bộ về mặt kỹ thuật và xã hội cho Algérie, các nhà lãnh đạo tất sẽ phải lo đến việc trả lại cơ cấu và chức vụ trước đây cho họ, nhưng đồng thời cũng phải cải tổ và tăng gia gấp rút các cơ cấu và chức vụ ấy trong phạm vi một cuộc cải cách điền địa.

Họ phải làm sao chuẩn bị mở ra những lớp đào luyện cán bộ nông thôn để phổ biến rộng rãi những kiến thức căn bản về nghề nông cho hạng dân công rất siêng năng và hiếu học. Sự bảo vệ và bồi bổ đất đai là hai việc tối cần thiết đối với Algérie. Algérie hiện có 5 triệu hecta cần phải được bảo vệ, chống lại những kỳ nước lên làm róc hết màu mỡ của những miền lưu vực cao, làm cho các đập nước bị thành sình lầy và nhiều hải khẩu bị cát phủ lấp. Bất luận nơi nào, hễ công tác bảo vệ và bồi bổ được đưa ra áp dụng, là đều thấy trở nên phì nhiêu, phong phú, đem lại năng xuất thu hoạch và trình độ sinh hoạt rất cao cho dân chúng. Trong nguyên năm 1946, mười ngàn hecta được bảo vệ và bồi bổ, đem lại số hoa mầu tương đương với số hoa mầu của hai phần ba diện tích trồng trọt lại trong suốt 100 năm trước. Tới năm sau, 50 ngàn hecta nữa cũng được cải thiện như vậy. Nhờ đấy, phồn thịnh của 600 ngàn nông dân được bảo đảm một cách chắc chắn. Công cuộc trên, nước Algérie mới sẽ còn cần phải tiếp tục xúc tiến cho mạnh mẽ hơn nữa trong những năm sắp tới.

Công cuộc chấn hưng nông nghiệp đó còn phải đi đôi với công cuộc

chẩn hưng mục nghiệp, vì nghề chăn nuôi mục súc là nghề sinh nhai của số khá đông người Hồi, đặc biệt của đám dân du mục. Từ năm 1945, người Pháp đã thiết lập kế hoạch kiến trúc năm nhà máy điều hòa không khí trên vùng cao nguyên trong các khu vực tránh nắng của các nhà chăn nuôi mục súc. Trong những năm bị mùa khô ráo kéo dài quá lâu, các nhà chăn nuôi này thường bị mất tới ba phần tư đàn mục súc đã tốn công phu gây dựng từ mấy năm, nên nhiều khi phải lâm vào tình trạng túng thiếu, đói kém trầm trọng. Nhờ có các nhà máy điều hòa không khí, nhiều mục súc đã được cứu sống và đem bán trên thị trường với giá tương đối cao hoặc được mổ cắt rồi ướp lạnh và đem ra tiêu thụ tại các thành thị. Nhờ đấy, các nhà chăn nuôi không những đỡ lỗ vốn mà còn nhiều khi thu về được khá tiền để tậu đàn mục súc khác thay thế, trong khi chờ đợi hết mùa khô ráo.

Công cuộc chẩn hưng mục nghiệp trên là vấn đề sinh tử đối với đám dân đông đảo mục nghiệp hạng tiểu và hạng trung gồm đa số người Hồi. Quốc gia mới rồi đây tất sẽ phải nỗ lực tăng cường bộ máy ổn định kinh tế quan trọng này để nâng đỡ đám dân du mục và bán du mục nọ.

***

Algérie, từ trạng thái thuộc địa biến thành một quốc gia độc lập với sự thỏa thuận của nước Pháp, thực tình đã hưởng thụ được cơ cấu hành chính và kỹ thuật quan trọng của một nước Âu Tây. Algérie hiện có được một số chuyên viên cán sự thành thực đủ để duy trì mực độ sinh hoạt bình thường một cách thỏa đáng. Nước Pháp có nhiệm vụ đáp ứng lại những đòi hỏi chính đáng của chính phủ Algérie yêu cầu giúp đỡ để họ có khả năng bổ xung những công vụ khuyết thiếu người phụ trách gây ra bởi sự hồi hương của những phần tử người Pháp muốn từ bỏ Algérie, hoặc để cung cấp những chuyên viên, cán sự vào những công vụ mới thành lập hầu thực hiện kế hoạch trang bị và phát triển cần thiết cho nước Algérie mới. Mọi người chân chính — Hồi cũng như Pháp — đều mong muốn cho quan hệ Pháp - Algérie sẽ được khởi nguyên, do tự một tinh thần hợp tác kỹ thuật căn cứ trên tình nghĩa tương giao giữa hai dân tộc dù sao cũng đã từng chung sống với nhau từ một thế kỷ rưỡi. Quan hệ ấy tất nhiên sẽ còn phải thích ứng với những cơ cấu mới phát xuất do ý chí cương quyết tự lập tự cường của dân tộc Algérie muốn lĩnh đóng vai trò cá biệt của họ trong cộng đồng nhân loại.

HOÀNG-MINH-TUYNH

---

* Phụ nữ Mĩ đòi hỏi chồng họ phải hoàn toàn, sự hoàn toàn mà phụ nữ Anh chỉ mong được gặp ở những người quản gia của họ.
Somerset Maugham

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

SAIGON

☆ ★ ☆

HEAD OFFICE	*Plapplachai, Bangkok.*
OVERSEAS BRANCHES :	
LONDON	*Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2*
TOKYO	*No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo*
HONGKONG	*60, Bonham Strand West.*
CENTRAL DISTRICT	*Shell House, Queen's Road.*
KOWLOON	*580 A. Nathan Road Kowloon.*
SINGAPORE	*64 South Bridge Road.*
KUALA LUMPUR	*14 Ampang Street.*

Phật-giáo Thiền-tông và triết-lý Thiền

LÊ-XUÂN-KHOA

Ở Tây phương trong khoảng vài chục năm trở lại đây, khuynh-hướng nghiên cứu Thiền-học (Zen) của Nhật-Bản và thuật Du-Già (Yoga) của Ấn-Độ được nẩy nở và phát triển gần như một phong trào. *Thiền* hiện ra như một nguồn triết-lý mới mẻ và quan trọng đối với giới học-giả trí-thức ; *Yoga* thì còn đi xa hơn và sớm đạt tới một mực độ khá phổ-thông, thậm chí có nhiều sách vở đã khai thác quá rộng, chẳng hạn đề cập đến phép tu luyện này như một môn thể thao có ích lợi cho việc sinh đẻ, cho nghệ thuật bảo tồn dung nhan và thân hình của phụ nữ v.v...

Thiền là một quan điểm của Phật giáo về vấn đề tri-thức và giải thoát. Nó phát xuất từ Ấn-Độ, thành lập ở Trung-Hoa và phát triển ở Nhật-Bản. Từ một quan-niệm siêu-hình, Thiền-học trở thành một triết-lý nhân-sinh có tính cách lý tưởng và toàn diện. Nhiều nhà tâm-lý-học hiện đại như Jung, Godel, Carlo Suarès đã chú trọng khảo sát về các trạng-thái và hiện-tượng tâm lý trong Thiền học.

Muốn tìm hiểu lai lịch của Thiền học, ta phải đi tìm nguồn xuất phát của tư tưởng Thiền ở Ấn-Độ trước khi Phật giáo Thiền Tông được thành lập ở Trung-Hoa và sau đó bành trướng qua Việt-Nam và Nhật-Bản.

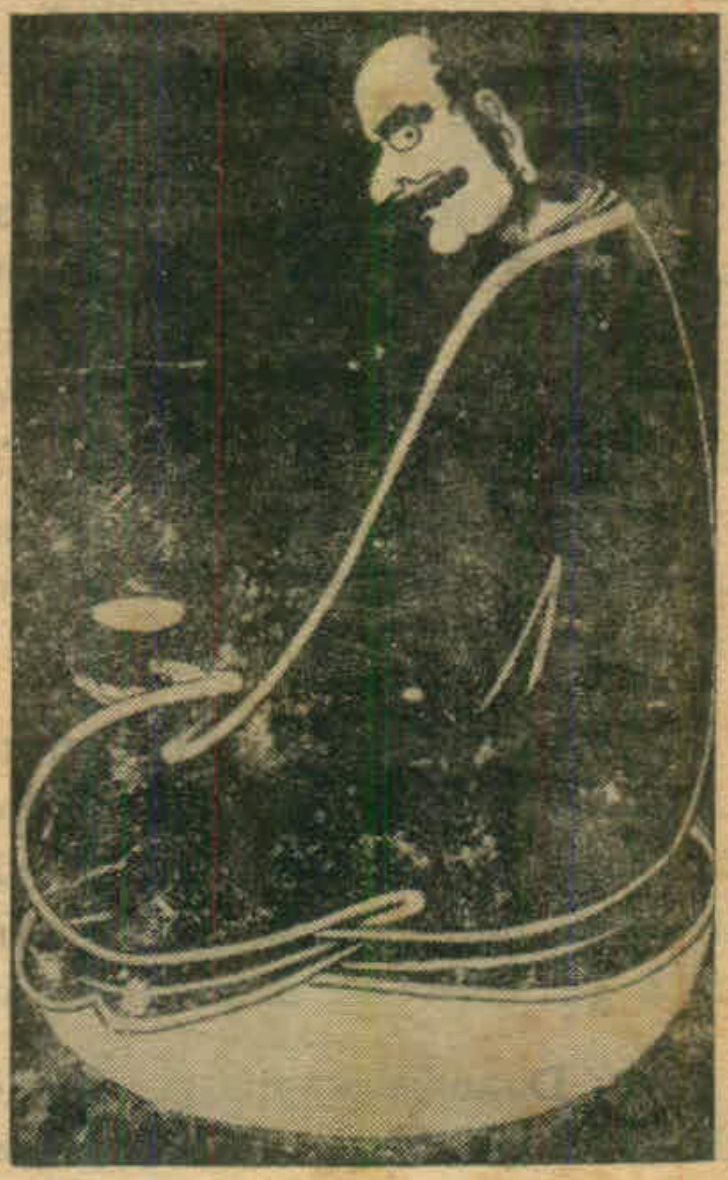

(*Bodhidharma T-mo, Durama*)

Sự phân chia tông phái trong Phật giáo

Vào khoảng một trăm năm sau khi Phật nhập diệt Niết-Bàn, trong kỳ kết tập lần thứ hai tại thành Vaisali (Tì-Xá-Li), hàng ngũ tăng-lữ bất đồng ý kiến với nhau về Giáo-lý của đức

Phật và vì thế chia thành hai phái : phái Thượng - tòa (Sthaviravada) chủ-trương bảo-thủ và phái Đại-chúng (Mahasanghikas) chủ trương tự-do. Một bên trì-thủ giáo-điều trong các kinh, một bên chủ theo tinh-thần Phật dạy mà tiến-hóa, nhưng cả hai đều tự nhận là theo đúng giáo-lý chính-truyền của Phật-tổ.

Theo Luật-tạng (Vinaya sutra) thì sự chia rẽ này khởi sự từ một cuộc tranh-luận về mười điều giới-luật (dasa vatthuni) thường được các tỉ-khiêu ở hai thành Vaisali (Tì-xa-li) và Vajii (Bạt - kỳ) thi-hành, và bị trưởng-lão Yasas (Gia-xá) công-kích là trái phép. Mười điều đó là :

1.— Singilonakappa (Diêm-khương hợp cộng túc tịnh) tức là đem thức ăn còn thừa trộn với muối và gừng để dành đến ngày sau, trái với giới-điều 38 cấm để dành thức ăn.

2.— Dvangulakappa (Lưỡng chỉ sao thực tịnh), tức là ăn cơm trưa sau giờ Ngọ, lúc mặt trời đã chếch bóng về Tây độ hai ngón tay, trái với giới-điều 37.

3.— Gamantarakappa (Phục tọa thực tịnh), tức là lại ngồi ăn một bữa thứ hai trong cùng một ngày, trái với giới-điều 35.

4.— Avasakappa (Việt tự lạc thực tịnh), tức là dự lễ chay ở nhiều chỗ trong cùng một giáo khu, trái với luật Mahamagga.

5.— Anumatikappa (Cầu thỉnh tịnh) tức là chuẩn nhận một hành vi tác pháp của riêng một tỉ-khưu chứ không phải của toàn thể tăng chúng.

6.— Acinnakappa (Tập tiên sở tập tịnh), tức là tiếp-tục giữ những thói quen và công việc như trước khi xuất gia.

7.— Amathitakappa (Tô - du - mật, thạch-mật hòa lạc tịnh), tức là uống sữa pha đường sau bữa ăn, cho rằng đó là đồ uống chứ không phải đồ ăn, trái với giới điều 35 cấm ăn nhiều.

8.— Jalogim-patum (Ẩm sà-lâu-già-tửu tịnh), tức là dùng đồ uống có chất rượu, trái với giới-điều 51.

9.— Adasakam-nisidanam (Tác tọa cụ tùy ý đại tiểu tịnh), tức là dùng mền đắp không có tua viền, nói rộng ra là tự ý đóng đồ nằm ngồi không theo kiểu mẫu và kích-thước ấn-định, trái với giới điều 89.

10.— Jataruparajatam (Súc kim ngân tiền tịnh), tức là nhận tiền của, vàng bạc để đành, trái với điều 18 trong Nissaggiya-pacittiya.

Nhưng theo kinh Luận Abhidharma Prakarana pada sastra (Chúng-sự-phân A-tì đạt-ma luận) của Vasumitra (Ba-tu-mật-đa) thì sự phân phái tăng chúng trong kỳ kết tập lần thứ hai lại là do cuộc tranh luận về năm khoản giáo-điều đó Mahadeva (Đại-thiên) nêu ra. Năm điều đó là :

1.— Một vị A-la-hán có thể phạm tội vì bị cám dỗ vô tình.

2.— Một người thường có thể là một vị A-la-hán mà không biết.

3.— Một vị A-la-hán có thể có những điểm nghi ngờ về giáo-lý.

4.— Người ta không thể chứng quả A-la-hán nếu không có thầy hướng dẫn.

5.— Chính đạo có thể khởi từ một tiếng kêu, chẳng hạn một người đang chuyên chú tham-thiền nhập-định có thể thốt kêu lên : Buồn thay ! buồn thay ! , và đạt tới giác ngộ, như thế nghĩa là chỉ một tiếng kêu ngạc nhiên cũng có thể làm cho người ta đắc đạo.

Mặc dầu những thuyết trên đây có khác nhau, nguyên do của sự phân-phái trong Phật giáo chính là bởi Phật không để lại một kinh sách nào do tự tay Ngài viết hoặc do chính miệng Ngài đọc cho môn đồ ghi chép. Bởi thế, ngay trong kỳ kết-tập lần thứ nhất do Mahakasyappa (Đại-Ca-Diếp) triệu-tập tại Rajagrha (Vương-xá-thành) để ôn lại lời nói của đức Phật, và ghi chép thành Kinh-tạng và Luật-tạng, đã có một vài vị đại-sư như Purana (Phú Lan Na) hay Gavampati (Ngưu-vương tôn giả) bất-đồng-ý, cho rằng có nhiều chỗ không đúng với lời Phật dậy. Đầy mới là có bốn tháng sau khi Phật nhập Niết-Bàn. Sau kỳ kết tập lần thứ hai thì sự phân chia tông phái càng ngày càng nhiều, phái Thượng-tòa có đến mười một tông, còn phái Đại-Chúng bảy tông.

Sự phân rẽ trong Phật giáo thành hai phái Thượng-tòa và Đại-chúng chính là mầm mống phân biệt triết-lý và giáo-lý của hai phái Tiểu-thặng và Đại-thặng sau này, kể từ khi Mã-Minh Bồ-Tát (Asvagosha) soạn ra bộ Đại-thừa khởi-tín-luận (Mahayana sraddhotpada sastra) vào quãng đầu thế-kỷ thứ I sau Công-nguyên. Phật giáo Tiểu-thặng được truyền bá về phía Nam, tới đảo Tích-Lan, rồi từ đó qua Miến-Điện, Thái-Lan, Căm-Bốt và Ai-Lao. Phật-giáo Đại-thặng truyền lên phía Bắc tới Nepal, Tây-Tạng, rồi từ đó qua Mông-Cổ, Trung Hoa, Việt-Nam, Đại-Hàn, Nhật-Bản.

Sang đến Trung-Hoa, Phật giáo chia làm mười tông : Tiểu-Thặng có hai tông là Câu-Xá tông và Thành-Thật tông ; Đại-Thặng gồm tám tông là Luật-tông, Pháp-tướng tông, Tam-luận tông, Thiên-thai tông, Hoa-nghiêm tông, Chân-ngôn tông, Thiền-tông và Tịnh-độ tông.

Trong lịch sử Phật-giáo Việt-Nam chỉ có Thiền-tông là ghi được những nét sâu đậm hơn cả.

Nguồn gốc Thiền ở Ấn-Độ

Thiền-tông là một phái có chủ trương « dĩ tâm truyền tâm » chứ không dùng văn-tự kinh-điển. Thiền, tiếng Phạn là Dhyana, có nghĩa là một phương pháp tập trung tinh thần để đạt tới một trạng thái ý thức hoàn toàn sáng suốt và trong sạch, tức là thể hiện Phật-tính ở ngay tại bản-tâm.

Theo truyền thuyết, Thiền là giáo pháp chính truyền của Phật-tổ Thích-Ca. Sách Truyền-đăng-lục của Trung-Hoa chép rằng : « Một hôm đức Thích-Ca mâu ni hội các đệ-tử ở trên Linh-thứu sơn rồi Ngài niêm

hoa thị chúng, nghĩa là cầm một bông hoa sen mà nhìn mọi người, không nói năng gì cả. Không ai hiểu ý-định của Ngài thế nào. Chỉ riêng có Đại Ca-Diếp (Mahakasyapa) mỉm miệng cười. Đức Phật bèn nói : « Ta có chánh-pháp-nhãn tạng và Niết-bàn diệu-tâm, nay phú-chúc cho người Ma-ha Ca-Diếp ». Chánh-pháp-nhãn là con mắt thấy rõ chánh pháp, Niết-bàn diệu-tâm là cái tâm mầu-nhiệm hiểu rõ Niết-bàn.

Đại Ca-Diếp được Phật Thích-Ca truyền y-bát và trở thành đệ-nhất tổ Thiền tông ở Ấn-Độ. Vẫn theo truyền-thuyết thì ở Ấn-Độ có tất-cả hai mươi tám vị tổ Thiền kế-tiếp nhau trong khoảng một ngàn năm rồi mới du-nhập đất Trung-Hoa (xem bảng danh sách 28 tổ Thiền Ấn-Độ ở cuối bài).

Ngày nay người ta không tìm thấy có vết-tích nào chứng-tỏ sự có mặt của một thống-hệ Thiền-tông ở Ấn-Độ, ngoài những đặc-điểm rải-rác trong kinh-điển của Đại-thừa Phật-giáo.

Trong năm khoản giáo-điều của Mahadeva (Đại-thiên) đã dẫn ở trên, ta thấy có hai khoản đượm màu triết-lý Thiền : khoản thứ nhì « một người thường có thể là một vị A-la-hán mà không biết » diễn-tả hết thảy mọi người đều có Phật-tính, và khoản thứ năm « một tiếng kêu ngạc nhiên cũng làm cho người ta đắc đạo » chính là một bằng-chứng của phép Đốn-ngộ trong Thiền-học.

Trong Kinh Lăng-già (Lankavatara sutra), bộ kinh được Bồ-đề đạt-ma (Bodhidharma) trì-thủ một cách đắc-ý nhất, soạn vào quãng thế-kỷ thứ IV hay V sau Công-nguyên, người ta cũng thấy có sự phân-biệt hai phương-pháp giác-ngộ, dần dần (Tiệm) và tức-khắc (Đốn), một đàng gột rửa tâm cho đến chỗ trong sáng còn một đàng hồi-chuyển tức-khắc bản-tâm từ thâm-sâu của ý-thức để diệt-trừ những ý-niệm nhị-nguyên. Tâm người ta được ví như một tấm gương phản-chiếu tức-thì tất-cả những hình ảnh nào hiện ra trước nó.

Lại như trong kinh Kim-Cương, (Vajracchedika sutra) bộ kinh đã khai-tâm cho đệ-lục tổ Thiền-tông ở Trung-Hoa là Huệ-Năng đại-sư, những đoạn Phật giảng cho Tu-Bồ-đề (Subhuti) nghe về vô-trụ, vô đắc, vô-thuyết và bất-nhị pháp-môn cũng đều là những đặc-điểm trong triết-lý Thiền-tông. Đây là một vài dẫn-chứng về « tâm vô-trụ » :

« Phật nói : Các Bồ-tát phải nên sinh cái tâm thanh-tịnh như thế này : không nên trụ vào sắc mà sinh tâm, không nên trụ vào thanh, hương, vị, xúc, pháp mà sinh tâm, nên sinh cái tâm không có trụ-trước vào chỗ nào ».

Ở một đoạn khác, Phật nhắc lại lời nói ấy và giảng rõ hơn : « Tu-Bồ-đề này ! Bồ-tát phải nên ly hết thảy mọi tướng mà phát tâm A-nậu-đa-la tam-diệu tam bồ-đề, không nên trụ vào sắc mà sinh tâm, không nên trụ vào thanh, hương, vị, xúc, pháp mà sinh tâm, phải sinh cái tâm không

trụ vào chỗ nào, nếu tâm còn có chỗ trụ, tức không phải là trụ thật. Vì thế cho nên Phật bảo cái tâm Bồ-tát không nên trụ vào sắc mà bố-thí. Tu-Bồ-đề này ! Bồ-tát vì làm lợi ích cho chúng sinh nên phải bố-thí như thế. Như-Lai nói hết thảy các tướng tức không phải là tướng thật, lại nói hết thảy chúng sinh tức không phải là chúng sinh thật... Tu-Bồ-đề ơi ! Cái pháp Như-Lai đã được đó không phải thực mà cũng không hư. Này Tu-Bồ-đề, nếu Bồ-tát làm bố-thí mà tâm còn trụ vào pháp thì cũng như người vào chỗ tối không còn trông thấy gì nữa, nếu Bồ-tát làm pháp bố-thí mà tâm không trụ vào pháp thì cũng như đã có mắt lại có ánh sáng mặt trời soi vào tất thấy tỏ hết cái sắc... ».

Căn cứ vào một vài bằng chứng trên đây, ta có thể kết-luận rằng : Ở Ấn-Độ không có một tông phái Thiền hẳn hoi, nhưng mầm-mống tư-tưởng Thiền phải kể như phát-xuất từ Ấn-Độ. Những tư-tưởng ấy sau này du-nhập Trung-Hoa, hợp với triết-lý của kinh Dịch và Đạo-giáo mới thể-hiện thành Phật-giáo Thiền-tông với đầy đủ sắc-thái đặc-biệt, khả dĩ đứng riêng thành một tông phái có ảnh-hưởng sâu rộng và lâu dài ở Trung-Hoa, Việt-Nam, Nhật-Bản.

Sự bành-trướng của Thiền-tông

Phật-giáo du-nhập Trung-Hoa trong khoảng thế-kỷ đầu Tây-lịch kỷ-nguyên, nhưng phải đến thế-kỷ thứ IV mới bắt đầu thịnh-đạt. Bấy giờ nước Tàu vừa trải qua một thế-kỷ loạn-lạc, hết thời Tam-quốc lại đến loạn Ngũ-Hổ, nhân dân chịu nạn binh-lửa rất khổn-khổ cơ-cực, lòng người chán-nản ưu-phiền nên dễ xu-hướng về Phật-giáo để tìm nguồn an-ủi. Từ đời Đông Tấn (317-420) trở đi, các tông phái Đại-thặng lần-lượt thành lập ở Trung-Hoa. Năm 329, có sư Pháp-Hiển vượt biển sang Ấn-Độ cầu pháp và lấy kinh, mở đầu cho những cuộc hành-hương về sau như của Huyền-Trang (600-664) và Nghĩa-Tĩnh (634-713). Cũng vào cuối thế-kỷ thứ IV có nhà sư Ấn-Độ là Cưu-Ma La-Thập (Kumarajiva) sang Tàu dịch kinh và luận Đại-thặng, nổi tiếng là một dịch giả có uy-tín về phẩm cũng như về lượng.

Trong lịch-sử Phật-học Trung-Hoa, tư-tưởng Thiền đã thấy xuất-hiện ngay từ thời này, với hai vị cao-tăng môn-đệ của Cưu-Ma La-Thập là Tăng-Triệu (384-414) luận về Bát-Nhã vô-tri và Đạo-Sinh (360-434) luận về Đốn-ngộ. Nhưng phải đến đầu thế kỷ thứ VI, khi tổ thứ 28 của Thiền-tông Ấn-Độ là Bồ-đề Đạt-ma (Bodhidharma) vượt biển sang Trung-Hoa thì ngành Thiền-tông ở đây mới thực sự được thành-lập.

Năm 520, đời Vũ-đế nhà Lương, Bồ-đề Đạt-ma tới Quảng-Châu, được nhà vua phái sứ giả ra nghênh tiếp và đưa về kinh-đô. Sách Truyền-Đăng-Lục (1029) còn ghi chép câu chuyện đối thoại giữa nhà vua và đại-sư về Phật-pháp.

Nhà vua hỏi rằng : Trẫm đã kiến-lập nhiều ngôi chùa lớn, sao chép

kinh Phạn và giúp đỡ chư tăng, như thế có công-đức gì không ?

Bố-đề Đạt-ma đáp rằng : Không có công đức gì hết. Đó chỉ là hành vi của bậc thiên và nhân. Hành vi ấy cũng như cái bóng của thân người, tuy bề ngoài có đấy mà thực sự chỉ là một ảo vật.

— Vậy công-đức thực-sự là gì ?

— Đặc tính của Chân Tri tinh-tế mà viên-mãn, trống không và lặng lẽ. Thứ công-đức ấy không thể tìm kiếm được ở thế gian.

— Vậy ý nghĩa quan trọng nhất của đạo nhiệm-mầu là gì ?

— Đâu đâu cũng là hư không thì còn có cái gì gọi là nhiệm-mầu ?

— Thế thì người ngồi trước mặt Trẫm là ai đó ?

— Tôi không biết.

Cuộc gặp gỡ này khiến cho nhà Vua thất vọng. Bố-Đề Đạt-Ma cũng cho rằng nhà Vua còn ở hạng tiểu-căn hữu lậu (asrava) nên bỏ lên núi Tung-Sơn, đất Bắc Ngụy, trụ-trì tại chùa Thiếu-Lâm, suốt trong chín năm ngồi quay mặt vào vách, tức là phép « bích quan thiền định », và trở nên đệ-nhất-tổ Thiền-tông ở Trung-Hoa.

Bấy giờ có một nhà sư Tàu tên là Thần-Quang, nghe tiếng Bố-Đề Đạt-Ma, bèn đến cầu pháp. Mặc dầu đại-sư chỉ ngồi im lặng nhìn vách tường không chịu nói một lời nào, Thần-Quang vẫn kiên nhẫn đứng hầu trước sân trong lúc trời đang bão tuyết. Đợi lâu quá, Thần-Quang bèn chặt cả một cánh tay trái dâng lên cho Bồ-Đề Đạt-Ma để tỏ lòng chí thành cầu đạo của mình. Khi ấy tổ-sư mới quay ra hỏi xem Thần-Quang muốn điều gì.

Thần-Quang nói : Đệ tử tâm không được yên. Xin Thầy an tâm cho.

Sư nói : Mang tâm ngươi ra đây ta an cho.

— Khi con tìm kiếm tâm thì không thấy nó đâu cả.

— Xong rồi, ta đã an tâm cho ngươi rồi đó.

Thần-Quang nghe nói hốt nhiên giác ngộ. Bồ-Đề Đạt-Ma bèn đổi tên cho là Huệ-Khả. Về sau Huệ-Khả được truyền y-bát và trở thành đệ nhị tổ Thiền-tông ở Trung-Hoa (486-593).

Huệ-Khả truyền lại cho Tăng-Xán (? - 606) là đệ-tam tổ. Tăng-Xán còn để lại một bài thơ danh tiếng nhan-đề là *Tín tâm minh*, giải thích ý nghĩa đạo Thiền, đượm màu sắc Lão-học (1).

Tăng-Xán truyền y-bát cho Đạo-Tín là tổ thứ tư (580-651). Truyền-Đăng-Lục có ghi chép lời vấn đáp lạ lùng giữa hai thày trò trong buổi gặp gỡ đầu tiên.

Đạo-Tín hỏi : Pháp-môn giải thoát là thế nào ?

— Cái gì trói buộc ngươi ? Tăng-Xán hỏi vặn lại.

---

(1) Xem bài kỳ tới : Tính chất chủ yếu của triết lý Thiền.

— Không có ai trói buộc hết.

— Vậy thì việc gì phải đi tìm giải thoát ?

Câu trả lời đó đã khiến cho Đạo-Tín giác ngộ tức thì.

Vị tổ thứ năm được Đạo-Tín truyền y-bát là Hoằng-Nhẫn (601-675), trụ-trì tại chùa Đông-Thiền trên núi Hoàng-Mai, tỉnh Hồ-Bắc bây giờ. Khi Hoằng-Nhẫn đến cầu pháp, đệ tứ tổ hỏi :

— Ngươi họ gì ?

— Tôi có một cái tính, nhưng không phải là một cái tính thông thường.

Trong câu trả lời, Hoằng-Nhẫn đã dùng phép chơi chữ, tức là dùng một tiếng đồng-âm mà đáp lại. Trong tiếng Trung-Hoa, chữ Tính có nghĩa là tên họ, mà chữ Tính lại có nghĩa là bản tính. Cả hai chữ đều được phát âm là Hsing.

Đạo-Tín tỏ vẻ không hiểu lại hỏi tiếp :

— Ta hỏi danh-tính của người là gì ?

— Đó là Phật-tính.

— Ngươi không có tên sao ?

— Vì đó chỉ là một cái bản-tính trống-rỗng.

Lời đối đáp của Hoằng-Nhẫn chứng tỏ ông đã thấu-hiểu Thiền cho nên được Đạo-Tín nhận làm đệ tử và truyền y-bát cho làm đệ-ngũ tổ.

Con số tăng-chúng theo học Hoằng Nhẫn rất đông, có tới trên ngàn người qui-tụ ở Hoàng-Mai-Sơn. Trong đám đệ-tử ấy có một người xuất chúng, vượt xa cả các tổ đời trước và đã mở đầu cho cả một thời kỳ Thiền-học thịnh-vượng ở Trung-Hoa gồm hai mươi năm cuối đời Đường khoảng từ năm 700 đến 906. Đó là đệ-lục tổ Huệ-Năng, một người quê mùa vô-học nhưng sớm đạt được tuệ-tâm. Ông đã đọc cho môn đệ chép một bộ sách căn-bản về giáo-lý Thiền-tông ở Trung-Hoa, tức là bộ Pháp-Bảo Đàn Kinh, nay còn truyền lại.

Theo lời Huệ-Năng tự thuật thì hồi còn nhỏ tuổi, trong một bữa đi bán củi, ông nghe thấy có người đọc kinh Kim-Cương, đến câu « Ưng vô-sở-trụ nhi sinh kỳ tâm » (Không lưu-luyến ràng buộc vào chỗ nào mà nảy sinh tâm sáng-suốt của mình) thì hốt-nhiên ngộ-đạo. Nghe tiếng thiền sư Hoằng-Nhẫn, ông tìm đến Hoàng-Mai cầu đạo.

Đệ-ngũ tổ hỏi :

— Ngươi ở phương nào ? Muốn cầu việc chi ?

— Đệ-tử là người bá tánh ở Tân-Châu thuộc về xứ Lĩnh-Nam, từ phương xa đến lễ thầy, chỉ cầu làm Phật chứ không cầu việc gì khác.

Tổ nói : Ngươi là người Lĩnh-nam, lại là dòng mạn rợ, há kham làm Phật được sao ?

Huệ-Năng đáp :

— Người tuy có Nam Bắc, Phật tánh vốn không Nam Bắc. Cái thân mọi rợ này đối với hòa-thượng

chẳng đồng, nhưng Phật-tánh có chi sai khác !

Hoằng-Nhẫn thấy rõ căn-tánh siêu phàm của Huệ-Năng nhưng sợ đám tăng chúng sinh lòng ghen ghét nên sai Huệ-Năng theo họ mà làm việc. Suốt trong tám tháng, Huệ-Năng chỉ được dùng vào việc bửa củi và giã gạo. Một bữa, Hoằng-Nhẫn nhóm hết tăng đồ lại và bày tỏ ý muốn chọn người kế-vị. Ông bảo họ mỗi người làm một bài kệ trình lên, người nào làm bài xuất sắc nhất sẽ được truyền y-bát.

Bấy giờ có một vị thượng tọa đương làm chức giáo-thụ trong tăng-viện tên là Thần-Tú trình lên bài kệ sau đây :

Thân thị Bồ-đề thụ
Tâm như minh-kính đài
Thời thời cần phất thức
Mạc sử nhạ trần ai

nghĩa là :

Thân như cây Bồ-đề
Tâm như đài gương sáng
Cần phải năng lau sạch
Chớ để bợn trần ai

Hoằng-Nhẫn phê rằng : Người làm bài kệ này chưa thấy được bản tính, chỉ mới tới ngoài cửa chưa vào được bên trong, kiến-giải như vậy mà cầu vô-thượng bồ-đề thì chưa thể được.

Huệ-Năng vốn không biết chữ, khi nghe người khác đọc lại bài kệ của Thần-Tú thì lập tức ứng khẩu được một bài, nhờ người chép dùm và trình lên đệ ngũ tổ. Đây là nguyên văn :

Bồ-Đề bản phi thụ
Minh kính diệc phi đài
Bản lai vô nhất vật
Hà xứ nhạ trần ai

nghĩa là :

Bồ-Đề không phải cây
Gương sáng chẳng phải đài
Trước sau nào có vật
Đâu có bợn trần ai ?

Hễ thấy mọi người đều kinh ngạc. Tổ Hoằng-Nhẫn sợ có người mưu hại Huệ-Năng bèn lấy chân đạp bài kệ mà nói : Người làm bài này cũng chưa thấy được bản tính ». Tuy vậy, đến nửa đêm, Tổ mật truyền y-bát cho Huệ-Năng và dục ông phải lánh đi nơi khác. Huệ-Năng đi về phương Nam, lập pháp-môn ở Tào-Khê và trở thành đệ lục tổ.

Sau khi Huệ-Năng tịch diệt, Thiền-Tông lan rộng khắp nước Tàu và chia làm ngũ gia thất tông. Ngũ gia là Lâm-Tế, Quy-Ngưỡng, Tào-Động, Vân-Môn, Pháp-Nhỡn. Riêng phái Lâm Tế lại chia làm hai chi là Dương-Kỳ và Hoàng-Long, bởi thế mới gọi là ngũ gia thất tông.

Vào năm 580, đời Hậu Lý Nam-Đế (tức Lý-Phật-Tử : 571-602) có một vị thiền sư Ấn-Độ là Tì-Ni-Đa-Lưu-Chi (Vinitaruci), học trò của đệ tam tổ Tăng-Xán, đem giáo pháp Thiền-Tông du nhập Việt-Nam, trụ trì ở chùa Pháp-Vân (huyện Siêu-Loại, tỉnh Bắc-

Ninh bây giờ), và trở nên đệ nhất tổ Thiền-Tông ở nước ta.

Năm 820, một Thiền-sư Trung-Hoa là Vô-Ngôn-Thông sang Việt-Nam lập thành một dòng Thiền thứ hai. Năm 1069, vua Lý-Thánh-Tông khám phá trong đám tù nhân bắt được ở Chiêm Thành có một vị Thiền sư Trung-Hoa tên là Thảo-Đường. Nhà vua bèn phong làm Quốc-sư, cho ở chùa Khai Quốc, lập thành dòng Thiền thứ ba. Đó là ba dòng Thiền quan trọng trong thời kỳ Phật giáo thịnh hành ở nước ta. Từ đời Trần trở về sau, còn xuất hiện mấy môn phái khác như Trúc-Lâm, Lân-Giác, Nguyên-Thiều, Liễu Quán, nhưng ảnh hưởng không còn được mạnh mẽ như trước.

Ở Nhật-Bản, Phật-giáo du-nhập từ thế-kỷ thứ VI sau Công-Nguyên, nhưng mãi đến thế-kỷ XII-XIII Thiền tông mới thành-lập, nhờ ở hai nhà sư Eisai (1141-1215) và Dogen (1200-1253). Eisai sang Tàu học đạo và trở về nước lập ra phái Rinzai (Lâm-tế) tu theo Đốn pháp. Dogen về nước năm 1227 lập ra phái Sodo (Tào-Động) tu theo phép Tiệm. Với tính cách bất lập văn-tự, gạt bỏ mọi nghi thức cúng-tế và cầu-nguyện, chỉ đòi hỏi một tấm lòng tinh-tiến kiên trì, một kỷ-luật tinh-thần vững-chãi, Thiền-học đã đóng một vai trò quan trọng trong công-cuộc hun đúc tâm hồn người dân Nhật, nhất là hàng-ngũ võ-sĩ và chiến-sĩ.

***

DANH SÁCH 28 TỔ THIỀN Ở ẤN-ĐỘ

1.— Mahakasyappa (Ma Ha Ca Diệp)
2.— Ananda (A Nan Đà)
3.— Sanakavasa (Thương Na Hòa Tu)
4.— Upagupta (Ưu Ba Cúc Đa)
5.— Dhrtaka (Đề-Đa Ca)
6.— Mikkaka (Di-Già-Ca)
7.— Buddhanandi (Phật-Đà-Nan-Đề)
8.— Vasumitra (Ba-Tu-Mật-Đa)
9.— Buddhamitra (Phật Đà Mật Đa)
10.— Parsva (Hiệp Tôn Giả)
11.— Punyayasas (Phúc Na Gia-Xá)
12.— Asvaghosa (Mã-Minh Đại-Sĩ)
13.— Kapimala (Ca-Tì Ma-La)
14.— Nagarjuna (Long Thọ)
15.— Kanadeva (Ca-Na-Đề-Ba)
16.— Rahulata (Ra-Hầu-La-Đa)
17.— Sanghanandi (Tăng-Già Nan-Đề)
18.— Gayasata (Ca-Gia Xá-Đa)
19.— Kumarata (Cưu-Ma-La-Đa)
20.— Jayata (Xà-Dạ-Đa)
21.— Vasubandhu (Thế-Thân)
22.— Manorhita (Ma-Noa-La)
23.— Haklena (Hạc-Lặc-Gia)
24.— Aryasimha (Sư-Tử Tôn-Giả)
25.— Basiasita (Ba-Xá-Tư-Đa)
26.— Punyamitra (Bất-Như-Mật-Đa)
27.— Prajnatara (Bát-Nhã-Đa-La)
28.— Bodhidharma (Bồ-Đề Đạt-Ma)

Kỳ tới : *Tính-chất chủ-yếu của Triết-lý Thiền.*

SOCIÉTÉ INDOCHNIOISE DE DOCUMENTATION

et de

REPRÉSENTATIONS COMMERCIALES

S.I.D.E.R.C.O.

EXCLUSIVITÉS :

Whisky « **BALLANTINE'S** »

Cognac « **COURVOISIER** »

Sardines « **LES OCÉANIDES** »

Champagne « **HEIDSIECK & Co MONOPOLE** »

Vins de Chianti et Vermouth « **MIRAFIORE** »

Vin Rose Valpoliella Chiaretto « **MONTRESOR** »

Huile d'Olive « **ADOLPHE PUGET** »

18, Bến Bạch Đằng *Tél : 20.055*
SAIGON

LA SOCIÉTÉ URBAINE FONCIÈRE

S. U. F. O.

18. BEN BACH DANG — SAIGON

DOHAMIDE

4

NGƯỜI CHÀM

tại Việt Nam ngày nay

(xem từ B. K. số 135)

D.— Kẻ sống và người chết

Tang lễ

Theo tập tục, người Chàm *bani* chôn, còn người *kafia* thì thiêu người chết. Do đó, người Chàm bani có những nghĩa địa riêng và người chết nếu là con cái thì được chôn cùng hàng với người mẹ, dù là con trai hay con gái và đã lập gia đình hay chưa cũng vậy.

Còn người Chàm *kafia* thì có những nơi dành cho việc thiêu xác chết. Các gia đình giàu có nơi riêng để cất những hộp đựng xương ; những gia đình nghèo thì dầu trong rừng hoặc dưới những tàn cây có gai.

Người *bani* không để người chết trong nhà lâu và thường chôn ngay nơi nào thuận tiện, nếu không phải chết trong xóm làng. Những người chết ngoài rừng muốn đem vào thôn xóm, cần phải mời các ông Guru và Mươm đến làm phép trừ tà ma trước đã.

Trong trường hợp chôn tạm, người ta đợi một thời gian đến ngày do ông Mươm hoặc Guru định, sẽ làm lễ quật mồ và lấy xương cốt về chôn ở nghĩa địa gia đình.

Những người chết về bịnh thông thường được các vị chức sắc hàng Mươm hoặc Tip do ông Guru chỉ định đến lo liệu các thể thức mai táng. Lúc làm phép chôn phải có một chiếc nhẫn thường bằng đồng (nhà giàu làm bằng vàng) mà sau đó sẽ

thuộc ông Mươm làm lễ. Về chiếc nhẫn này, có nhiều giải thích khác nhau chẳng hạn là trên dương gian các cuộc hôn nhân đều phải có nhẫn thì sau khi chết cũng cần có nhẫn để dễ tìm nhau.

Tục thiêu xác người chết của người Chàm theo Bà-la-môn, có ý nghĩa tẩy sạch các tội lỗi của kẻ quá vãng. Tuy nhiên, trẻ em thì được chôn cất. Có trường hợp người lớn cũng được chôn tạm, nhưng sau đó vẫn phải quật mồ, để làm lễ thiêu.

Trước khi thiêu, xác kẻ quá vãng được đặt nhiều ngày trên một cái giàn có nóc che kiến trúc đặc biệt gọi là « kadjang matai », đầu hướng về phía mặt trời mọc.

Trong thời gian quàn tại đây, xác được bao phủ những bìa (do các ông « Xeh » vẽ) và đặt nằm trên 9 chiếc chiếu tượng trưng 9 tháng cưu mang của mẹ.

Một chiếc chiếu khác bó thân từ đầu đến chân, và bên trên chồng chất những lớp quần áo.

Bên cạnh, có bộ đồ trà, hộp trầu, hộp thuốc...

Trong thời gian quàn, thân nhân khóc than, các ông « Xà », ông « Xeh » túc trực đọc kinh có đờn phụ họa.

Đến ngày giờ thiêu, con cái và họ hàng nằm rạp xuống lạy 3 lạy để tiễn đưa kẻ quá cố.

Người có trách nhiệm giữ nhà của kẻ quá vãng hoặc thay thế người đã mất, vào nhà đóng kín cửa lại và ở một mình trong nhà không được nói chuyện với bất cứ ai ở ngoài, trong khi tiến hành lễ thiêu xác.

Nhà giàn được phá một cách nhanh chóng và người ta đắp thêm những chiếc chiếu khác lên xác chết, cốt để che mắt kẻ quá vãng « khỏi thấy đường về nhà ».

Người ta cuốc quanh nơi đặt xác đàng này một nhát đàng nọ một nhát cũng cốt để ngăn đường về của vong linh, mối lo ngại chính yếu của những người làm lễ an táng.

Thi hài được chuyển đến nơi thiêu, thường cách xa nhà hàng trăm thước.

Một ông « Xeh » trưởng đoàn đến địa điểm thiêu, đào ngay giữa một lỗ nhỏ rồi cung rượu 3 lần.

Bốn vị khác tiếp đó cũng đào lỗ ở bốn góc và đặt 4 cột trụ chống đỡ giàn thiêu.

Một vị « Xeh » đặt 3 que củi theo chiều hướng mặt trời mọc, một vị thứ hai cũng đặt củi nhưng theo hướng Bắc, rồi vị thứ ba theo hướng Nam. Cứ như vậy, lần lượt đến các vị khác làm theo. Kế đến người con út, thừa kế chính yếu của kẻ quá cố, tiếp theo là các con khác rồi tới họ hàng cùng nhau mỗi người đặt vào ba que củi.

Một ông Xeh cầm một đèn cầy vẽ lên trên không những chữ bùa, đặt lên lưỡi kẻ quá cố vài hột gạo rang, rãi vài chiếc hoa trên đầu, quăng nắm gạo vào lửa rồi đến đứng phía dưới chân, cùng lập lại một số cử chỉ trên.

Một bộ chăn áo và một chiếc khăn sè được lưu lại dành cho đứa con gái út cất đi thừa hưởng di sản, nhận ngày giỗ để cúng bái.

Di hài cùng nhà giàu đều được đặt trên củi có dầu tưới sẵn nên lửa châm vào là phừng cháy liền. Họ hàng đồng quỳ lạy tiễn đưa lần cuối.

Lửa cháy được một lát thì một thân nhân cầm cái cuốc hay rìu, chặt đầu tử thi rời ra và đập lấy 9 miếng xương trán nếu là đàn ông và 7 miếng nếu là đàn bà, đem đặt trong một cái lỗ đầy nước đào sẵn. Phần xương đầu còn lại được quăng trở vào lửa để cháy tiêu tan.

Sau cùng những miếng xương trán đã bỏ vào lỗ nước, được vớt lên để đặt vào một cái hộp.

Sự hãm hại của vong linh kẻ quá vãng dường như luôn luôn ám ảnh người ta. Bởi vậy trên đường về, các ông « Xà » « Xeh » là những người đã giữ vai trò tích cực trong việc thiêu đốt, giờ đây phải lật ngược áo chăn lại, giả dạng như những người thường khác.

Đến cửa nhà người quá vãng, một vị « Xeh » thường tằng hắng và lên tiếng gọi 3 lần người thân nhân trước đã được cắt đặt ở lại giữ nhà.

Một số câu hỏi và câu trả lời được trao đổi, bao quanh vấn đề tất cả đều tốt lành.

Cửa mở, mọi người đi vào và cùng ăn uống.

Những việc cúng kiếng từ ngày chết đến ngày thiêu gọi là « padhi ».

Ngày giỗ mãn năm gọi là « patrip ».

Thường hộp đựng xương trán của kẻ chết được chôn tạm sau nhà, hay ở một nơi nào đó có cây cối, để bảy năm sau, đem chôn nơi ngôi mộ gia đình, kể cận sở ruộng của tổ tiên với một cuộc lễ rất trọng thể.

Sự thờ phượng tổ tiên, các lễ cúng trước các nấm mồ của thân nhân, được thực hiện với mối lo ngại là để bảo vệ người sống được yên ổn. Người ta rất lo sợ những kẻ đã khuất trách phiền, làm cho đau ốm, gặp tai nạn. Mà chỉ có cúng kiến mới có thể qua khỏi được.

Sự chú tâm làm vừa lòng kẻ đã khuất có lẽ lấn át một phần lớn lòng tôn kính cùng nghĩa vụ tự của họ hàng đối với người quá vãng.

Những lễ cúng hàng ngày

Với tâm trạng kể trên tất nhiên người ta phải cúng bái liên miên.

Khi người mẹ mang thai là đã phải van vái Pô Nogar (Tháp Bà Nha-Trang) phù hộ cho mẹ tròn con vuông rồi. Bảy ngày sau khi sanh, người đàn bà chủ gia đình phải cúng một cặp gà, trao thân phận đứa bé cho Po Nogar phù hộ.

Đứa con trưởng thành, người mẹ phải đến đáp công ơn Po Nagar bằng một con dê và một chăn «Bành». Một vị pháp sư thay mặt gia chủ đứng ra cúng sẽ nhận những lễ vật này.

Một vị thứ nhì thường được van vái là Pô Klong Tchăk vốn là vị tướng lãnh ngày trước phò vua, ngày

nay được dân địa phương tin là vẫn còn phò hộ dân Chàm.

Vị thứ ba là «Pô Prok» «Pô Tra» luôn luôn được người Chàm nhắc nhở tới mỗi khi phải đi xa hoặc làm công việc gì, cần cầu xin sự phụ giúp che chở.

Mỗi khi đau ốm hoặc trong nhà có việc gì hệ trọng, người ta cho mời bà đồng đến, ngồi im cầm một sợi chỉ treo chiếc kéo (hala kati) cắt cau lủng lẳng. Khi nào chiếc kéo này đưa qua đưa lại tức là đã có kẻ khuất mặt nhập vào, thì người đàn bà bắt đầu nói cho biết cần phải cúng bằng những thức gì, chẳng hạn : Một con dê, một cặp gà v.v...

Cả đến khi mang cày ra ruộng, cũng phải qua những sự cúng kiếng phức tạp.

Khi vạch luống cầy đầu tiên, phải có lễ thưa trình với «Pô Prok» «Pô Tra» rồi đến lễ ra mắt Thổ thần (Pô Phùm).

Người ta tin rằng nếu không có những lễ trên, người sẽ bị bịnh, thú vật đau ốm v.v... Có hạng người chuyên môn mới đủ tư cách cúng, và mỗi lần cúng như thế, gia chủ phải tốn ít nhất cũng năm bảy giạ lúa.

Một người bị hoạn nạn van vái thần linh cho tai qua nạn khỏi, thường hứa sẽ làm lễ tạ ơn gọi là «Ra Chà». Người cúng vái phải nhớ giữ lời hứa của mình ; bằng không, nếu có xảy ra đau ốm trong gia đình thì mọi người sẽ đổ lỗi là do việc không làm đúng theo lời nguyện đó.

Đây là một lễ cúng có tánh cách chung cho cả người « Chàm bani » lẫn người « Chàm kafia », nhưng người định ngày thuận tiện để tổ chức lễ cúng thì luôn luôn là ông Guru của « Chàm bani ».

Việc điều khiển buổi lễ do một vị gọi là « M' Đuôn » mặc áo dài trắng như áo của ông «Xeh». Chính ông M' Đuôn thay mặt gia chủ van vái, tay nhịp trống, miệng hát để cho « Bà Chầu » múa theo nhịp điệu đặc biệt của cuộc lễ.

«Bà Chầu» là người được lựa chọn trong họ hàng của gia chủ do cuộc lên đồng được tổ chức tại nhà.

Cuộc lễ kéo dài 6, 7 đêm tùy theo lời nguyện và số người cúng vái.

Mỗi người vái có phần đài thọ hai đêm, nhưng ngay đêm đầu là những cuộc múa linh đình, để làm hài lòng các thần linh được sùng kính như «Pô Klong Garaï», « Pô Nogar taha », «Pô Romê»... Mỗi điệu múa đều cần một bộ áo riêng, có những nhịp trống riêng.

Đêm đầu kết thúc bằng việc rót rượu của ông «M' Đuôn» mời tất cả thần linh.

Đến đêm thứ hai gồm một phần múa đơn giản và phần chánh là việc ông «Rô tol» tay vỗ trống miệng hát «lê la», câu dài ngắn tùy theo biệt tài ứng khẩu thích hợp với việc ước nguyện của gia chủ.

Lại còn những lễ cúng linh đình trên tháp «Pô Klong Garaï» cuộc lễ mà giới tăng tử « kafia » được huy động,

nhưng những người tham dự, quỳ rạp lạy từ phía ngoài không thể phân biệt được « bani » hay là « Kafia » gì cả.

***

Âu cũng là cuộc sống của một lớp người không muốn quay về đau buồn với dĩ vãng.

Người Chàm miền Trung ngày nay nghèo nàn từ vật chất đến tinh thần cảm thấy mình quá bé nhỏ trước thiên nhiên, chỉ đành tôn sùng một cách vô vọng những công trình huy hoàng vĩ đại của người xưa, rồi dần dà sự thành kính biến thành sợ hãi chuyển dần đến mê tín.

Nhưng qua những ràng buộc trang nghiêm đó, người Chàm miền Trung khi nghỉ ngơi, cũng có những lúc cất tiếng hát, âm thanh, nhạc điệu gợi lên bao nhiêu ảo ảnh, bao nhiêu mộng tưởng, với tác dụng làm dịu lòng người.

Lại thêm những điệu múa thướt tha của những cô gái dưới ánh trăng, trong những ngày đình đám, những giọng hát đối của đôi nhân tình xây tương lai, bên nhịp chày giã gạo...

Chính đó là một chút nguồn sống hồn nhiên mà người ta còn nhận được ở người Chàm miền Trung ngày nay.

DOHAMIDE

Kỳ sau.— *Người Chàm Châu-Đốc*

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742

Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane — Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

- *Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.*
- *Installations de gazothérapie.*

Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

(BANQUE COMMERCIALE & INDUSTRIELLE du VIET-NAM)

Số vốn : V.N. $ 50.000.000

TỔNG CUỘC SAIGON :

93 - 95, Đại - lộ Hàm - Nghi

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Điện tín : VIETNAMBANK

CHI NHÁNH :

— SAIGON, 209-213 đại-lộ Trần-Hưng-Đạo

— ĐÀ-NẴNG (Tourane), 59 đường Độc-Lập

ĐẢM-NHIỆM tất cả NGHIỆP-VỤ NGÂN-HÀNG

— CÓ ĐẠI-DIỆN KHẮP HOÀN-CẦU —

NGUYỄN-HIỀN-LÊ

danh nhân

IGNACE PHILIPPE SEMMELWEIS

(1818 — 1865) *MỘT NGƯỜI CHẾT ĐỂ CHO NGƯỜI KHÁC SỐNG*

● Khi vận trời bắt những người như vậy phải đóng vai Tiên tri thì vở kịch luôn luôn biến thành một bi kịch. Còn là may cho nhân loại đấy nên lời Tiên tri không tiêu tràn với nhà Tiên tri.

W. A. Freund

LÀM được một việc thiện không phải là dễ! Có đủ sáng suốt để thấy con đường phải, đủ nghị lực để theo con đường đó, lại được bạn bè giúp sức, mà rồi phải thất bại trước sự ngu muội mênh mông của người đương thời, tánh thủ cựu bất di bất dịch của nhân loại, thói tranh quyền cố vị của người trên, lòng ghen ghét ti tiện của kẻ đồng nghiệp, đó là trường hợp chua xót của Ignace Philippe Semmelweis, một người trong ba chục năm chỉ hô hào — bằng diễn thuyết, bằng sách, báo — mỗi một việc rất dễ dàng là rửa tay, để cứu hàng triệu nhân mạng, mà chẳng ai theo cả, lại còn cản trở, chế giễu nữa, đến nỗi thấy đàn bà trẻ con chết cứ như rạ, ông đau lòng quá, hóa mất trí, tìm cách tự tử rồi tắt thở trong một nhà thương điên, xa gia đình, xa tổ quốc.

***

Ông sinh ngày 1-7-1818 ở Budapest (Hung-Gia-Lợi) trước Pasteur bốn năm, trong một gia đình bán tạp hóa. Cha là Joseph và mẹ là Thérèse.

Tuổi nhỏ của ông không có gì đặc biệt Năm 19 tuổi, ông lại Vienne, kinh đô Áo, học luật. Một hôm ông theo bạn lại trường Y khoa, dự thính một bài giải phẫu. Nghe giáo sư giảng những huyền-bí của cơ thể con người, ông thích quá về viết ngay một bức thư cho song thân xin được bỏ luật khoa để học y khoa.

Được cha mẹ cho phép, Semmelweis đem tất cả tâm lực để học, quên ăn quên

ngủ, quý những sách y học như Thánh Kinh, coi Y khoa học đường như một ngôi đền, đọc sách suốt ngày, gặp chỗ nào không hiểu thì hỏi thày, hỏi bạn cho được. Một lần một giáo sư giảng về chất cơ lo (chlore), bảo chất đó có tính cách giết mọi thứ khí độc rất nhanh, ngăn được sự truyền nhiễm. Cả lớp chỉ có một mình chàng đưa tay hỏi :

— Thưa giáo sư, nó giết khí độc cách nào ạ ?

— Chẳng hạn, dùng nó thì mổ xẻ các thây ma, sẽ không bị nhiễm độc. Cậu hiểu rồi chứ ?

— Dạ. Nhưng người ta diệt các khí độc *cách nào* ạ ?

— Khi cậu thở là cậu hít không khí. Nếu không hít không khí thì cậu sẽ chết. Thì đó, không khí duy trì sự sống *cách đó*. Mà không khí duy trì sự sống ra sao thì hơi cơ-lo tiêu diệt các hơi độc cũng như vậy. Hiểu chưa ?

— Thưa giáo sư, tôi vẫn chưa nghe ra ạ.

— A, cậu vẫn chưa nghe ra ? Nhưng cậu biết rằng nó *như vậy* chứ ?

— Thưa biết.

— Thôi, hết giờ rồi. Để kỳ sau.

Xét câu chuyện đó, ta thấy Semmelweis có óc tiến hơn người đương thời, và phải đợi vài ba chục năm sau, khi thuyết của Pasteur ra đời, người ta mới có thể đáp câu hỏi của chàng được.

Nhờ trí thông minh, tính chuyên cần, đứng đắn, chàng được hai Giáo sư ở Vienne, tức Rokitansky và Skoda che chở, tận tâm chỉ bảo, cho tiền may quần áo, mời về ở chung nhà. Cả hai sau đều thành những bạn thân, những người đỡ đầu của Semmelweis.

Nhờ sự giúp đỡ của Skoda và Rokitansky, mà sự học của Semmelweis rất tấn tới, chàng nổi tiếng là một sinh viên xuất sắc nhất trường.

Một hôm Skoda giao cho chàng săn sóc một em nhỏ 18 tháng bị chứng sốt và đi tướt, trị không nổi, và đứa nhỏ tắt thở dưới mắt chàng.

Chàng đau đớn trở về phòng, thấy cái ngu của mình mênh mông như biển mà cái tội của mình nặng như núi. Rồi một em khác cũng mắc bệnh đó, chàng trị cũng vô hiệu. Sáng sớm chàng vội vàng đi kiếm Skoda, năn nỉ :

— Thưa bác sĩ, xin bác sĩ tới liền cho. Tôi đã lầm lỡ một cách ghê gớm.

Skoda đương ngủ, phải thay quần áo, đi theo tới nhà thương, rồi lại giường của em nhỏ thứ nhì.

Semmelweis mếu máo, nói :

— Tôi xin lỗi bác sĩ, đã làm nhục cho tôi mà còn làm nhục cho nhà thương nữa... Tôi xin thú thực không trị nổi, xin bác sĩ làm ơn chữa giùm em nhỏ này. Tôi muốn bỏ nghề này thôi, tôi không thể nào thành lương y được.

Các bệnh nhân trong phòng bắt đầu nhao nhao lên. Skoda phải kéo Semmelweis ra ngoài sân, bảo :

— Đứa nhỏ đó sắp chết. Không thể chữa được.

— Không có thuốc gì cả ? Vô phương?

— Vô phương. Anh cho nó là bệnh gì ?

— Dạ, bệnh thổ tả.

— Không đúng hẳn. Nó bị bệnh thương hàn. Nặng lắm rồi. Ỉa ra máu rồi. Lủng ruột rồi.

Semmelweis rưng rưng nước mắt. Skoda nắm tay chàng, dắt lại một phòng, bảo :

— Cảm xúc như vậy là vô lối. Phải thắng nó đi. Khoa học không cần dùng tới cảm xúc. Lòng thương và nước mắt không cứu được bệnh.

— Thưa bác sĩ, nhưng thấy họ chết mà chịu không được. Họ tin cậy ở tôi như vậy !

— Bệnh đó không có thuốc chữa. Những bệnh nội thương thì có phương pháp hay nhất là đừng làm gì cả. Vả lại ai cũng phải chết. Dù anh chữa được cho nó, thì cũng chỉ là kéo dài cái hạn chết ra thôi. Anh phải diệt cái bệnh thương người đó đi thì mới làm y sĩ được, nghe chưa ?

— Thưa bác sĩ, vâng ạ.

Nhưng Skoda không biết rằng bệnh thương người cũng lại là một bệnh vô phương chữa nữa. Và Semmelweis còn mang lụy nhiều về nó.

*
* *

Năm 1844 Semmelweis vừa mới đậu bác sĩ thì có tin thân mẫu đau nặng. Chàng về chỉ kịp đi đưa ma, rồi trở lại Vienne ngay để học thêm về sản khoa.

Cuối thế kỷ 17, ở châu Âu, đàn ông không được phép làm nghề hộ sinh. Qua đầu thế kỷ 18, tình trạng cải thiện một chút : đàn ông được làm nghề đó, nhưng khi vào phòng sản phụ thì phải hai y sĩ cùng vào, phải có mặt người chồng sản phụ hoặc một người nhà của sản phụ ở trong phòng ; y sĩ lại phải cải trang làm phụ nữ, mặt trùm khăn voan, mà không được nói một tiếng nào trong khi đỡ đẻ, kẻo sản phụ thấy y phục, nghe giọng nói của họ, nhận ra là đàn ông mà mắc cỡ. Họ đỡ đẻ lạ lùng lắm : sản phụ nằm trên giường, bận y phục dài như thường, y sĩ luồn tay vào trong y phục đỡ đứa bé, khi đỡ xong, tắm nó bằng nước tiểu của chó, rồi lẳng lặng đi ra, có khi nhau quấn cả vào chân người mẹ cũng mặc. Chính Semmelweis đã ra đời trong trường hợp như vậy.

Hồi đó, không có nhà hộ sinh, và y sĩ phải tới nhà sản phụ. Ít năm sau, hoàng hậu Marie Thérèse cho lập một khu hộ sinh trong Đại dưỡng đường Vienne. Khu này có một phòng giải phẫu. Mới đầu người ta dùng hình nộm để chỉ cơ thể sản phụ cho sinh viên ; rồi sau mới được phép mổ xẻ thây ma. Ngày nào Semmelweis và bạn học cũng dự những buổi giải phẫu. Vì thây ma rất nhiều. Giáo sư mổ bụng một tử thi lấy một hài nhi đặt vào bụng tử thi đó, rồi trùm khăn lên kín từ trên xuống dưới. Sinh viên luồn tay dưới tấm khăn, kéo thây hài nhi ra, tất nhiên là không phải qua vết mổ ở bụng.

Xong giờ, sinh viên rửa tay qua loa trong một thùng nước rồi sang phòng sản phụ để thăm mạch, đỡ đẻ. Có khi vội quá, họ chẳng thèm rửa, cứ để máu mủ đầy tay, chỉ vẩy vẩy vài cái, hoặc chùi qua loa vào áo ngoài, vào túi quần. Phòng giải phẫu hôi thối không thể tưởng tượng được; từ bàn ghế, tới khăn, nệm, dụng

cụ đều dính những máu, mủ. Mà phòng sản phụ cũng không sạch gì hơn.

Hoàng hậu Marie Thérèse lập ra khu đó vì nhân đạo, cốt để thu nhận, giúp đỡ những đàn bà chửa hoang, hoặc nghèo khổ, và nuôi nấng những trẻ vô thừa nhận. Cho nên bà ra lệnh rằng bất kỳ người đàn bà nào xin vào nằm cũng được, không cần phải khai tên tuổi của mình và của chồng, và một khi vào nằm đó thì chồng con, thân thích cũng không được vào để phá rối. Sở dĩ có nội quy đó là do tình trạng xã hội. Không hiểu tại sao mà chính phủ Áo lại cấm những người mù chữ làm lễ cưới. Dân lo kiếm ăn chưa xong, thì giờ đâu đi học, cho nên non nửa thiếu nhi ra đời đều là những đứa con hoang ; cũng có một số trẻ hoang là con của những ông lớn bà lớn. Như vậy thì tất nhiên phải lập một khu để chứa hạng đó.

Khu hộ sinh ở Vienne gồm ba tiểu khu.

Tiểu khu thứ nhất do Klein chỉ huy và các sinh viên phụ tá. Ông ta 52 tuổi, dốt, không có cao vọng gì cả, chỉ mong cố bám chặt lấy địa vị nhờ chính sách luồn cúi, gây bè đảng, triệt để tuân lệnh bề trên, không dám làm mất lòng cụ lớn này cụ lớn khác, nên chăm chú vào việc thảo phúc trình, sửa đổi sự kiện và con số sao cho khỏi bị rầy. Chẳng hạn số người chết vì một bệnh dịch nào tăng lên thì ông rút xuống, cho là họ chết vì những bệnh khác, rồi khoe với cấp trên rằng nhân viên của ông đã tận tâm, nhất là phương thuốc của ông đã hiệu nghiệm. Mỗi lần đi thăm bệnh, ông ta chỉ chú trọng khám xem giường kê có ngay hàng không. Ông cầm cây thước đo, hễ sai một phân là quát tháo ầm ĩ lên. Còn bệnh nhân thì ông chỉ ngó qua, gật gật rồi đi. Quan niệm của ông về nghề y sĩ rất kỳ quặc : chỉ cần đoán đúng bệnh là giỏi rồi, còn vấn đề chữa không quan trọng, con bệnh sống hay chết không cần biết.

Tiểu khu thứ nhì và thứ ba do bác sĩ Bartsh chỉ huy và các cô đỡ phụ tá. Bartsh hiền lành, hơi nhút nhát, học tầm thường, không có tài gì cả.

Tiểu khu thứ nhất và thứ nhì thu nhận những người nghèo, chứa được ba trăm rưỡi giường kê trong những phòng rộng mênh mông. Một khi đã vô đó nằm thì được luật pháp che chở : công an cũng không được bắt bớ, tra xét tên tuổi của sản phụ, dù có lệnh của triều đình.

Tiểu khu thứ ba gồm 60 giường giành cho người giàu có, chịu đóng tiền. Có phòng sáu giường, có phòng mười giường. Có lối đi riêng, có cửa riêng để người ngoài khỏi trông thấy. Hầu hết sản phụ đều ở trong hạng quý phái, có ngoại tình, giả trang, che kín mặt không cho ai nhận ra được. Họ ghi tên và địa chỉ thật trong một miếng giấy, đưa cho y sĩ, y sĩ niêm phong lại trước mặt họ. Họ muốn nằm bao lâu thì nằm, muốn ra lúc nào thì ra. Khi ra, người ta trả lại họ bao thư có địa chỉ và tên tuổi, còn y nguyên. Họ có thể mang theo đứa trẻ hoặc giao lại cho dưỡng đường nuôi. Khi có người chết, người ta mở bao thư ra, coi địa chỉ và báo cho thân

quyển biết, nếu trong thư có dặn như vậy, bằng không thì thôi.

Mà họ chết rất nhiều. Trung bình là chết một phần ba. Tình trạng đó chung cả châu Âu. Có năm Dưỡng đường Hôtel-Dieu ở Ba-Lê chết già nửa số sản phụ. Bốn năm liền, nhà hộ sinh ở Iéna sản phụ chết hết ráo, không một người nào sống sót. Trẻ con cũng vậy. Đẻ ra được ít ngày là chết, chết 8 phần 10. Có khi cả chục người bệnh nằm chung một giường ; những sản phụ mới sanh nằm bên những kẻ hấp hối hoặc những thây ma lạnh ngắt mà hai mươi bốn giờ sau người ta mới chịu khiêng xuống nhà xác.

***

Ở Đại Dưỡng đường Vienne, tiểu khu hộ sinh thứ nhất nổi tiếng là chết nhiều nhất vì bệnh sản hậu.

Semmelweis ngày nào cũng mổ xẻ một hai thây ma, chết vì bệnh sốt sản hậu (fièvre puerpérale) vì hết thảy các sản phụ trong nhà thương đều mắc bệnh đó mà qua đời.

Chàng nhất quyết tìm hiểu thật kỹ bệnh đó, đọc hết các sách về nguyên nhân triệu chứng bệnh sốt sản hậu và các phương chữa. Chàng học tới thuộc lòng những tác phẩm chính. Nhưng không có tác giả nào đồng ý nhau cả. Người ta kể ra tới hai mươi tám nguyên nhân ; còn phương thuốc thì rất ít mà tuyệt nhiên không công hiệu. Chàng càng học càng thấy hoang mang, nghi ngờ, muốn kiếm ra nguyên nhân thứ hai mươi chín.

***

Một hôm, không cứu nổi một con bệnh chàng đau xót quá, gõ cửa phòng bác sĩ Giám đốc Klein, hỏi cách chữa. Klein đáp :

— Bác sĩ nhớ kỹ, bệnh sốt sản hậu là tại sữa lên, mà loài người chưa tìm được phương trị. Mà sau này, loài người cũng *không thể nào* tìm được phương trị. Nhớ rồi chứ ? Thế thì chúng ta đành vậy.

— Nhưng thưa ông Giám đốc, họ chết hoài, chết như rạ...

— A, nếu bác sĩ ngại thấy họ chết thì có thể lựa một nghề khác. Tôi đã dặn bác sĩ rồi mà : có muốn lại hỏi tôi điều gì thì phải đợi lúc từ 1 giờ đến 3 giờ rưỡi, mà bây giờ — ông ta cúi xuống ngó đồng hồ — mười một giờ mười.

— Tôi xin lỗi ông Giám đốc.

— Tôi tha lỗi. Từ trước tới nay, bác sĩ tỏ vẻ siêng năng, hoạt động. Thôi về phòng đi. Nhân tiện, tôi cho bác sĩ hay một điều : Khi lập ra khu hộ sinh này, Hoàng thượng có ra lệnh :

« Cứ theo đúng đường lối cũ, vì cái gì cũ cũng đã được thí nghiệm được coi là tốt rồi. Tổ tiên ta đã cho là tốt, thì tại sao chúng ta lại không cho là tốt ? Đừng tin những ý mới Trẫm không cần dùng những nhà bác học. Trẫm chỉ cần bề tôi trung tín. Kẻ nào muốn thờ trẫm thì phải theo lệnh trẫm. Kẻ nào không theo lệnh trẫm được mà ốc đầy ý mới, thì về vườn đi. Nếu họ không tự xin về thì trẫm sẽ cho người đuổi họ về .»

Sao, hiểu chưa, bác sĩ Semmelweis ?

— Dạ.

— Thôi bác sĩ đi ra.

Rồi Klein cúi xuống đọc tiếp bản báo cáo, cộng lại số sản phụ chết vì sốt sản

hậu : tháng trước chỉ có 21% ; tháng này có tăng lên nhiều thật, nhưng có tháng xuống. Rút cục tới cuối năm thì đâu cũng vào đó.

Trong lúc ấy, Semmelweis hầm hầm tiến về phòng giải phẫu, uất hận trào lên tới họng. Tương lai chàng ra sao, ta đã thấy được từ phút đó.

Semmelweis về phòng nắm chặt tay lại, nghiến răng :

— Không thể như vậy được ? Ta chịu làm một tên sát nhân sao ? Mà cái khu hộ sinh này thành một cái lò sát sinh sao ? Nhất định phải tìm được cách trị bệnh sốt sản hậu.

*
* *

Hết niên khóa đó, Semmelweis đậu bằng cấp giải phẫu, nhưng năm sau mới được thăng chức đệ nhất phụ tá ở tiểu khu I, dưới quyền trực tiếp của Klein. Lúc này trách nhiệm hoàn toàn về mình rồi. Chàng càng thấy rõ bổn phận mình là phải trị được bệnh đó.

Nhưng bị Klein ghét, ít tháng sau chàng bị giáng xuống làm phụ tá thứ nhì. Lại nhằm lúc thân phụ chàng chết, chàng chán nản xin nghỉ về chơi quê nhà ít lâu, rồi qua năm 1847 đi Venise nửa tháng. Khi trở về Vienne thì hay tin một đồng nghiệp của chàng, tên là Kolletschka mới từ trần.

Kolletschka là một bác sĩ nhũn nhặn, tận tâm, hiền lành, mới 43 tuổi, mà được toàn thể học trò và bạn bè kính mến. Trong một giờ giải phẫu, một sinh viên thực hành vụng về. Ông vội vàng thò tay ra để ngăn lại, không dè lưỡi dao của sinh viên đưa mạnh quá, chạm vào đầu ngón tay của ông : vết thương rất nhẹ chỉ chảy vài giọt máu. Ông vẫn tiếp tục giảng bài. Hôm sau thấy ngây ngất. Bệnh mỗi ngày một tăng, được bảy bữa thì chết. Bị nhiễm độc của tử thi.

Semmelweis làm việc trở lại, các bạn thân của chàng đã vận động cho chàng giữ chức cũ : đệ nhất phụ tá — nhưng chàng không vui vì cái tang đó và vì trong óc chàng lúc nào cũng lởn vởn những câu hỏi : « Tại sao tiểu khu II chết ít gấp ba tiểu khu I ? Tại sao có tháng tiểu khu I chết gấp 10 tiểu khu II ? Những thiếu phụ khoẻ mạnh, hồng hào, mà đẻ xong ít ngày là sốt rồi chết, chết từng loạt là tại sao ?».

*
* *

Một đêm, không ngủ được, chàng đi thăm mộ Kolletschka, đột nhiên nảy ra ý tìm coi hồ sơ về cái chết của bạn. Hồ sơ ghi :

« Hệ thống lâm ba sưng rất nặng ở phần trên.
Tĩnh mạch cũng sưng.
Phổi sưng.
Tim sưng.
Bụng sưng.
Màng óc sưng.
Tất cả những bộ phận đó đều có mủ màu như sữa, rất hôi thối. Mắt bên trái cũng vậy ».

Đủ hết. Đủ hết những triệu chứng của bệnh sốt sản hậu. Một ánh sáng rực rỡ loé ra trong óc Semmelweis. Chàng đọc đi đọc lại hồ sơ, nhớ lại thi thể

một sản phụ chết vì sốt sản hậu mà chàng mới mổ hồi sáng. Đúng cả, chỉ khác mỗi một điều là Kolletschka không có tử cung, nếu có thì tất tử cung cũng phải sưng. Chàng lại nghĩ tới những hài nhi sanh ra được năm sáu ngày rồi chết vì sốt. Thi thể của chúng mổ ra, cũng y như của mẹ chúng, y như của Kolletschka. Tất phải cùng do một nguyên-nhân. Chàng tìm thấy nguyên nhân đó rồi : nhiễm độc tử thi. Kolletschka bị nhiễm những chất độc của tử thi ở lưỡi dao, những chất đó vô máu rồi phá phách cơ thể. Các sản phụ bị nhiễm độc của tử thi do những bàn tay sinh viên và y sĩ đem lại trong khi đỡ đẻ cho họ. Chàng rùng mình. Các hài nhi bị nhiễm độc tử thi cũng vì những bàn tay sát nhân đó săn sóc (1) Những bàn tay nhơ nhớp mủ và máu mà khám xét cơ thể những kẻ khoẻ mạnh ! Chàng đã giết bao nhiêu mạng người ? Các bạn đồng nghiệp, các sinh viên của chàng trong Đại Dưỡng Đường Vienne này đã giết mấy vạn, mấy ức người rồi. Ở khắp châu Âu người ta đã giết mấy chục triệu người rồi từ khi ra cái lệ giải phẫu tử thi... Ừ, rất đúng. Bây giờ thì thấy tỏ như ban ngày : tiểu khu II chết ít vì do các cô đỡ săn sóc mà các cô này không được giải phẫu tử thi, tay không dính độc tử thi. Rồi chàng sung sướng, nhảy nhót vì đã kiếm được một phương cứu đời. Rất giản dị : *chỉ cần rửa tay thật kỹ trước khi khám bệnh là trị được chứng sốt sản hậu*. Chàng lại ngay bàn viết, ghi ý tưởng của chàng lên giấy. Năm đó là năm 1847, chàng 29 tuổi.

*
* *

Mới hừng sáng hôm sau, Semmelweis đã tới nhà thương, vẻ mặt hớn hở. Chàng muốn chạy khắp các phòng, lay các sản phụ, hô lớn lên. « Từ nay các bà yên tâm. Không còn bệnh sốt sản hậu nữa. Hết. Hết hẳn ».

Khi các sinh viên đã tới đủ, chàng nhóm họ lại, cảm động quá, không biết mở đầu ra sao. Mắt chàng rưng rưng. Đột nhiên chàng nói :

— Chúng ta sẽ trị được chứng sốt sản hậu. Tôi đã kiếm được cách. Các thầy biết đấy chứ, bác sĩ Kolletschka chết vì nhiễm độc tử thi. Mà triệu chứng của ông y như triệu chứng bệnh sốt sản hậu. Tôi đã đọc kỹ hồ sơ... Chính chúng ta là kẻ sát nhân.

Mọi người ngơ ngác, chẳng hiểu gì cả, tỏ vẻ lạnh lùng.

— Các thầy nghe kỹ chưa ? Từ nay, các thầy các cô và tôi, bất kỳ ai ở tiểu khu này cũng phải rửa tay kỹ trước khi khám bệnh.

— Tại sao vậy, bác sĩ ?

— Tại tay chúng ta dơ, dính độc tử thi rồi truyền độc đó vào cơ thể sản phụ, cho nên chúng ta phải rửa tay cho hết những độc đó đi. Nào, bây giờ chúng ta đi rửa tay.

(1) Ngày nay người ta biết rằng bệnh sốt sản hậu do những tỏa cầu khuẩn (streptocoque) sinh ra. Chúng nầy nở rất mau trong những da thịt thối nát, hoặc làm mủ ; hễ chúng vô được cơ thể — chẳng hạn do một vết tuương ở ngoài da — thì gây ra bệnh sốt, mê sảng, sưng màng óc, sưng phổi, sưng ruột... rất nguy cho tính mạng.

Có kẻ khúc khích cười. Có kẻ bĩu môi, nhún vai. Nhưng rồi người ta cũng đi rửa tay.

— Các thầy đưa tay tôi khám.

A, thế này thì quá lỗ rồi. Người ta là sinh viên, chứ đâu phải con nít nữa mà khám xem tay có sạch không.

— Xin lỗi bác sĩ, thuyết của bác sĩ có chắc đúng không đã, hay là bác sĩ chỉ muốn làm nhục chúng tôi thôi ? Chúng tôi đâu phải là em nhỏ ?

Semmelweis nổi giận, la :

— Các thầy còn nghi ngờ hả ? Thì cứ theo lời tôi xem có trị được bệnh sốt sản hậu không ? Rửa tay mà là nhục ư ? Vậy các thầy muốn tiếp tục giết người à ? Tôi chỉ đòi một điều rất dễ là rửa tay để cứu hàng vạn hàng ức nhân mạng, mà các thầy không chịu nghe ? Làm biếng, cái đó mới là nhục ! Tôi có trách nhiệm bảo vệ sinh mạng của những sản phụ và hài nhi trong tiểu khu này. Nếu các thầy không muốn tuân lệnh tôi thì các thầy có quyền đi ra. Còn như muốn ở lại đây, thì nhất định phải rửa tay !

Trong y học, một kỷ nguyên mới xuất hiện : kỷ nguyên phòng độc. Mà cuộc đời gian truân của Semmelweis cũng mới bắt đầu.

⁂

Kết quả là số chết giảm trông thấy. Hai tuần lễ sau, Semmelweis lại chơi Rokitansky và Skoda. Hai bác sĩ này khuyến khích chàng, nhưng bảo phải tiếp tục thí nghiệm lâu nữa, mới nửa tháng chưa thể kết luận được.

Tới cuối tháng năm năm 1847, số tử ở tiểu khu I hạ từ 18,26 % tới 12,24% Semmelweis vui mừng, nhưng chưa mãn nguyện, nghĩ rằng xà bông và nước lạnh chưa đủ trừ độc, nhớ lại bài học về chất cơ-lo (chlore) mà giáo sư cũ của chàng đã cho là chất mạnh nhất để trừ bệnh truyền nhiễm và mọi hơi độc. Chàng bèn ký bông xin nước Chlorina, rồi bắt các sinh viên, các cô đỡ, rửa tay thật kỹ bằng xà bông, xong lại rửa lần nữa bằng nước Chlorina. Chàng gí mũi vào sát bàn tay họ, hít xem còn mùi hôi thối của tử thi không, coi từng móng tay một xem còn dính chút dơ nào trong kẽ không, luôn luôn nhắc họ :

— Nhớ rửa tay hai lần trước khi đi khám bệnh.

Kết quả lần này không còn nghi ngờ gì nữa. Cuối tháng sáu, số người chết ở tiểu khu I hạ từ 12,24% tới 2,38%. Độc giả mừng cho chàng đã thành công, và phương pháp của chàng được truyền bá ngay khắp châu Âu. Nhưng tôi đã nói làm một việc thiện, đâu phải dễ như vậy? Nếu dễ, thì hôm nay tôi đã không chép lại truyện này.

Klein thấy kết quả của Semmelweis, sợ địa vị của mình sẽ lung lay, bắt đầu tấn công với sức kiên nhẫn của một con mọt và tánh nham hiểm của một con cáo. Hắn ra lệnh cấm dùng nước Chlorina, lấy lẽ rằng đắt tiền quá, quỹ sẽ thâm hụt. Semmelweis phải tra cứu những sách hóa học chế tạo một thứ thuốc khử độc rất rẻ tiền nước vôi pha với cô-lo (chaux chlorurée . Kết quả rất khả quan. Tháng bảy, số người chết chỉ còn có 1,2%.

⁂

Ba bạn thân của ông là Skoda, Rokitansky và Hebra bấy giờ mới hoàn toàn tin, rủ nhau lên báo cáo cho Klein. Klein sợ sệt, lúng túng, nhìn bảng thống kê, bảo :

— Tin gì được những con số ? Người ta bắt nó nói gì mà chẳng được ? Lúc này hết thời dịch rồi, chớ có gì đâu ?

Skoda viết một bài tường thuật đăng vô tờ báo của hội Y học Vienne. Các sinh viên thân tín của ông và của Semmelweis gởi báo cùng mười hai bức thư đi khắp nơi ở trong nước và ngoài nước. Qua Anh, lên Norvège, lại Kiel mà số tử lên tới 75%, lại Berlin mà cứ ba sản phụ có hai người chết, sang Ý, Nga, Hòa-Lan, Pháp. Rồi cả bọn đợi...

Một tháng sau mới nhận được một bức của bác sĩ Simpson ở Luân-Đôn bảo rằng tính cách trừ độc của nước chaux chlorurée ở bên Anh người ta vẫn biết từ xưa, mà bệnh sốt sản hậu thì ai cũng biết là truyền nhiễm. Semmelweis thất vọng : người ta không đọc kỹ bài báo, không nhận thấy chỗ quan trọng là phải rửa tay để khử độc trước khi khám bệnh.

Năm 1848, cách mạng nổi ở Áo, nhưng cũng chẳng mang lại một sự thay đổi gì cả. Klein vẫn giữ chức cũ.

Mãi đến tháng tư 1849 Skoda mới nhận được lời cảm ơn đầu tiên của bác sĩ Michaelis ở Kiel, nơi mà người ta phải đóng cửa nhà hộ sinh vì bịnh sốt sản hậu giết nhiều người quá. Thư rằng :

« Khi tôi nhận được thư của ông thì tinh thần tôi lại đương chán nản ghê gớm. Nhà hộ sinh của chúng tôi phải đóng cửa từ ngày mùng một tháng bảy đến ngày mùng một tháng mười một. Rồi lại tiếp ba bệnh nhân : người thứ nhất chết, hai người sau may mà cứu được.

... Bài báo của ông làm cho tôi tin tưởng trở lại... Lần thứ nhất tôi thấy có một chút hy vọng... Tức thì tôi áp dụng phương pháp khử độc bằng nước vôi pha cơ-lo... Và từ đó, không thấy một sản phụ nào mắc bệnh sốt cả, trừ mỗi một người trong tháng hai... Cho nên tôi hết lòng cảm tạ ông... Ông đã giúp cho nhà hộ sinh của chúng tôi khỏi bị đóng cửa ; và ông đã cứu được hàng trăm nhân mạng... Xin ông cho tôi gởi lời ngưỡng mộ và cảm ơn bác sĩ Semmelweis... Khi tôi nghĩ tới những sản phụ mà chính tôi đã giết...

Ngay tối hôm đó Semmelweis trả lời bác sĩ Michaelis, hy vọng ông này sẽ là một người truyền bá đắc lực phương pháp của mình. Nhưng trớ trêu thay ! bức thư không bao giờ tới tay Michaelis cả, vì quá đau khổ, hối hận về tội lỗi của mình, Michaelis đã đâm đầu vào xe lửa để tự tử. Bác sĩ Litzmann lên thay ông ta, tức thì bỏ phương pháp phòng độc, cho nó là ngây thơ !

***

Trong lúc đó, ở Vienne, nhóm Skoda phấn khởi, thảo một bản thỉnh nguyện xin cấp tốc triệu tập một ủy ban gồm các y sĩ để định giá trị của sự phát minh. Đơn gởi lên triều đình. Klein phản động tức thì, báo động tất cả bọn thủ cựu và các giáo phái. Triều đình ra lệnh cho thượng thư bộ Giáo dục bác bỏ đơn đó, lấy lẽ rằng :

« Vấn đề đó cũng đáng nghiên cứu, nhưng chưa phải lúc, vì năm nay không

có dịch sốt sản hậu ; không thể so sánh tình hình năm nay với tình hình các năm trước được. Mà khi nào cần điều tra, thì chỉ có giáo sư Klein là được quyền điều tra thôi ».

Sự thực rành rành như vậy, hễ khử độc thì sống, không khử độc thì chết, mà người ta đổ cho thời tiết, rồi lại cấm nhóm Skoda, Semmelweis điều tra nữa!

Klein còn hô hào mọi giới tấn công Skoda. Các giáo phái la lên :

— Đồ duy vật !

Và các bác sĩ cũng hùa theo :

— Hoàn toàn duy vật ! Duy vật một cách ghê tởm !

Semmelweis bị cất chức phụ tá ở khu hộ sinh, hóa ra thất nghiệp phải từ biệt bạn bè, về Hung-Gia-Lợi.

***

Về tổ quốc, ông gặp bạn thân cũ là Markussovsky, được giới thiệu vào nhà hộ sinh Saint Roch của tỉnh Pesth. Nhà hộ sinh này rất nhỏ, chỉ bằng một phần mười khu hộ sinh Vienne, cả năm tiếp nhận chừng một trăm, hai trăm sản phụ. Viên Giám đốc là bác sĩ Birly, hiền lành nhưng óc hẹp hòi, mặc dầu đã đọc thuyết của ông, mà tuyệt nhiên không tin, cho rằng chỉ có mỗi một cách hiệu nghiệm để trị chứng sốt sản hậu là bắt sản phụ xổ mỗi ngày.

Cuối tháng đầu, Semmelweis làm cho số tử trụt từ 13% tới 0,46%. Birly trông con số đó, tươi cười bảo :

— Đó tôi nói có đúng không ? Từ khi ông mới tới, tôi đã dặn ông cứ cho họ xổ mỗi ngày là họ mạnh. Cám ơn ông, những sản phụ của nhà thương chúng ta được xổ kỹ nhất ở khắp nước.

Semmelweis chỉ đứng trơ trơ ra, không mỉm cười, mà cũng không thở dài được nữa. Chẳng một ai hiểu mình cả. Trong mấy năm, lời phê bình của các bác sĩ khắp nơi cũng thỉnh thoảng được bạn bè gởi tới cho ông, nhưng đều một giọng : « Đâu có giản dị như vậy ? » hoặc : « Nguyên do là tại khí độc, tại thời tiết, tại lên sữa... » Người ta chỉ biết lặp lại những thuyết cũ học ở trường ; người ta cũng chẳng thèm thí nghiệm nữa, cứ thấy cái gì mới là tin chắc rằng sai !

***

Mới 36 tuổi mà tóc ông đã hoa râm. Bác sĩ Birly qua đời, ông được thay chân giáo sư sản khoa. Số chết ở phòng hộ sinh xuống tới 0,39%. Ở Vienne, Klein chết, Carl Braun lên thế. Số tử trở lại như thời xưa 25%, 30%. Hébra không còn quản lý tờ Y học Vienne nữa, người thế chân cho đăng ngay một bài đả đảo phương pháp phòng độc của Semmelweis, đoạn kết có câu :

« Chúng tôi nghĩ rằng thuyết khử độc bằng nước chlorina đã chết từ lâu, chết hẳn rồi. Chúng tôi khuyên độc giả đừng để cho ngụy thuyết đó làm lầm lạc nữa. »

Hay những tin đó, ông chán nản. Trong lúc tinh thần đương xuống, may mắn ông gặp được một thiếu nữ, nàng Maria Weidenhofer. Nàng thì trẻ, con nhà giàu. Ông thì lớn tuổi, về mặt khắc khổ, y phục lôi thôi. Nhưng lần đầu mới gặp nhau, họ đã thương nhau liền. Ông đòi theo

nàng về nhà, nàng bằng lòng ; tới nơi ông xin hỏi nàng liền. Song thân nàng rất ngạc nhiên, chưa có thiện cảm với ông nên còn do dự hứa một năm sẽ cho cưới nhưng nhờ cô Maria năn nỉ cha mẹ, và nhờ tấm lòng thành khẩn của Semmelweis mà hôn lễ chỉ ba tháng sau đã cử hành.

Cô Maria hiểu lòng ông, hiểu tính tình nhất là hiểu lý tưởng của ông, nên ông đã được sống nhiều năm sung sướng. Nhưng một nhà bác học, thấy lý thuyết của mình không được chấp thuận, mà những lời hô hào nhân đạo của mình chỉ là những tiếng chuông trong sa mạc thì làm sao có thể hoàn toàn sung sướng được ? Cho nên ngoài những giờ vui với vợ con (ông bà sanh được một trai hai gái) ông vẫn như người mất hồn, cắm cổ làm việc cho hết ngày và viết sách để truyền bá cách trị bệnh của ông.

Trong khi đó, các bác sĩ ở Đức vẫn bảo bệnh đó do khí độc và do sữa lên. Hàn lâm viện Y học ở Ba-Lê tuyên bố chỉ dùng ký ninh là trị được. Có bác sĩ lại nói vu vơ rằng bệnh đó gốc ở tử cung (!) Bác sĩ Dubois lừng danh đương thời đăng đàn mạt sát ông là « thằng điên ở Pesth » rồi kết luận rằng chỉ có mỗi một cách trị là đóng cửa các nhà hộ sinh !

Đọc những tin đó, Semmelweis nắm tay lại, nghiến răng, la :

— Không có Trời ư ? Trời không có mắt ư ? Sao Trời để cho họ tiếp tục giết người như vậy ? Ở bên Anh, người ta liệm hai cái thây vào chung một quan tài để thiên hạ không thấy rằng chết nhiều tới mực nào !

Cô Maria lại an ủi chồng ; ông gục đầu vào lòng cô khóc nức nở.

Sách viết xong, rất đầy đủ và sáng sủa. Cũng chỉ có mỗi một tiếng vang nhỏ. Vài bác sĩ ở Greifswald, ở Helsingfors gởi thư về khen, hứa sẽ thí nghiệm phương pháp mới nhưng kết quả thí nghiệm ra sao thì họ không cho biết.

Nhưng một bức thư khen thì có biết bao bài báo cay độc.

Kẻ thì viết :

« *Trừ Semmelweis ra, không ai nhận thấy một chút kết quả gì của phép khử độc và cái lối rửa tay kỳ dị đó. Bệnh sốt sản hậu do một nguyên nhân bí mật, chưa ai biết là gì* ».

Kẻ thì nói, giọng khinh bỉ :

« *Dù giữ sạch sẽ đến cách nào nữa thì cũng vô hiệu, bệnh sốt sản hậu vẫn phát ra mạnh mẽ lạ lùng ở đây. Thuyết của Semmelweis phiến diện, hẹp hòi, sai lầm* ».

Thì ra từ trước tới sau, trừ mấy bạn thân ở Vienne : Skoda, Rokitansky, Hébra ; một bạn thân ở Pesth : Markusovsky ; trừ cô Marie, thì khắp châu Âu chỉ có hai người là tin chắc phương pháp của ông ; tức hai thầy trò Michaelis. Tiếc thay ! Michaelis thì vì hối hận mà tự tử, còn môn đệ của ông lại trẻ tuổi quá, rút cục cũng chẳng giúp Semmelweis được chút gì.

***

Hét vào tai các bạn đồng nghiệp trong hai chục năm mà vô hiệu — họ điếc hết, điếc đặc ! Ông thay đổi chính sách.

Một buổi sáng, mới tỉnh dậy, ông nảy ra một ý, nhảy phắt xuống sàn, chạy sang phòng giấy. Ông phải đi qua phòng chung Cô Marie hét lên :

— Mình !...

Ông tươi cười quay lại. Cô hoảng hốt nhìn ông :

— Có các con !

Ông cúi xuống nhìn, thì ra ông quên, không bận quần áo.

Hôm đó, ở nhà thương về, gặp một người đàn ông đứng tuổi, ông tiến lại, lễ phép thưa :

— Xin lỗi ông, chắc ông chưa biết thuyết của tôi về bệnh sốt sản hậu chứ ?...

Người đó trố mắt nhìn ông rồi vội vàng lánh xa. Thấy một cặp thanh niên khoác tay nhau, ông lại gần :

— Cô cậu sắp làm lễ cưới, phải không ? Tôi phải bảo trước : sẽ nguy hiểm lắm đấy... Khi nào sanh thì phải bắt bác sĩ rửa tay thật kỹ đi nhé ! Nhớ đấy.

Không thuyết phục các y sĩ được th ông muốn đi cảnh cáo từng người Ông đã bắt đầu loạn óc.

Tháng sau, trong một cuộc hội họp ở trường Đại học để giải quyết các vấn đề về trường, viên chủ tịch hỏi ý kiến ông, ông mở một tờ giấy ra, đọc :

« Tôi thề với Thượng-Đế tối cao tối đại, vạn trí vạn năng rằng không khi nào tôi hành hạ những con bệnh của tôi... »

Đó là lời thề của các cô đỡ. Cả phòng ngơ ngác và thương hại ông. Ông đọc xong hết lời thề, gục đầu xuống khóc. Các bạn ông đỡ ông về nhà, cho cô Maria hay, bàn thầm với cô phải đưa ông đi nhà thương điên ở Vienne. Cô Maria nức nở. Ông không hiểu tại sao, muốn lại an ủi, bỗng nhiên hiểu hết : « Mình điên rồi ». Ông hoảng hốt, toát mồ hôi, vào nằm trong phòng riêng. Một lúc sau ông mỉm cười một cách tinh quái.

Hôm sau ông dậy sớm, lại nhà in, đưa ra một tờ giấy nhỏ, bảo phải in gấp để 24 giờ sau lấy. Sáng hôm sau nữa, ông trở lại nhà in hỏi. Họ đưa ông một chồng giấy in chữ đậm những hàng này :

« Hỡi các bạn thanh niên nam và nữ ! Nguy đến tính mạng các bạn đấy. Bệnh sốt sản hậu rình các bạn. Các bạn phải coi chừng các y sĩ vì họ sẽ giết các bạn.

Các bạn nhớ kỹ : khi sanh, nếu TẤT CẢ *những cái gì chạm tới thân thể bạn mà không được rửa xà-bông thật kỹ, rồi kỳ cọ trong nước Chlorina, thì bạn sẽ chết đấy, bạn và cả con bạn.*

Tôi khuyên các y sĩ không được, vậy phải khuyên bạn.

Bạn phải tự che chở lấy mình.

Bạn thân của các bạn :
Ignace Philippe Semmelweis

Ông ôm gói giấy đó đi khắp các đường phố, gặp một thanh niên nào cũng phân phát, bắt buộc phải cầm lấy.

Xong việc, ông mỉm cười khoan khoái. Nhưng như vậy chưa đủ cho người ta tin. Ông chạy tới nhà thương, xông vào phòng giải phẫu, gạt các sinh viên ra, nắm lấy một con dao, đâm vào một tử thi vài ba nhát, cho dao dính đầy mủ, máu rồi đưa cao bàn tay trái, dùng ngay lưỡi dao đó cắt một ngón tay cho thành một vết thương khá sâu, sau cùng nhúng ngón tay chảy máu vô đám mủ hôi thối của tử

thi, ngoáy đi ngoáy lại rồi mới thở dài, bước ra. Cả phòng hoảng hốt. Ông nhất định tự tử, lấy cái chết của mình để làm gương cho thiên hạ, để mở mắt thiên hạ, chứng minh cho thiên hạ rằng bệnh sốt sản hậu do nhiễm độc mà sinh. Ôi chua xót ! Ông hy sinh thân ông, hy sinh cả người vợ trẻ và hiền, cả ba đứa con nhỏ của ông nữa. Một người nào đó đã nói : « Hễ còn cây thì còn thánh giá ». Đúng thay và đau đớn thay lời đó ! Trong lịch sử khoa học, tôi chưa thấy một sự hy sinh nào ghê ớm tới như vậy !

Hôm sau, cô Maria Markussovsky và vài bạn thân nữa đưa ông lại nhà thương điên ở Vienne. Các bạn thân ở Vienne ra đón ông ở nhà ga, ông tươi cười chào họ.

Cô Maria phải ở ngoài, mấy lần xin vào nuôi chồng và thăm chồng mà không được phép.

Ông nằm trong một phòng mà cửa sổ đều có chắn song sắt. Ngón tay sưng vù lên, cả cánh tay trái cũng sưng. Nửa thân trên nhức mỏi. Tỏa cầu khuẩn (streptocoque) đã phá phách tới bụng : như có lưỡi dao ngoáy ở trong đó. Đồng thời với bệnh điên, ông mắc thêm bệnh sốt y như sốt sản hậu.

Nửa đêm ông tỉnh dậy. Phòng tối đen. Ông lồm cồm ngồi lên, bước xuống sàn, ra cửa, xoay quả nắm, đụng đầu vào cánh cửa, la lên. Cửa mở. Một người gác ngó vào, hỏi :

— Cái gì vậy, bác sĩ ?

— Khuya rồi, trễ rồi. Tôi phải đi thăm con bệnh.

— Để đến sáng, bác sĩ.

— Không được ! Con bệnh đương cần tôi, đợi tôi.

— Họ ngủ hết rồi, bác sĩ.

Semmelweis thoi người gác một cái rất mạnh.

— Có cho tao ra không, quân sát nhân này ! Tao phải đi chữa cho bệnh nhân của tao.

Người gác thoi lại ông mấy cái túi bụi, xô ông vô rồi khóa cửa phòng lại. Ông la hét, đập phá suốt đêm.

Ngày 13 tháng 8 năm 1865, ông nằm hoi hóp trong phòng khám bệnh, hai bên là bác sĩ Hebra và bác sĩ Reidel, giám đốc bệnh viện. Ông mở mắt hỏi :

— Bác Hebra ngồi đó chứ ?... Tôi sẽ chiến đấu hoài, không ngừng đâu... Không khi nào !

Rồi ông tắt nghỉ, mà không được trông thấy mặt vợ con.

Đau đớn hơn nữa là cái chết của ông kéo thêm cái chết của cậu con trai tên là Bela. Cậu rất kính mến cha, ủ rũ trong mấy năm, thất vọng vì thuyết của cha không được xã hội công nhận, tự tử hồi hai mươi sáu tuổi.

Ông mất được mười bốn năm, nhà bác học Pasteur mới kiếm ra được vi trùng streptocoque trong máu bệnh nhân và lúc đó người ta mới nhận lời tiên tri của Semmelweis là đúng. Nhưng rồi lại phải đợi thêm 11 năm nữa, nghĩa là vào khoảng 1890 lớp bác sĩ già, thủ cựu chết hết, lớp người trẻ, có óc tân tiến lên thay, phương-pháp phòng độc của Semmelweis mới lan dần và được phổ biến. Năm 1891, xứ Hongrie bỗng nhiên nhận công lao

của ông, hành-diện đã sanh được một thiên tài, vào hàng ân nhân của thế giới, xin bốc hài cốt của ông từ Vienne về Budapesth để làm quốc táng. Nực cười nhất là cả Đức lẫn Áo phản đối kịch liệt, nhưng vô ích, viện cớ rằng ông là người Đức, lại được đào tạo ở Áo. Năm 1906, người ta dựng tượng cho ông. Và bây giờ thì nhân loại thoát hẳn cái kinh khủng của bệnh sốt sản hậu. Mọi người đều nhận rằng công của ông ngang công của Pasteur, rằng môn giải phẫu sở dĩ có kết quả, tấn phát mau là nhờ ông, người đã làm một cuộc đại cách mạng trong ngành sản khoa, đã hy sinh cho chân lý mà suốt đời bị thiên-hạ chê bai khinh bỉ, có khi chửi rủa nữa.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙ NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS & CABAUD

BẢO-HIEM

27-29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện-thoại : 23.739

ACCIDENTS — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS
Tai-Nạn Hỏa-Hoạn Hàng-Hải Linh.Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi nganh : *PARIS — TOURANE — HOLON — DALAT — CANTHO*
VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

THỜI BÁO

tờ báo của mọi gia đình

CÁC TRẺ SƠ SINH VÀ TRẺ EM NUÔI BẰNG SỮA BỘT

Guigoz

— Mau mập

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khỏe mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẨM CUỘC

66, GIA-LONG — SAIGON

B. N. C. I.

BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

S. A. au capital de 80.000.000 N. F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9e

SAIGON

36 Rue TÔN-THẤT-ĐẠM

135, *Đại-lộ NGUYỄN-HUỆ*
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

26, *Moha Vithei Preah Bat* **Norodom**
(ex Dudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B.P. 122

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601
P.O. Box nº 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F., A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bur au de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce Internationa!) ; à Mexico Banco del Atlantico ; à Panama (Panama Trust Co Inc.).

Lò đào-tạo người thượng-lưu

Nguyên-tác của Pierre Daninos

VI-HUYỀN-ĐẮC dịch thuật

Có mấy từ-ngữ, thành-ngữ, nó thường làm cho người ta nghĩ ngay tới người Anh, như :

U-mặc *(do chữ humour, dịch âm ra), một lối hài-hước thâm-trầm nhưng không ác-độc, nó bắt người ta phải nhích-mép cười vì đồng-tình, đồng-ý ;*

Cổ chịu đựng *(to take it), không nại-phiền, không than-van, oán-trách ; đem hết can-trường và nghị-lực ra để đối-phó với những nỗi khắt-khe, nếu gặp phải trong cuộc sống ;*

Người thượng-lưu *(gentleman), tùy từng trường hợp, danh-từ này có khá nhiều ý-nghĩ ; nó cũng có thể tương-đương với : người quân-tử, kẻ trượng-phu, hoặc sĩ-phu, quốc-sĩ... v... v...*

Lãnh-tĩnh *(Flagme), rất mực điềm-tĩnh trong khi xử nhân đãi-vật, để giữ lấy sự tự-chủ về phần mình ; nói một cách thông-tục là « phớt-tỉnh » đối với bất cứ việc gì và không bao giờ tỏ ra sôi-nổi, hăp-tăp, hăng-say.*

Cứ bình-tĩnh mà nói, không phải người Anh nào cũng có đủ cả những tinh-chất trên đây, nhưng, ít ra, họ cũng có một vài cái cốt-cách đó.

Trong đoạn văn này, tác-giả muốn nêu lên cái tinh-thần trách-nhiệm của người Anh trong việc chăm lo rèn nặn con cái họ ngay từ khi chúng bắt đầu cắp sách đi học.

LÒ ĐÀO-TẠO NGƯỜI THƯỢNG-LƯU

Học-sinh của họ phải học tập tất cả những cái gì nó làm cho chúng, trước hết, trở thành những « con người » xứng đáng với cái danh-hiệu đó, cả về thể-chất lẫn tinh-thần, rồi sau, mới đến sự rèn luyện về phần tri-thức và học-vấn.

(Người dịch)

Cái lò đào-tạo người thượng-lưu ở nước Anh, là những học-đường công-cộng (public-Schools); ở đó, nhà trường dạy cho trẻ em biết chạy mau trên bãi cỏ, biết nhảy qua những bờ giậu, biết chịu đựng roi vọt, và thứ nhất, biết tự kiềm-chế, khắc-kỷ, chứ không phải chỉ để trở thành những « cây lau, cây sậy biết suy tư », như ở những nước theo văn-hóa la-tanh.

Ở những trường công-cộng như: Eton, Harrow, Winchester, cái mục-đích tối cao của sự giáo dục, không những chỉ lo có một việc mở mang trí-tuệ cho con trẻ, mà còn phải rèn luyện cho chúng có một cốt-cách cứng rắn, một nhân phẩm trác việt. Lại còn một điều này cũng khá đặc-biệt : ở các học-đường trên đây, học phí rất cao, và, cả phụ-huynh lẫn học sinh đều mặc nhiên công nhận sự trừng-phạt bằng thể-hình, nghĩa là roi vọt, trái hẳn với cách-thức ở các trường công-lập (state Schools).

***

Một buổi chiều ngày thứ hai vào đầu xuân nọ, tôi cùng thiếu tá Thompson và bà vợ ông, vốn người Pháp, đi thăm Eton, để rồi ông bà gởi cậu con trai là Nicholas vào học-xá. Trên đường cái có khá nhiều học sinh nghiêm-trang, tề chỉnh với những bộ đồng-phục bằng ni đen. Mỗi khi các cậu gặp một vị giáo-sư thì giơ tay chào một cách đàng-hoàng chứ không tỏ vẻ sợ sệt, khúm núm. Ngoài ra, cũng có rất nhiều học-sinh khác, bận đồ thể-thao, quần cụt xám, áo sọc mầu xanh, đỏ, mũ cát-kết, người nào cũng mang, kẻ thì bơi chèo, kẻ thì cây gậy cricket ; họ lũ lượt kéo nhau ra phía sân vận-động. Đi một quãng nữa, liếc nhìn qua khung cổng, chúng tôi thấy mấy cậu đương loay hoay tháo bộ máy của một chiếc xe hơi đã cũ. Đây, hẳn là, các trò đang học tập môn thực-hành, thì phải. Lúc ấy đã ba giờ mà các lớp học đều vắng tanh, chẳng thấy một bóng người nào. Bà thiếu-tá cất tiếng nói « khẩy » ông chồng :

— Lạ thật ! Nhà trường với học hành như vậy là thể quái nào ? Mình không nhận thấy hay sao ?

Thiếu tá không trả lời bà vợ, ông đang ôn lại cái thời niên thiếu của ông, nó vui-tươi, trẻ trung biết chừng nào, trong cái bầu không-khí quang-hoạt này. Mãi một lúc lâu, sau khi nhìn lên nền trời xanh biếc, ông mới nói :

— Có lẽ, chúng ta cần phải nhận-chân rằng, nếu trời đã dành cho con

người những buổi chiều xuân ấm-áp, rực-rỡ như thế này, ai lại đem cái lũ thanh thiếu niên, mà giam-hãm chúng vào những căn phòng chật hẹp đầy cát bụi và ẩm-thấp kia, để bắt chúng vùi đầu vào những bài toán khó giải hay những bài văn học búa, mà đành tâm ư ? Ta chớ nên ác-độc như vậy ! Phải để cho chúng vui đùa, nhảy nhót trong làn gió xuân, trên những thảm cỏ xanh tươi mới phải ! Mình có biết không ? với sự giam-hãm liên tiếp, ngày ấy sang tháng khác, cái lũ thiếu niên anh tuấn sẽ trở thành những « ông cụ non », thân hình còm-cõi, mặt mày nhăn nhó và bệnh tật đầy người!.. Ấy cũng chỉ vì muốn tránh bao cái tệ-đoan kia, mà ở trên cái đất nước này, những ông già đã bảy mươi, còn rủ nhau chạy theo quả bóng da, chẳng khác gì lũ con, đàn cháu của các cụ... chẳng trách được, người ta vẫn bảo, dân Pháp là cái dân coi khinh, coi thường thể-dục và thể-thao !

— Nhưng, trái lại, ở nơi đây, người ta lại quá đam mê thể-thao và thể-dục...

Mà, một khi người ta quá thiên về cái thân xác, người ta sẽ đương-nhiên sản xuất ra hàng mớ những đồ ngu, thịt bắp, vai u !

— Mình đừng có ăn nói hàm-hồ ! Với những thành-kiến sai lầm như vậy, nên người ta không thể nào hiểu nổi cách giáo-dục của người Anh chúng tôi. Mình có biết rằng, chính văn-hào Mcredith đã ký chú minh bạch : Ở Anh, cũng như ở Pháp, cái tỷ số « người ngu » đều ngang nhau. Có một điều khác, người ngu ở Anh, chỉ là một kẻ ngu không thôi, mà, kẻ ngu ở Pháp, thì lại là một kẻ ngu biết biện bác với những lý-sự-cùn. Ai muốn nghĩ sao thì nghĩ, chứ, riêng đối với tôi, trong những giờ phút nguy ngập của một dân tộc, sự biện bác và những lý-sự-cùn dễ đưa người ta đến chỗ suy-vong. Cái khi mà Hitler đã dùng 200 sư-đoàn thiết-giáp để khuất phục gần hết Tây-Âu, các thân-hào, nhân-sĩ ở Luân-đôn, mới bắt đầu tập sử-dụng súng ống bằng những chiếc dù, ở trên các nẻo đường phố bên bờ sông Tamise. Nhìn thấy cái cảnh tượng đó, thằng khôn nào chẳng tin chắc rằng người Anh đang lâm vào cái thảm-trạng quốc phá, gia vong, đến nơi. Ấy thế mà, cái ý-tưởng chiến-bại không hề lởn vởn tới trí não người dân Anh-cát-lợi...

Vị phu-nhân của thiếu tá không thể không ngẫn ngơ suy-nghĩ. Rồi bà đáp :

— Được rồi, tôi không muốn cãi vã với mình làm gì, nhưng dẫu sao đi nữa, tôi nhất định không thể để cho thằng Nicholas nhà ta vào học ở mấy cái trường công cộng nào đó, để cho người ta có quyền hành hạ, đánh đập nó, mình nghe chưa ?

— Thế rồi, ít bữa sau, trên một tờ báo, người ta đã đăng, với một hàng chữ tít cực lớn :

« Một vị hiệu-trưởng đã cho 200 « học sinh ăn đòn .— Nhân việc, « không sao tìm ra thủ phạm của « một hình vẽ tục-tĩu ở trên cột cổng « nhà trường, vì hiệu-trưởng đã ra « lệnh bắt 200 học sinh, mỗi người

« phải chịu một roi đòn quật trên bàn « tay. Bản báo tức tốc phái phóng- « viên đi phỏng-vấn. Đến nhà ông « hiệu-trưởng, bà ấy cho biết ông bị « mệt mỏi vì việc vừa xảy ra đó, ông « đang nằm nghỉ và bà thay ông để « trả lời cho nhà báo.... Bà kết luận « rằng : Ông nhà tôi đã đau nhừ cả « cánh tay, tuy nhiên, giả ví thử, việc « ấy có chính con cái chúng tôi làm « lỗi, do ông ấy cũng thẳng tay trừng- « trị ! »

« Nhà báo cũng không quên hỏi « thăm những trò bị phạt, chẳng « một người nào tỏ vẻ oán-hận. Họ « còn xưng tụng về cái thành tích « rất « lực-sĩ » của vị hiệu-trưởng, là « đằng khác. Họ nói : Cụ hiệu trưởng « của chúng tôi còn « dẻo-dai » hết sức ! Ai lại, chính tôi là người bị « quật thứ 200 mà tôi còn thấy đau « điếng người đi. Trong 25 phút đồng « hồ ròng rã, cụ đã giữ đều hoạt- « lực của cánh tay, ghê thật ! »

Thiếu-tá Thompson thấy cần phải đính-chính thêm :

— Nhưng đây chỉ là một trường hợp hi-hữu. Chứng cớ là các báo đã nói tới...

— Báo nói tới hay không, chối kệ, dẫu sao, tôi không muốn cho cái « cục cưng » của tôi bị người ta đánh đập một cách phũ tợn như vậy !

— Trời ơi, mình nuông con như thế thì đời nào nó có thể trở thành một nhân-vật thượng lưu được ?

— Tại sao kia chứ ? Chẳng lẽ, cứ hễ đánh đập, hành hạ con trẻ, là nó sẽ thành người thượng lưu hay sao ?

— Thiệt tình, mình chẳng hiểu người Anh chúng tôi một li, một tí nào, gọi là có ! Mình hãy nhớ giùm tôi rằng, trong mấy trăm năm nay, những học-đường Eton, Harrow, Winchester đã sản xuất ra không biết bao nhiêu là nhân tài, là thượng lưu nhân-vật. Và chăng, cái đặc-điểm của những kẻ siêu quần, xuất chúng, là luôn luôn biết tự-chủ để có đủ nghị lực và can trường mà đối phó với bất cứ nỗi khó khăn nào ở đời..... Tôi cần phải nói thêm cho mình rõ hiện nay, ở tại Luân-Đôn này, còn có những hội để bảo-thủ việc răn dạy trẻ nhỏ và học trò bằng roi vọt, thì mình đủ hiểu. Ngay chính những cậu học sinh người Anh chúng tôi cũng không phản đối sự trừng phạt thể-hình đó. Một vị giáo-sư đã cho tôi biết, học trò của trường ông nhất định xin chịu nhận mấy roi quất còn hơn bị phạt ở lại, sau giờ học. Họ bảo như vậy, vừa chóng vánh, vừa là một dịp để tỏ ra mình có đủ can đảm để « chịu đựng ». Cả phụ huynh học sinh cũng đều biểu đồng tình và không phản đối việc đó...

⁂

Không có bao giờ, một thiếu niên Anh lại đi than-phiền về nỗi giáo sư nghiêm khắc hay nhà trường đã lạm dụng những hà-pháp. Họ luôn luôn răm-rắp phục tòng các quy-củ và cũng không đời nào hé răng kêu ca, than vãn cùng là viết thư về cho gia-đình

để phàn nàn. Họ cho, làm như vậy, họ sẽ thất thể-diện với chúng bạn, với người nhà và với ngay chính họ nữa. Vả lại, một người thượng lưu không khi nào lại đi oán thán hay than phân, trách phận. Người đó lúc nào cũng phải tỏ ra mình có đủ nghị-lực để « chịu đựng », đối với bất cứ thử thách khổn cực nào trong đời. Cả đến những lệnh hạn chế, người người đều nhất luật tuân theo, không có một lời oán-thán hay vật nài. Nếu mỗi người Anh chỉ được ăn 125 grammes thịt trong mỗi tuần, thì toàn dân, không ai chịu dùng đến 126 grammes, vì họ cho lạm dụng là « bất chính ».

Xem như thế, ta có thể hỏi rằng : có lẽ những người ấy không thích ăn ngon, mặc đẹp, hoặc ngủ ấm hay sao ? Không phải vậy đâu. Chẳng qua, gặp những trường hợp mà sự hạn chế không thể tránh được, họ cần tỏ ra họ có thể không cần những thứ đó, để khỏi đến nỗi trở thành bất-chính vậy.

Mỗi khi có một bà mẹ bất mãn hay một nhà cải-cách quá sốt sắng, muốn gây một phong-trào, để đả-phá việc trừng phạt con trẻ bằng roi vọt, trên mặt báo Times chẳng hạn, thì y như có hàng mớ thư từ nhao nhao phản đối. Cụ già đã bảy mươi, viết : « Cho đến ngày chết, tôi cũng không thể quên được trận đòn, khi tôi còn tòng học năm thứ nhất, ở trường Harrow. Có gì đâu, tôi đã quên cài một, trong ba chiếc khuy áo, ở trước ngực. Dẫu sao tôi vẫn lấy làm đắc ý về cái bài học mà tôi đã rút được ra ở sự trừng-phạt bằng thể-hình đó ».

Chính vị nguyên-thủ-tướng Attlee, trong một cuộc lễ của trường trung học Haileybury đã vui vẻ, hãnh-nhiên, kể lại, ông là một trong số 82 học sinh, vào năm 1900 bị phạt đòn vì một việc biểu tình vô-ý thức của các trò.

***

Tất cả cái nghị-lực của người Anh là ở chỗ họ biết kiên-trì để lúc nào cũng tự-chủ. Có tự-chủ được mới làm chủ được thế-giới. Đó cũng là cái chí hướng mà họ cố làm cho thanh thiếu họ niên của thấm-nhuần được tại các học đường công-cộng của họ. Mà đó cũng lại là cái mục đích tối cao mà người Anh theo đuổi, để đào tạo một cách liên-tục, những nhân tài, những lớp người thượng lưu.

Không phải chỉ riêng những trường công cộng dành cho con nhà khá giả, hoặc học sinh ưu tú, được học bổng giữ độc quyền sự rèn đúc trên đây, mà thôi. Bất cứ một cái học xá nhỏ bé nào, cũng có cái tham vọng đó cả, và các trò này, đều nhất nhất bắt chước đúng như những đồng bạn của họ ở các tư-thục lớn.

Cũng lạ, ở trên dải đất quanh năm đầy sương mù này, người thợ không thể không bắt chước kẻ trung-lưu, kẻ trung lưu phải rập khuôn theo kẻ thượng lưu và kẻ thượng lưu nhất định phải đi theo vết chân người quí phái, những người này lại học đòi cách xử thế của bậc vương giả, bậc ấy lại giơ tay bắt tay các bác thợ quèn một cách rất dễ-dàng, rất tự nhiên. Nói tóm lại, tất cả người trong nước, không ai bảo ai, đều mặc nhiên cố làm thế nào để trở thành những thượng lưu nhân vật.

Nhưng thế nào là một kẻ thượng lưu ?

Đối với người Pháp, chẳng hạn, kẻ thượng lưu là người biết hôn tay các quí phái phu nhân và biết nhường chỗ ngồi cho phụ nữ trên xe điện, xe lửa. Cái quan niệm thông thường đó không hợp với ý-thức dân Anh. Ở trên đất họ, nếu có một anh chàng nào muốn làm cái cử chỉ «nịnh đầm» đó, thì thế nào cũng bị «đầm» cự-tuyệt ngay, vì họ cho thế là một sự «hạ cố» không thể chấp nhận được.

— Tại học-đường Oxford, người ta đã từng định nghĩa «người thượng lưu» từ năm 1440 :

« Bene nati, bene vestiti et mediocriter docti» : Phải là con dòng, cháu giống, phải, ăn bận cho tề tề, chỉnh chỉnh, và, phải thông thái vừa vừa thôi.

Lẽ dĩ nhiên, ở cái xã hội này, người ta ghét cay, ghét đắng cái lối thông minh hợm-hĩnh, loè-loẹt. Một nhân vật thượng lưu, lúc nào cũng phải thận trọng từng lời ăn, tiếng nói, từng cử chỉ. Cho dẫu nằm trên giường bệnh hấp hối, cũng không đời nào họ lại đi tự nhận mình là một người thượng lưu. Không những thế, họ có thể lẳng lặng trèo lên đỉnh núi Everest mà không hề nói cho ai biết. Họ hết sức tránh nói ba hoa những điều họ rất am-tường. Họ chỉ lên tiếng khi nào thật cần. Ra mặt trận, họ thản nhiên như đi ra vận-động-trường, trái lại, họ dự một cuộc thể thao với một ý.chí quyết thắng như khi đi đánh giặc. Tất cả cái tinh-thần cương-kiên đó, người thượng lưu tương lai đã hấp thụ và tiêm-nhiệm ở các học đường. Từ lúc bước chân qua ngưỡng cổng nhà trường đến khi tốt nghiệp, trong bảy tám năm trời, họ chỉ có một chí hướng một hoài-bão : Trở thành một thượng lưu nhân vật như các tiền bối của họ.

Bị đưa ra khỏi cái mái nhà đầm ấm với bao sự nuông, chiều, o, bế, đứa trẻ con Anh-cát-lợi đã được phù trì, dinh-dưỡng bằng cái « bầu sữa » khổng lồ của bao cổ-truyền, tục-lệ, phong-độ. Ở các học xá, lưu học sinh đã phải nếm chải ngay sự khắc khổ. Các phòng ngủ, đêm đông, tháng giá, không có lò sưởi, bữa ăn thì giản dị đến một mức gần như kham-khổ. Ngoài những quy-luật rất nghiêm-khắc của trường, lưu học sinh còn phải luân-thủ tất cả những lề thói cựu truyền, nhất nhất vâng lời người trưởng-tràng, người đầu lớp. Cái không khí học đường có một về như phải đào luyện toàn thể học sinh của họ thành những vị phó vương mai ngày của Ấn-Độ ; tuy Ấn-Độ không còn nữa, nhưng cái di-phong vẫn tồn tại mãi mãi.

Cũng vì được rèn nặn một cách quá khắt khe như vậy, mà, khi ra khỏi nhà trường, bao thanh niên Anh đã tự nhiên biến thành những con người cứng-rắn, biết tùy cơ chịu đựng, biết giữ kỷ-luật, biết tự-lượng, tự trọng, không kiêu hãnh, tự tôn, tự đại, không hợm hĩnh, ngông cuồng. Chính những cái lò nung đúc trên đây đã cho họ cái « dung-kiền » thích đáng để làm một con người cho đáng mặt con người !

VI-HUYỀN-ĐẮC *dịch*

TRỌNG-KHANG

Những giả thuyết về kỹ thuật nhân chuyến bay vừa qua của các hỏa tiễn Vostok

CUỘC bay vòng quanh trái đất của hai phi công Nicolaiev và Popovitch nêu lên một vài sự kiện kỹ thuật quan trọng được các chuyên gia đặc biệt chú ý đến.

Kỹ thuật phóng vệ tinh ngày nay đạt được trình độ chuẩn đích trên mức bình thường. Chụp được hình mặt trái mặt trăng, dùng một phi đạn bắn trúng mặt trăng, đưa được một đầu hỏa tiễn về nguyên vẹn đã là những thực hiện không thường. Cuộc bay của Nicolaiev và Popovitch, đưa ra những điểm mới về sự chuẩn đích của kỹ thuật.

Bãi phóng dốc

Những hỏa tiễn này được phóng trực tiếp từ căn cứ Baïkonouk trên biển Aral theo một sơ đồ giống sơ đồ đã dùng để phóng những chiếc Spoutnik cách đây 5 năm. Quỹ đạo gần như nhau, quỹ đạo ấy cùng có một độ cách với đường xích đạo là 65o, không khi nào sai quá 1o. Đó là điểm quan trọng đã làm các chuyên gia rất chú ý.

Người ta nghĩ rằng các kỹ sư chuyên trách đã dùng một khoảng đất dốc rất rộng như một sườn núi để làm bãi phóng hỏa tiễn, trên đó có đặt những đường rầy như đường rầy xe hỏa. Giàn chở hỏa tiễn sẽ chạy trên đường rầy đó, như một cái tầu chạy bằng điện nặng nhiều ngàn tấn. (Hỏa tiễn phóng xe không gian nặng từ ba đến bốn trăm tấn có thể đặt trên một thứ giàn chuyển động được). Giàn chạy trên đường rầy độ vài cây số đã đạt được một tốc lực từ 30 đến 40 thước một giây rồi leo lên bãi dốc, cuối dốc mới đốt lửa cho hỏa tiễn phóng đi. Như vậy, nhờ tốc lực của giàn, đã có thể tiết kiệm được nửa số nhiên

liệu của một tầng, vì hỏa tiễn đã hưởng sẵn một tốc lực sơ khởi đến 30 thước một giây.

Cứ xem đường quỹ đạo của những hỏa tiễn phóng đi, cái nào cũng có một độ nghiêng là 65° so với đường xích đạo. Phải chăng đó là tại bãi dốc để phóng đi một độ nghiêng là 65° đối với đường xích đạo. Hèn chi họ hết sức giấu kín căn cứ không gian của họ! Theo ức thuyết ấy thì hỏa tiễn bay lên theo một đường xiên chứ không thẳng góc thước thợ với mặt đất. Một vài đoạn phim, nhất là phim quay hỏa tiễn chở Gagarine, cho người ta thấy đầu hỏa tiễn lên thẳng như hỏa tiễn Mỹ, có khói che lấp những từng dưới. Sự kiện này không biện hộ cho thuyết dùng bãi phóng dốc.

Một điểm ghi nhận lướt qua: Cách phóng hỏa tiễn này giống như lối phóng phi đạn tưởng tượng của Jules Verne. Giàn súng bắn đạn Columbiad là thứ nòng thép chôn xuống đất có thể chĩa họng súng vào hướng nào tùy ý muốn và nhằm mặt trăng làm đích. Tuy nhiên một phần sự thật đó không đủ bảo đảm cho kết quả vì bắn như thế phi đạn bắt thần bị đẩy mạnh quá sẽ nổ tung mà đưa phi công không gian xuống âm phủ chứ không lên mặt trăng. Ấy là không kể hiện tượng phi đạn cọ xát vào vùng khí quyển bức tường âm thanh sẽ làm phi đạn đó lên, cháy bốc thành hơi. Trái đất đa nghi và bài ngoại đã dùng vùng khí quyển để thủ tiêu biết bao vẫn thạch trong không gian bén mảng đến bờ cõi dương trần! Có lẽ chuyên gia cũng vẫn dùng phương pháp phóng cổ điển, nhưng cũng cần nghĩ đến giả thuyết một đường rầy, đúng hơn, một đường rầy vô hình hay là đường rầy vô tuyến điện, để cắt nghĩa trình độ chuẩn xác đã đạt được. Khi hỏa tiễn đã rời khỏi mặt đất, ra-đa và các máy đo đặt theo dọc quỹ đạo bắt buộc sẽ theo dõi nó. Tin tức ghi nhận được truyền cho máy tính để kiểm soát đường bay. Một sự sai lệch nhỏ được sửa chữa lại ngay bằng cách thông tin cho những máy tự động đặt trong hỏa tiễn, tự nó hãm bớt vòi lửa hay phun thêm vòi phụ cho thích ứng.

Bài toán quỹ đạo tốc độ.

Những hỏa tiễn khác như loại Cosmos phóng đi theo một chiều có độ nghiêng là 49°, hẳn là họ đã dùng một căn cứ khác và cũng dùng một hệ thống giàn phóng tương tự.

Điểm này, có thể cắt nghĩa được tại sao quỹ đạo hai xe không gian của Nicolaiev và Popovitch đều như nhau.

Đó chỉ là điều kiện hình học và phương pháp kỹ thuật.

Cũng nên nói đến phương pháp kỹ thuật ráp nối hai hỏa tiễn đang bay. Trước hết, xe không gian đó ít ra phải nặng 5 tấn. Vì xe chở Gagarine và Titov đã nặng 4 tấn rưỡi. Lần nầy họ phóng một kiểu xe mới, chắc phải nặng hơn vì phải có đủ chỗ để tạo điều kiện sinh lý cho phi công sống trong nhiều ngày.

Câu hỏi quan trọng đặt ra là : hai xe có ráp vào nhau không ? Không, lúc đi gần nhau nhất là 5 cây số, thông tin chỉ thực hiện bằng vô tuyến điện. Chương trình bay không có khoản ráp nối ấy, vì xe hình trụ, đầu là hình nón, không thể ráp vào nhau được. Chắc là chuyên gia muốn thí nghiệm cách phóng từ mặt đất mà có thể đến gần nhau được, rồi tự phi công điều động cho ráp vào với nhau. Mai sau, muốn lập một căn cứ không gian, chắc rằng chuyên gia sẽ làm sẵn các bộ phận ở dưới đất rồi phóng thật đúng vào một đường quỹ đạo cách nào cho bộ phận nọ tự ghép vào bộ phận kia, phi công không cần phải ra ngoài. Chuyện người mặc áo thợ lặn bước ra ngoài để làm công việc ráp nối hãy còn trong phạm vi phóng tác khoa học.

Điểm khác đáng chú ý là sự kiểm soát tốc lực không được sai quá 10 thước mỗi giây. Khi xe trước đã bay được một ngày, mới phóng xe sau. Xe sau tiến đến gần xe trước chỉ cách có 5 cây số. Trông lên trời thấy hai chấm sáng chỉ cách nhau vài độ. Hai xe hạ xuống đất, chỉ cách nhau có 6 phút, như thế nghĩa là chúng bay cách xa nhau khoảng 3.000 cây số. Trong ba ngày chúng bỏ cách nhau chừng ấy nghĩa là mỗi giây xa nhau thêm 10 thước. Khoảng 10 thước ấy là 1 phần ngàn của tốc độ. Ta thấy bài toán khá trầy trật để có thể thực hiện được một tốc lực 8 cây số một giây trong không gian mà không được sai quá 10 thước mỗi giây. Trong phạm vi bài toán phải kể đến hệ thống phát tinh lực, hệ thống điều khiển, đo lường, khối lượng đầu hỏa tiễn hàng 10 tấn, khối lượng toàn thể hỏa tiễn hàng mấy trăm tấn.

Muốn đạt được kết quả ấy các chuyên gia phải tự đặt mình vào những kỷ luật thép trong khuôn khổ một chương trình tập thể có kế hoạch hóa. Khi người ta nghĩ đến những trung-tâm nghiên cứu không gian lớn bằng một tỉnh với con số 20.000 bác học, chuyên viên, kỹ sư phân công như một tổ ong để khảo cứu về nhiều ngành rất tỉ mỉ, từ chất kim khí chịu sức nóng đến ngành sinh vật học, qua các ngành cơ khí, điện tử, nên người ta phải có một ý niệm về sự phức tạp của tổ chức.

Làm thế nào để giữ quân bình sinh lý và chống tia phóng xạ ?

Người ta sống được hàng ngày trong không gian không trọng lực, điều ấy cũng là kết quả của tiến bộ về sinh vật học. Cơ thể người ta được cấu tạo để sống trong hoàn cảnh có trọng lực : Bộ xương, bắp thịt, bộ máy tuần hoàn, tiêu hóa, được cấu tạo cách nào để quân bình với trọng lực của trái đất. Trong người ta có cơ quan để kiểm soát sự quân bình ấy, một chút sai lệch không khỏi ảnh hưởng đến sinh lý. Tất nhiên sinh lý học phải tìm ra phương pháp hiệu lực để đem lại quân bình sinh lý trong điều kiện sống ở ngoài ảnh hưởng trọng lực trái đất. Phi hành gia nhờ những

phương pháp đó mà cơ thể vẫn hoạt động điều hòa : hô hấp, tuần hoàn, tiêu hóa, bài tiết, không cần ảnh hưởng của trọng lượng trái đất.

Ngoài ra phi hành gia còn phải được bảo vệ khỏi những tia phóng xạ giết người do mặt trời phóng ra hay ngoài vũ trụ phóng đến. Bụi vẫn thạch cũng có thể xuyên qua vỏ hỏa tiễn vào giết chết phi hành gia trong lúc bất ngờ nhất.

Phi hành gia phiêu lưu đến cõi bờ nguy hiểm ấy mà còn muốn trở về với vợ con, tất phải có một thứ áo giáp riêng bảo vệ mình như mai con rùa hay vỏ con ốc.

Lượn quanh chị Hằng : đi dễ về khó

Những cuộc du hành không gian mai sau cần phải qua nhiều trạm, tức là những vệ tinh nhân tạo đặt gần trái đất. Viễn tượng có tính cách phóng tác khoa học này không phải là những dự phóng xa xôi.

Thành tích bay vòng quanh trái đất chứng minh rằng người ta có thể sống được trong chỗ không gian thiếu hẳn trọng lực ; và cho biết rằng có thể phóng lên trên không một thứ sân bay để làm căn cứ không gian. Chắc rằng có thể phóng nhiều bộ phận rời vào quỹ đạo rất gần nhau. Khi đã đặt lên quỹ đạo rồi sẽ thay đổi tốc lực trong phạm vi 10 thước 1 giây rất dễ dàng cho bay song song với nhau hay nối đuôi nhau, và dùng điện tử lực để hút lại cho khít vào nhau. Mười bộ phận ráp lại có thể lập thành một sân bay nặng 100 tấn để 3 hay 4 người sống ở đấy. Sẽ có xe đi về trái đất để liên lạc.

Hai phi hành gia đều trở về bằng cách nhảy dù. Hai đầu hỏa tiễn Vostok 3 và Vostok 4 khi trở vào vùng khí quyển tất phải dùng hỏa tiễn hãm để hãm tốc lực rất nhiều. Sau cùng ca-bin của phi hành gia cũng rời ra, nhờ trớn mà bay xuống, ca-bin có những cánh nhỏ để khi hạ xuống giảm bớt sức va chạm. Trong hình chụp những ca-bin ấy đều thấy rõ cánh nhỏ đó. Nhưng khi cách mặt đất 10 cây số máy tự động sẽ tung phi công ra ngoài, đã có dù mở ra để họ xuống đất được bình yên.

Số phận cái xe không gian chắc rằng không được may mắn như số phận phi công, cả những máy móc quan trọng đặt trong đó cũng vậy, vì tất nhiên nó sẽ bị bốc lửa cháy, khối kim khí 5 tấn đó sẽ biến thành hơi.

Kết quả cuộc bay thí nghiệm này giúp thêm yếu tố để soạn thảo kế hoạch thám hiểm mặt trăng. Người ta đã biết được một sự kiện cần yếu là con người có thể sống được bốn năm ngày ở ngoài trái đất. Thời gian ấy tương đương với thời gian cần cho một cuộc phiêm du lượn quanh mặt trăng rồi trở về. Được trộm liếc dung nhan chị Hằng cũng đã khó khăn như tát cạn bể Đông rồi, vì khi hỏa tiễn đến kề cận mặt trăng đường quỹ đạo tính trước sẽ sai đi vì có hấp lực của mặt trăng. Quỹ đạo sẽ không còn chiều hướng lúc trước, bây giờ

rất khó biết Quỹ đạo mới sẽ ra sao. Phải tính ra con đường về cách nào để hỏa tiễn đi vào đúng khoảng có quân bình giữa khối lượng nó, tốc lực nó và hấp lực trái đất để nó xoay quanh trái đất như một vệ tinh. Nhiên hậu mới dần dần hạ xuống vùng khí quyển. Nếu tính sai một chút là không biết phi hành gia sẽ lạc đi đâu, và tất nhiên không có chuyện cử người đi tìm về.

Những bài tính đó đòi hỏi kỹ thuật, máy tính và phương tiện xét nghiệm tinh vi hơn mà trình độ khoa học ngày nay chưa có.

TRỌNG-KHANG

(thuật theo Charles-Noël Martin, Figaro littéraire ngày 25-8-62)

Cáo lỗi

Vì phải cần đăng gấp nhiều bài trong số này cho khỏi mất thời gian tính nên chúng tôi phải tạm gác bài « Các giải thưởng văn chương trên đất Việt của Nguiễn-Hữu-Ngư lại một kỳ. Mong bạn đọc thứ lỗi cho.

QUÝ-VỊ HÃY DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES

LOẠI XÁCH TAY ◇ LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY →

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Siêu — Téléphone : 20.821 — SAIGON

PASTILLES : { VANCO MÙI « MENTHE »
CAM MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cuống họng

VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRƯƠNG-VĂN-CHÔM

Dược khoa Tấn-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

đọc « Những kẻ trầm luân ở trần-gian »

của Frantz Fanon

MỘT người đã sống dưới chế-độ thực dân rất dễ dàng hiểu và thông cảm tiếng lòng của một người dân thuộc địa khác dù là da vàng, da đen, da nhọ hay da gì mặc lòng, vì họ cũng chung một hoàn-cảnh: bị người ngoại quốc áp bức bị bóc lột trên đất nước của mình.

Chưa đầy 20 năm, chủ nghĩa thực dân trước đây ngự trị trên ba phần tư trái đất, ngày nay đã gần cáo chung.

Nhiều nước đã thanh toán xong. Nhiều nước còn đang thanh toán: Algérie là một trong những nước đó. Phong trào chống thực dân xuất hiện như một phong trào giải phóng dân-tộc đồng thời nó cũng có nghĩa như một sự vùng lên của người da vàng, da đen chống lại người da trắng. Sự nghiệp giải phóng này phải qua hai giai-đoạn :

1.— Cướp chính quyền, tranh đấu đòi lại độc lập chính trị.

2.— Xây dựng một quốc gia mới, kiến-thiết xã-hội, cải tạo cơ cấu hành chính...

Tất cả những nước mà bây giờ người ta gọi là « đệ tam thế-giới » (tiers monde) đều hãy còn đang ở một trong hai giai-đoạn giải-thực đó.

Nhưng ngay từ bây giờ, người ta đã thấy phát hiện những bế tắc ở những nước đã thực hiện xong giai-đoạn nhất. Tất nhiên những nước còn đang ở giai-đoạn I phải rút kinh nghiệm để tìm một hướng đi đích thực cho sự nghiệp xây dựng quốc gia khi đã hoàn-thành công trình giải phóng chính-trị. Cuốn « những kẻ trầm luân ở trần gian » (1) được viết trong ý-định đó.

---

(1) « Les damnés de la Terre » 292 trang của Frantz Fanon, do nhà François Maspero xuất bản tại Paris năm 1961 trong Collection « Cahiers libres. » Đây là một nhà xuất bản mới nhằm phục vụ những chính nghĩa theo một tinh thần tiến bộ. Nhiều cuốn trong tủ sách đề cập tới vấn đề Algérie, tranh đấu cho Algérie độc lập.

Frantz Fanon, tác giả cuốn sách trên đây là một bác sĩ chuyên về thần kinh học, người da đen, gốc ở đảo Martinique nhập quốc tịch Algérie. Đây là cuốn sách thứ ba mà ông viết về vấn-đề tranh tuủ độc lập và giải thực. Nó cũng là cuốn sách sau cùng. Ông mất khi cuốn sách vừa in xong, mới 37 tuổi, trước vài tháng cuộc điều đình Pháp Algérie đưa tới nền độc lập ông mơ ước mà không được may mắn đón mừng ngày hân hoan đó.

Frantz Fanon không nói với những người Âu-Châu, tuy cuốn sách viết bằng tiếng Pháp, nhưng nói với đồng bào của ông và qua họ, với những người thuộc « đệ tam thế giới. » Chính vì thế mà ta có thể lắng nghe Frantz Fanon vì ông cũng muốn nói với chúng ta về một vấn-đề của chúng ta.

Chủ đích của Fanon là tìm hiểu cái bản chất thực sự của chế độ thực dân để từ đó rút ra những tiêu-chuẩn chỉ đạo cho công cuộc tranh đấu dành độc lập, xây dựng một thế giới mới về ý thức hệ, văn hóa, tổ chức chính-trị theo một đường lối riêng phù hợp với thực tại Á Phi.

Với Fanon, nguồn gốc những bế tắc trong công cuộc giải thực chính là vì chưa tìm ra con đường riêng thích hợp với tình cảnh những nước bị trị vừa thoát khỏi vòng nô lệ. Căn cứ vào ai để tạo lực lượng giải phóng ? Giải phóng cho ai, cho tầng lớp nào trong dân-tộc ? Nhân danh những giá trị gì ? Dựa vào những phương-pháp nào để tổ chức phong trào giải-phóng kiến thiết xứ sở ? Công cuộc giải thực bế tắc, phải chăng là vì người ta đã căn cứ vào những giá-trị, đã bắt chước những tổ-chức Âu-Châu, nói tóm lại, đã lấy Âu-Châu làm mẫu mực cho công cuộc xây dựng quốc gia, trong khi chính cái khuôn mẫu, những giá-trị đó đã là nguồn gốc đẻ ra chế độ thực dân ?

Chương sâu sắc và cảm động nhất là chương đầu suy niệm về bạo động. Theo Fanon, bản chất của chế độ thực dân là bạo động. Bạo động trong việc chiếm đóng thuộc địa, bạo động trong việc duy trì sự chiếm đóng đó. Nước thuộc địa bị phân-đôi : một bên là thế giới của người ngoại quốc cai-trị, một bên là thế giới của người bản xứ bị trị. Những người trung gian là thằng lính, tên sen-đầm bảo vệ các trật tự của sự phân đôi bằng đánh đập, chửi mắng, nhà tù. Tâm lý của người thuộc địa là thèm muốn chỗ của người Tây : muốn đi con đường của Tây, muốn ăn cái bánh Tây, muốn ở cái nhà Tây, muốn ngủ cái giường Tây. Trước tình cảnh bạo động cụ thể và thường xuyên đó, tất cả những giá-trị tinh thần mà thực dân ca tụng, rêu rao chỉ là những chữ trống rỗng, trừu tượng.

Với dân thuộc địa, giá-trị cốt yếu nhất, vì cụ thể nhất, trước hết là đất. Đất đem lại cơm áo và nhân-phẩm. Nhưng nhân-phẩm đó không dính gì tới cái nhân-phẩm « của con người ». Cái con người lý tưởng đó, họ không bao giờ nghe nói tới. Điều người thuộc địa thấy trên đất của mình là người ta bắt mình một cách vô lý, đánh đập, giam cầm mình và không bao giờ có một giáo sư luân lý nào, hay một cụ đạo nào « đến hứng lấy những cú đấm đá thay cho họ hay chia sẻ cơm áo cho họ ».

Người trí thức thuộc địa được học ở trường phải tôn-trọng con người, phải đề cao cá nhân. Nhưng trong thực tế, đề cao cá nhân chỉ che dấu sự ích kỷ hại nhân. Hoặc là họ đầu hàng thực dân để hưởng thụ chung quyền-lợi với thực dân, hoặc là lợi-dụng vai trò ưu đãi của mình sau khi đất nước đã giải phóng để tiếp tục kiếm lợi, đầu cơ, hối lộ vì muốn đề cao cá nhân. Trái lại người trí-thức giác ngộ, trong kinh-nghiệm chiến-đấu giải-phóng đất nước, nhận thức được giá-trị cá nhân thực sự là tình liên đới trong chữ đồng bào, chữ anh em, đồng chí.

Nếu bản chất của chế độ thực dân là bạo động, chỉ có thể chấm dứt tình-trạng bạo động của thực dân, bằng bạo động. Không thể đem những giá-trị nhân-loại nại đến những đòi hỏi công chính, tôn giáo mà có thể làm cho thực dân rút lui, chỉ có lực lượng vũ trang mới có thể ném họ ra bể. Vấn-đề tiếp sau đó là thực dân khi đã bị ném ra bể, có từ bỏ ý chí bạo động của họ không ? Hay họ nhằm thực hiện ý chí đó dưới những hình-thức tinh vi, kín đáo hơn ?

Tại sao họ vội vã trả lại độc lập và hầu như ép độc lập cho một vài quốc gia Phi-Châu mà « ý thức quốc gia hãy còn yếu ớt ». Cái mà các nước thực dân cũ gọi là chương trình viện-trợ cho những nước hậu tiến có thật là một việc làm quảng đại, vô tư, có ý nghĩa như một sự làm ơn không ? Ở đây Frantz Fanon nhắc cho người thuộc địa cũ phải nhận sự giúp đỡ đó trong một tinh-thần nào. Khi lá cờ thực dân bị « kéo xuống », khi người lính và ông tây cai trị cuối cùng đã xuống tàu về nước, như thế không có nghĩa là xong chuyện đâu. Fanon viết, trong hàng thế kỷ, thực dân đã ở nước thuộc địa như những phạm nhân chiến-tranh chính cống. Lưu đầy, chém giết, cưỡng bách làm việc đã là những phương tiện hằng ngày dùng để vơ vét ăn cướp của cải, tài nguyên thuộc địa. Gần đây, chế độ quốc xã Đức đã biến hầu hết Âu-Châu thành những thuộc địa trong một vài năm. Sau chiến tranh, các nước Âu-Châu đã bắt buộc nước Đức phải bồi thường và trả lại những của cải đã tịch thu như các đồ cổ, các bức tranh, vàng bạc v.v... Gần đây hơn khi nổ ra vụ án Eichmann, ông Adenauer cũng nhân danh nước Đức xin lỗi dân tộc Do-Thái vì những lỗi lầm của người Đức và hứa tiếp-tục bồi thường những tội ác của bọn quốc-xã bằng những số tiền lớn. Đối với các nước thực dân cũng vậy. Âu-Châu đã giàu có nhờ thuộc địa : tài nguyên, sức cần lao của nước, của người thuộc địa ; vàng bạc, kim cương, quặng mỏ, dầu hỏa, bông, cao su, gỗ, sản phẩm văn hóa, đồ cổ tích, nhân công... Người thuộc địa cũ có quyền đòi lại những cái đã bị đánh cắp và có quyền được bồi thường không ? Cho nên, sự viện trợ kia cần được hiểu như một bồi thường phải trả, tuy sự bồi thường cũng chỉ có nghĩa tượng trưng vì thực sự không thể ước lượng được đến đâu, bằng tiền bạc, sự bóc lột của thực dân hằng thế kỷ.

Trong một chương đề cập những kinh-nghiệm tranh đấu độc lập và xây dựng quốc gia, Fanon đã tố-cáo những lỗi lầm và những nhược điểm của các đoàn thể, đảng phái quốc-gia. Lỗi lầm căn

bản là những đoàn thể, đảng phái đó thường được quan niệm và tổ chức theo những lề lối, khuôn mẫu ở các nước thực dân Âu-châu. Ví dụ sự chú trọng tới những thành phần trung lưu thành thị và coi nhẹ hoặc bỏ quên nông dân ở thôn quê. Do đó các đảng phái không tạo được một hậu thuẫn thực sự hùng mạnh và nhất là không đặt đúng hướng cho công cuộc cách mệnh dân tộc, chủ-yếu là phải dựa vào đa số dân quê, nhằm thức tỉnh họ và tranh đấu cho họ.

Chính vì không đặt cuộc cách-mạng dân tộc trong chiều hướng của nó, nên lớp người trưởng giả trung lưu thành thị, đóng giữ vai trò lãnh đạo, sau khi hô hào toàn dân chống thực dân, đến giai-đoạn kiến-thiết chỉ lo dành lại những địa vị của chủ cũ để hưởng lợi. Thành ra công cuộc giải phóng dân tộc chỉ là hình thức vì thực tế số phận và đời sống thôn quê vẫn lầm than như thời thuộc địa. Fanon trích lại lời của một tờ báo công giáo tố cáo những kẻ tham nhũng hối lộ nhờ ở cương vị lãnh đạo : « Hỡi các người và vợ con các người, các người bây giờ được giàu sang phú quý, được nhà cao cửa rộng, được ngao du giao thiệp đi đây đi đó. Nhưng tất cả sự giầu có này che mặt các người không cho thấy lầm than chung quanh các người. Hãy coi chừng (báo «Tuần lễ Phi-châu», địa phận Brazzaville).

Như thế là lớp người trung lưu trưởng giả thành thị không thể đảm nhiệm công cuộc cách mạng xã-hội là nội dung của cuộc cách mạng chính trị. Nói cho đúng, theo sự phân tách của Fanon, không có một tầng lớp trưởng giả thuộc địa như ở các nước tư bản Âu-châu. Ở những nước này, tầng lớp trưởng giả đã thành công trong việc tích lũy tư bản và phát-triển kinh tế trong khi lớp người trung-lưu thuộc địa, thụ động, ỷ lại, không có sáng kiến táo bạo, không dám kinh doanh to lớn. Do đó họ không tạo thành một giai cấp có thế lực kinh tế thực sự là đồng tiền, như ở Âu-châu, mà chỉ là một thứ trưởng giả Công chức trông cậy vào đồng lương và vào mánh khóe tiểu xảo để thâm thụt, hối lộ, và nhờ đó sống theo lối trưởng giả. Như thế, đã hẳn tầng lớp này không những không làm được một cuộc cách mạng xã-hội nhằm thay đổi cơ sở, đời sống vật chất của nông thôn mà còn xuất hiện như một lực lượng chống lại những đòi hỏi thúc bách thực hiện cuộc cách-mạng đó.

Những viễn ảnh về cuộc cách mạng xã-hội càng lùi xa, sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn cũng càng trầm-trọng. Một đàng bày ra quang cảnh một thứ phồn thịnh giả tạo, một đàng vẫn còn tình trạng đói rách mù chữ, thiếu vệ sinh, thiếu tiện nghi vật chất.

Đáng lẽ phải quan-niệm một nước mới thoát khỏi chế độ thực dân cần tập trung mọi sức lực, cố gắng vào công trình kiến thiết, làm việc để sửa soạn một ngày mai đi vào một văn minh nhàn rỗi, giải trí, thì ở nhiều nước, sự ăn chơi, nhàn rỗi, đàng điếm không thua kém gì các thành thị Âu-châu.

Fanon viết : « Trong các xứ chậm tiến thanh niên được chơi những trò của thanh niên các nước tư-bản : tiểu thuyết trinh thám, máy bắm xu, ảnh khỏa thân, văn chương khiêu dâm, phim cắm trẻ dưới

16 tuổi và nhất là rượu ». Người lớn thì bàn tới những loại xe du lịch mới nhất ; thanh thiếu niên mê say những đào hát chớp bóng, tài tử điện ảnh, ham biết những chuyện chung quanh đám cưới của vua Baudoin, chuyến du hành của hoàng hậu Elisabeth, hay cuộc tình duyên của công chúa Margaret trong khi đáng lẽ họ phải để ý tới những tin tức làm sao thanh toán chống nạn mù chữ, những kinh nghiệm tổ chức hợp-tác-xã hay cải cách điền địa ở các nước hậu tiến khác.

Nếu nhìn vào sinh-hoạt văn-hóa, người ta cũng thấy những hiện-tượng lệch lạc, sa đọa tương tự. Nhiều nước, sau khi đã thanh toán xong chế độ thuộc địa, vẫn giữ những liên lạc với những nước thực dân cũ, nhất là về văn-hóa. Tầng lớp trung lưu thành thị được ăn học thời thuộc địa, vẫn duy trì những tập quán, tổ chức học chính, văn hóa và vẫn tiếp tục dùng tiếng nói của nước thống trị cũ sau khi đã độc lập. Do đó, những nước thuộc địa cũ vẫn gần gũi với mẫu quốc hơn là những nước bị trị láng giềng, dù mẫu quốc có ở xa hằng trăm, nghìn cây số.

Kết quả là trong sinh-hoạt văn-hóa, nghệ-thuật, người ta vẫn chịu ảnh hưởng nước thực dân cũ, vẫn bắt chước lối suy tưởng và những phương hướng sáng tác văn-học nghệ-thuật, rập theo những trào lưu khuynh hướng của nước thực dân cũ. Đôi khi sự bắt chước đó rất giả tạo vụng về và chỉ là một thứ « cóp lại » lố bịch, vô ý thức. Thành ra những công trình sáng tác, đông đảo quần chúng không lãnh hội và thông cảm được. Người trí thức, người làm văn nghệ trở thành người xa lạ với quần chúng của nước mình.

Hoặc là ngược lại, người trí thức hô hào cổ võ trở về với nền văn hóa dân-tộc trước khi có chế-độ thực dân. Nhưng những nỗ lực đó lại càng vô ích, không đưa tới kết quả gì, vì ý muốn trở về truyền-thống chỉ xuất hiện như một nỗ lực duy trì nguyên vẹn dĩ vãng những hình ảnh lề lối suy nghĩ xưa mà nay đã lỗi thời, nhất là một phần nào, chính những nhược điểm của nền văn-hóa cũ kia đã là nguyên-nhân cho sự thua bại của dân-tộc trước sự xâm chiếm của ngoại bang.

Do đó, cần phải khai phá, sáng tạo ra một nền văn-hóa mới, không nệ cổ, cũng không cóp lại tây-phương, nhưng là một văn-hóa biểu hiện xác thực những khát vọng của thực tại đất nước trong hoàn-cảnh xây dựng, kiến-thiết một quốc gia mới theo đường lối riêng của mình. Những dân-tộc bị trị vừa đòi lại mọi quyền sống chỉ có hy vọng cứu rỗi, nếu biết tìm một con đường của mình mà đi. Nếu cứ bắt chước Âu-châu, đôi khi một cách vô ý thức, mù quáng, tức là tự dấn thân vào những ngõ bế tắc. Frantz Fanon kêu gọi những người có trách nhiệm lãnh đạo phải cảnh giác trước mối đe dọa lầm đường đó.

« Hãy từ bỏ Âu-châu đi, cái đất luôn luôn nói tới con người mà vẫn sát hại con người ở bất cứ nơi nào gặp nó, ở khắp các ngã đường, khắp các nơi trên thế-giới. Đã hằng thế kỷ, Âu-châu chặn đứng sự đi lên của những người khác, đã kiềm chế họ để phục vụ cho những hoạch định và vinh quang của mình ; đã hàng thế

kỷ, nhân danh một cuộc phiêu lưu tinh thần, Âu-châu bóp nghẹt hầu hết toàn thể nhân-loại. Hãy nhìn nó ngày nay đang lung lay giữa sự tan vỡ nguyên tử và sự suy sụp tinh thần ». (trg 239)

Lối thoát của « đệ tam thế giới » là phải tìm ra con đường của mình, nhất quyết không cóp lại tây phương, không coi tây-phương như khuôn mẫu, lý tưởng vươn tới, mà bị ám ảnh phải đuổi kịp tây phương.

Vấn-đề không phải là biến Phi-Châu, Á-châu thành Âu-châu, vì nếu đó là lý tưởng của ta, tốt hơn là trao lại số phận của ta cho người Âu-châu, vì họ biết Âu-châu và tài năng hơn ta để làm công việc đó.

Nếu ta muốn đáp lại đúng đắn nguyện vọng của các dân-tộc bị trị, đồng thời ngay cả nguyện vọng của các dân tộc Âu-Châu, không nên cố tạo ra trên đất nước mình một hình ảnh Âu-Châu, dù là một hình ảnh lý tưởng về xã-hội đó — cái xã-hội mà chính họ đôi khi buồn nôn, chán mứa — nhưng là tạo ra một hình ảnh mới, độc đáo phản ảnh thực tại riêng biệt của ta.

Hình ảnh đó là gì, con đường riêng đó là thế nào, Fanon chưa nói ra. Ông kết thúc cuốn sách bằng những lời hô hào tha thiết. Người đọc đồng cảnh với ông chỉ cảm thấy một niềm tin thoát ra từ giọng nói chân thành, sôi nổi của một người đang chiến đấu, một niềm tin về sự cần-thiết có một con đường đi riêng cho dân-tộc. Tiếc thay, Fanon đã mất sớm, không còn có thể nói với ta những ý nghĩ của ông về con đường « cứu rỗi » đó mà người ta có quyền mong đợi ở ông. Nhưng dù sao tiếng kêu của ông cũng đã nổ ra như một lời cảnh cáo : phải coi chừng, dừng lại, hãy kiếm thảo hướng đi, để khỏi xô dân-tộc vào nô lệ, dưới những hình thức khác.

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

✶ Tật xấu của các danh nhân là điều an ủi cho những kẻ ngu đần.

Disraeli

✶ Một con sư tử không thể nào đáng sợ. Nó Không có lý tưởng, không có tôn giáo, không có thành kiến, không có lễ độ, không có giáo dục.

Bernard Shaw

✶ Tất cả chúng ta đều như những thợ gieo mà thúng giống bị lủng hạt giống, dù tốt, dù xấu, sẽ rải khắp sau ta, dù ta có làm cách nào đi nữa ; và tự nó, nó sẽ mọc, mọc không ngừng, để nuôi dưỡng hay đầu độc người ta.

Paul Desjardins

MEN BỜ BỂ XANH

Nhật ký đi nghỉ hè của Cô MINH-ĐỨC

30-6-62. Mãi hôm nay mới cùng Hà đi chọn áo tắm, vì Hà đến Ba-Lê hơi muộn. Có ai định lên đường, ngày mùng một tháng bảy mà chiều ba mươi mới lên Ba-Lê đã thế Hà lại chưa mua sắm gì cả, vừa xuống xe, nàng kêu ầm lên bắt tôi đưa đi mua áo tắm. May cho tôi là hành trang đã xếp dọn xong cả rồi.

Người đi mua sắm dụng cụ nghỉ hè đông như hội, ở các nhà hàng lớn : Printemps, La Fayette, Bazar de l'hôtel de ville, đâu đâu cũng có từng cái đuôi người dài hằng mấy chục thước, toàn các cô các bà, mỗi người cầm trong tay hai ba kiểu áo tắm với cái thẻ mang số đợi đến phiên mình vào thử.

Vì Hà bé người nên khó chọn, tuy đối với con gái Việt cô nàng đã được kể vào loại cao ráo mát mẻ. Xong chuyện áo tắm còn phải mua dép, mua mũ tắm, áo khoác, dầu ngừa ánh nắng mặt trời v. v... Ra khỏi nhà hàng thấy hai tấm giấy mười nghìn đã biến đâu gần hết, Hà là dân mới sang nên mua bán gì cũng tính theo giá đồng bạc, để rồi lần nào cũng kêu than là Paris đắt quá. Cô nàng đã mắc phải cái chứng bệnh của tất cả những người mới sang Paris, làm tôi nhớ đến bà Linh-Bảo lúc ở Hồng-Kông mới tới cũng thường kêu rên : « Hồng-Kông chỉ có hai đô-la đã đủ đi chợ ăn cả nhà bốn người, mua nào thịt, nào rau, với hai cắc nữa thì có thể thêm món « canh thuốc bắc ». Trong lúc tính ra tiền Pháp thì chỉ đủ mua một miếng thịt cho một người ăn.

Hà chọn mầu áo đỏ da cam vì cô nàng có mầu da bánh mật, mầu da mà các cô gái Âu nào cũng cố sức chịu nằm phơi suốt tháng hè để cho được bánh mật như thế. Nhưng, về đến nhà thì giỏi lắm là chỉ một tháng sau, cả cái thân hình lột da như cua bể, đâu lại hoàn đấy : « từng mảnh da khô tan tác rơi ».

Bảo mãi mà Hà vẫn chưa chịu nghe ra, theo ý Hà thì da phải trắng mới đẹp. Hà nói : « ở nhà các cô tắm có đội nón lá »... Con người chỉ chạy theo những gì mình không có.

Trong khi Hà và tôi đi chọn áo tắm thì hai chàng Đinh và Vũ phải đi mua lò « ga » để nấu ăn vì chúng tôi định đi cắm trại cho đỡ tốn tiền.

1-7-62. Giậy từ năm giờ sáng, hình như suốt đêm — chẳng ai ngủ được.

Hôm qua đã giao con mèo nhờ bà láng giềng trông nôm hộ nên tôi yên lòng ra đi, phần tôi lo chuẩn bị thức ăn, nào nước mắm, ớt, tiêu, muối, nhà có gì mang đi hết. Mui xe ngập lên với những va li, giường vải, xắc nằm ngủ (sac de couchage). Đấy là chưa có bàn ghế. Vũ rất nghi ngờ sức chịu đựng của cái xe nên anh chàng không chịu mua sắm gì nhiều, ngay cả đến một cái quần tắm mới, Vũ chỉ sợ xe không mang nổi.

Xếp đồ đạc mãi đến gần 6 giờ mới lên đường. Đinh và Vũ thay nhau lái, và hai người nhất định đi thẳng xuống đến Saint Tropez mới ngừng chứ không ngủ đỗ ở dọc đường.

Đến Lyon đi lướt qua cho Hà xem thành phố vì cô nàng mới sang nên cái gì cũng muốn xem, muốn biết : « để viết thư về kể với ở nhà ». Chúng tôi vẫn chế Hà như thế, may mà cô nàng không giận.

Thành phố Lyon vì có nhiều kỹ nghệ nên rất sung túc, dân Lyon nổi tiếng là « đóng chặt cửa tâm hồn », rất ít người ngoại quốc nào được cái hân hạnh làm rể xứ ấy, cố nhiên là người Việt ta lại càng hiếm.

— « Lyon rất nhiều rệp ». Vũ vừa nói xong câu ấy thì cô Hà cảm thấy ngứa ngáy tay chân, cô nàng tưởng rệp là giống bà con của rận với chấy, bắt Vũ phải vội cải chính ngay, rệp là người Ả-Rập, xứ Lyon có nhiều kỹ nghệ nên người Ả-Rập đến làm công rất đông. Nhưng đừng tưởng rằng ở đấy sản xuất tơ lụa mà có thể mua được giá rẻ, trái lại lắm khi còn đắt hơn mua ở các nơi khác.

Ăn cơm ở vệ đường sau khi ra khỏi thành phố Lyon, bên cạnh chúng tôi có mấy gia đình của người Hòa-Lan, người Đức, người Pháp cũng dừng lại ăn cơm trưa tại đấy, vì trời nóng bức mà chỉ nơi ấy là có vài gốc cây im mát. Mọi người nhìn chúng tôi ăn như được đi xem hát bội, hẳn từ thuở bé họ chỉ nghe nói người Á-Đông ăn với bát đũa mà chưa bao giờ có dịp trông thấy

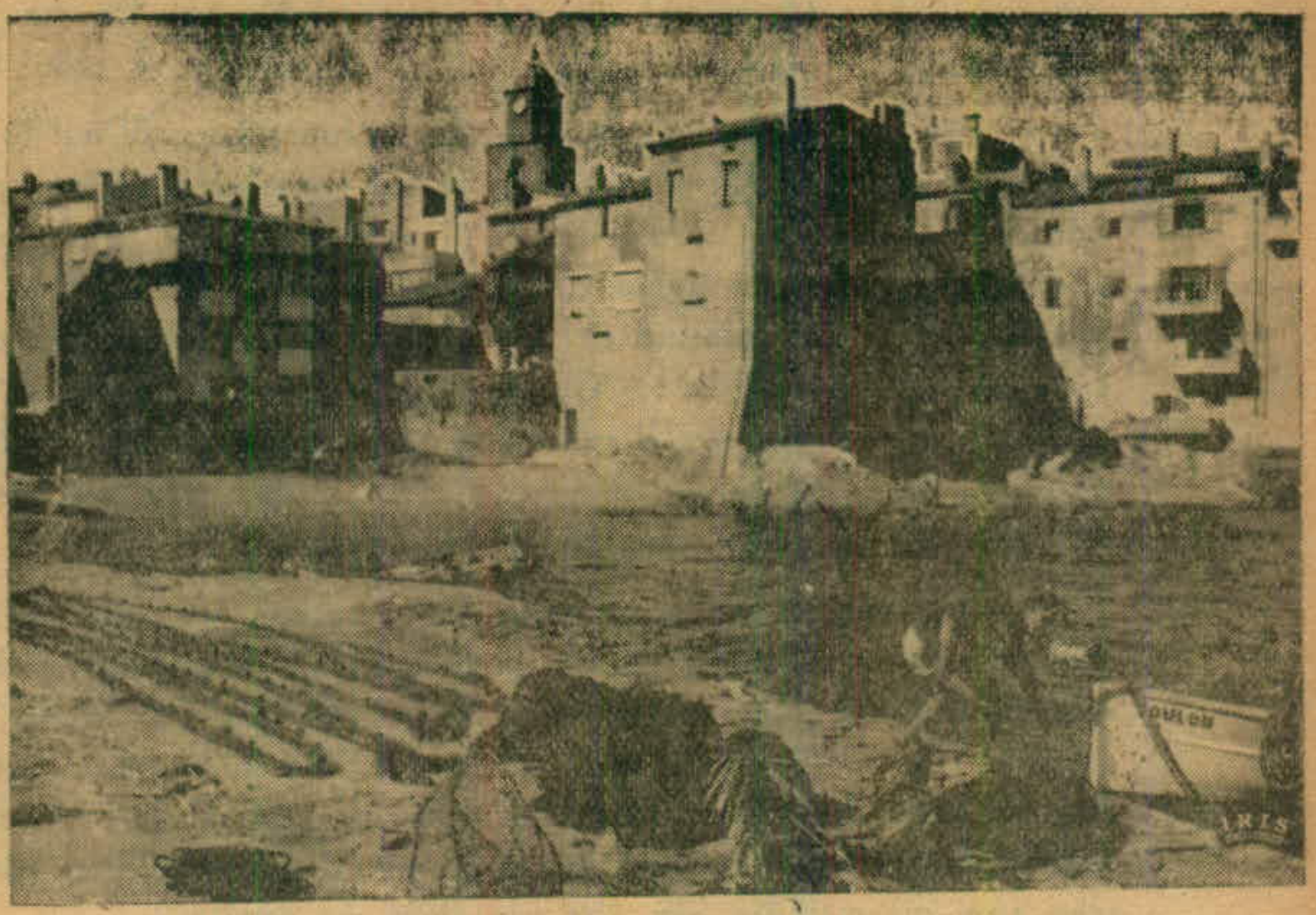

Bãi biển Saint-Tropez

tận mắt, (mặc dầu Paris có 300 hiệu ăn ta và tàu). Quả thật lỗi tại tôi, vì tôi ghét ăn thìa với nĩa, sợ phải nghe cái tiếng nĩa hoặc dao cắt vào đĩa ghê xương nên lúc soạn hành trang tôi không mang qua một cái nĩa nào cả.

Đến Avignon ngừng lại cho xe thở, chàng Đinh muốn xem cái cầu Avignon rộng lớn bao nhiêu mà người ta có thể nhảy ở trên ấy được. Từ thuở bé hát mãi mấy câu : « Sur le pont d'Avignon, on y dance » mà không biết mặt cái cầu cũng ức. Lúc xem thấy chỉ là cái cầu gãy, còn trợ lại độ một phần ba, thì anh chàng lại lo sợ nhỡ có ai vô ý rơi xuống sông thì nguy quá.

Xem cầu xong còn đến xem Palais des Papes. Du khách nào ghé qua Avignon cũng đến viếng, tuy ngày nay chỉ là nơi hòa nhạc mùa đông và là nơi diễn trường của ánh sáng với âm thanh (spectacle son et lumière) vào mùa hè.

Vì sợ đến St. Trop. muộn không có chỗ cắm lều nên chúng tôi chẳng dám « du dương » nhiều, đường từ Avignon đến Grimaud chỉ ngừng có một bận đổi tay lái rồi chạy ngay.

Đến Grimaud đã gần tám giờ nhưng thấy trại ở đây chỉ có gần núi và rất xa bể nên tất cả đều đồng ý đi thêm vài cây số nữa cho đến St. Trop. Đường đi từ Grimaud đến St. Trop sao mà

quanh co, vào lúc trời tối, hẳn phải hết sức cẩn thận nhất là đang giữa mùa hè, lúc người đi nghỉ mát nhiều, xe lên, xe xuống nối đuôi nhau, àm sao tránh khỏi sự cọ xát và sự về chầu tổ tiên.

Đến St. Trop. đóng ở Camp de la foux, trời tối mịt tuy rằng mùa nầy ngày rất dài nhưng vì cô Hà mệt nên thỉnh thoảng phải ngừng một tý cho cô nàng vươn vai. Tội nghiệp Hà từ thuở bé chưa bao giờ ngồi xe đến gần nghìn cây số như thế nầy. Hà vẫn bảo ở nhà mỗi bận có dịp đi đâu vào quãng bảy mươi cây số là ba bắt cả nhà phải ngủ sớm. Đinh hỏi lại : « Có phải ngủ sớm cho thêm sức để phòng ngày mai xe có lên cơn lì mà xuống đấy không ? » Hà nguýt dài một cái không thèm trả lời cứ kể tiếp : « Nếu đi đâu trên một trăm cây số thì còn phải ăn uống tẩm bổ đủ ba ngày ».

Một vấn đề rất quan trọng lỗi ở chàng Vũ, cần phải cảnh cáo cho mọi người đều biết để rút kinh nghiệm. Vũ đi mua lều vải mà nhí nhảnh không lo nghiên cứu trước nên đến lúc dựng lều chẳng còn biết lối nào mà mò, nói chữ mò ở đây đúng hơn bao giờ hết, đêm tối phải dùng ánh sáng đèn pha của cái xe hơi chiếu cho thấy đường lối. Nếu cái xe biết nói chắc nó sẽ phàn nàn : « bắt chạy từ sáng sớm mà mãi đến bây giờ vẫn chưa cho nghỉ ».

Hà với Đinh chỉ biết chế giễu chàng Vũ làm tôi thương hại phải chạy ra ngoài cửa hỏi thăm một ông Việt-Nam đang chơi bóng bàn ở phòng liên lạc. Tưởng ông ta cũng là dân đi cắm trại, không ngờ ông ta là chủ nhân của mấy chục căn nhà gỗ ở trại này, mỗi căn nhà tuy chỉ bé xíu vừa để một cái giường mà thôi, nhưng St. Trop. đến mùa hè thì như thế cũng đủ làm triệu phú. Ông ta đòi cho mượn nhà ngủ đỡ vì kiểu lều mới quá nên ông ta cũng không biết gì hơn. Lão chủ trại thì cứ khuyên nên thuê lều của lão mà ngủ, ngày mai lão sẽ giúp cho một tay mà dựng lều lên. Vũ tức lắm, nhất định lì, phải tìm cho ra cách dựng lều mới nghe. Vũ giả lời với mọi người : « Dân Việt chúng tôi vốn cứng đầu » và anh chàng tiếp tục mò mẫm. Hà lo làm «xăng-uýt», tôi chạy lăng quăng giúp Vũ còn Đinh chỉ biết ngồi cười. Con người nầy từ thuở bé chưa gặp mặt một vì sao khuya nào nên cái gì cũng thấy lạ lùng bỡ ngỡ.

Sau hai giờ tháo cái nầy, nối cái khác, mò mẫm mãi Vũ đã dựng được lều lên. Chỉ còn dư vài cái sườn mà cả Vũ với tôi đều mù tịt không biết để nó vào chỗ nào. Tuy hai đứa đều đã từng đi cắm trại nhưng lều mỗi năm mỗi đổi kiểu và mỗi nước mỗi lối lều khác nhau, kiểu lều của chúng tôi năm nay là kiểu lều năm 62. Ở trong trại người ta «xì-nốp» với nhau vì một kiểu lều, nào là lều tôi

giá đắt hơn lều anh những năm nghìn quan. hoặc là ông nầy ở lều bốn, bà kia chỉ có lều hai v.. v...

2-7-62 Sáng nay giậy rất sớm, lâu lắm mới được ngủ lại trong bao, và được nằm gần mặt đất. Trong khi Hà với Đinh lo soạn các thứ ra để nấu ăn, tôi và Vũ đi tìm bể. Đi mãi, mà chẳng thấy bể đâu cả, mới 9 giờ mà nắng đã đốt lưng. Nhìn ra xa thấy có những dãy lều ở cạnh bể, thế là chàng Vũ quyết định dời giang sơn, nhổ lều đi cắm trại khác không ngại khó nhọc. Đợi Vũ và Đinh đi tìm được trại mới là chúng tôi nhổ lều lên xe ra trả tiền trại, bốn người, một lều bốn (tente pour quatre personnes) với cái xe, giá tất cả là 6 quan mới.

Trại nầy rất gần bể. Dựng lều xong chúng tôi lo đi sắm bàn ghế, thay quần áo tắm và xát dầu vào người cho khỏi bị nắng cắn da.

Cô Hà từ sáng đến giờ vẫn chưa dám thay quần áo mặc dầu ở đây mọi người chỉ mặc áo tắm suốt từ sáng đến chiều cho thân thể được thư thả. Chúng tôi hết sức giảng giải nhưng Hà chỉ sợ « coi kỳ góa ». Ở bên nhà chỉ mặc áo tắm lúc nào sắp xuống nước và tắm xong thì vội vàng lên mặc áo dài ngay.

Chiều nay đi St. Trop ? Bể ở đây lành quá, tuy cát không đẹp như ở miệt Bretagne, nhưng bể lặng như hồ, không sóng và không sâu, không có đá, với sò cắt chân, tha hồ lội ra xa.

Trại nầy người đông như hội, lều dựng san sát nhau, may mà lúc đến chúng tôi gặp người gác trại, nên ông ra chỉ cho chúng tôi một góc khá yên tĩnh.

Trại rất lớn, đằng trước hướng mặt ra bể, đằng sau có rừng thông, chứa được năm nghìn người, theo lời chủ trại thì đến mùng 8 tháng 7 nầy là thôi, không thể nhận thêm khách nữa vì hết chỗ.

Khách cắm trại phần đông toàn là khách ngoại quốc, những người dân ở xứ núi, xứ lạnh đều : « bồng bế nhau xuống nó ở bể » để tìm mặt trời và nước ấm, nói bồng bế nhau thật không đúng chút nào, vì họ đến bằng xe Mercédes, Fiat, Opel, mỗi xe kéo theo một cái caravane to tướng chứa cả đại gia đình. Thỉnh thoảng cũng gặp được vài cái xe hiệu của Pháp như 404, D. S mang bảng số ngoại quốc thì phải hiểu ngay đó là xe của những người Pháp đi tha phương cầu thực, và như tất cả những kẻ sống xa xứ khác, họ muốn níu lại một chút hương vị quê nhà. Nếu bây giờ mà các ông bà ấy về đóng đô ở nước Pháp thì trước nhất là họ sẽ đi sắm một chiếc xe ngoại quốc. Tính người xứ ấy vẫn thế.

Đi xem thành phố Saint Tropez, đây là nơi mà tất cả thiếu nữ thế giới đều mơ ước có một lần nào ở trong đời được đến đấy, để phô bày tấm thân đẹp đẽ, để được ngồi uống nước ở cái quán giải khác nổi tiếng nhất : « quán Sénéquier », được đi dạo trên những đường phố hẹp nhưng nên thơ. St. Trop. không những chỉ là nơi tụ họp của các tài tử danh nhân và giai nhân thế giới. Không phải chỉ là nơi của các nhà đạo diễn đi tìm minh tinh cho cuộn phim tương lai, cũng không phải chỉ là nơi nghỉ mát của các nhà triệu phú góa vợ, góa chồng, bỏ chồng, giận chồng, đến tìm nguồn an ủi mà thôi. Saint Trop còn có gì rất dễ thương, rất quyến rũ, những con đường bé xíu nằm gọn giữa hai bờ nhà duyên dáng, tất cả thu lại trên cái vịnh đẹp nhất của miền Địa trung hải. Xưa kia Saint Tropez là thuộc địa của người Hy-Lạp Athenopolis, cái chữ Saint Tropez bắt đầu có từ năm 305 do tên của nhà hiệp sĩ Torpes, một hiệp sĩ thân cận của vua Néron, nhưng vì theo Thiên Chúa giáo nên bị hành hình và thả trôi bể. Xác của Tropes được sóng bể đưa đẩy đến vịnh nầy, người ta còn bảo rằng nhờ bà Célina, một nữ tín đồ của Thiên Chúa giáo, một đêm ngủ, nằm mộng thấy nên mới ra vớt xác hiệp sĩ mang về lén chôn cất Thành phố còn bị tàn phá mấy lần vì người Hồi giáo thời Trung cổ. Được sửa sang lại năm 1050 và năm 1471.

Ban đêm ở Saint Trop. từ 10 giờ đến 5 giờ sáng tấp nập trai gái dập dìu. Các hộp đêm, quán trà, tiệm nhảy tha hồ mà bán rượu. Những con người ấy mãi đến sáng mới bắt đầu ngủ, tới một hai giờ trưa giậy đi ăn xong kéo nhau ra bể tắm, phơi nắng, mãi đến năm giờ chiều đi uống rượu khai vị giải khát, tức là ngồi ở quán cà phê ngắm người qua lại xong mới về nhà sửa soạn bữa ăn tối, để rồi lại tiếp tục dạo chơi như đêm trước.

Chúng tôi không phải là dân «nốc-tuyệt» (nocturne) nên mới độ hai giờ là chui cả vào lều mỗi đứa một bao ngủ kỹ. Nhờ có nước bể và ánh nắng mặt trời khác hẳn cuộc sống quanh năm ở Ba-Lê nên mọi người tha hồ ăn ngủ. Cô Hà kêu ầm lên là sợ béo mà lúc nào cũng chỉ muốn ngủ, trưa ngủ, tối ngủ, gọi không chịu giậy, phải dọa mang vòi nước đến tưới mới chịu mở mắt ra.

Xuống bể Hà lội giỏi nhất còn Đinh thì chỉ dám nhúng mình cho vừa ướt rồi vội vàng chạy lên đi tắm nước ngọt ngay.

3-7-62 Hôm nay đi Toulon vì cả Đinh lẫn Hà đều chưa biết thành phố ấy, phố xá chẳng có gì đặc sắc, đi đâu cũng gặp các ông hải quân. Đinh cáu vì suýt bị cái máy «chewing-gum» ăn gian 10 quan

bà chủ quán phải giả đậy sau khi cãi nhau mấy câu. Có gì đâu, chàng Đinh đi ngang thấy bán chewing-gum vội vàng bỏ vào mười quan nhưng kéo mãi không ra gì cả, Đinh giận lắm dọa phá cái thùng đòi lại tiền và đến khi lấy được tiền xong anh chàng mới yên lòng. Có những con người tiêu xài bao nhiêu cũng không tiếc mà nhất định không chịu bỏ mất mười quan.

Trên con đường dọc theo bến tàu chúng tôi bị bao nhiêu người lôi kéo mời du khách xuống tàu đi viếng đảo Levant, Porquerolle và Port-cross. Đinh và Vũ nghe nói đến đảo Levant vội ngừng lại hỏi giá cả ngay nhưng vì đi phải đổi tàu và mất gồm ba tiếng đồng hồ nên cả hai đều xin rút lui.

Toulon tuy bị chiến tranh tàn phá rất nhiều nhưng vẫn còn giữ được những con đường bé xíu từ thuở nào xưa, bên cạnh những dinh thự đồ sộ mới cất lại. Cách Toulon khoảng mười cây số còn có vài cái đảo nhỏ chưa bị gót giầy văn minh đến càn quét, cây cỏ còn um tùm rất dễ lưu luyến, cố nhiên là lưu luyến những ai đã nếm nhiều những cảnh phồn hoa. Đảo nầy tôi đã có dịp ở đấy nên hôm nay mọi người đều đồng ý cho được trở về chốn cũ thăm lại những kỷ niệm xưa. Vũ vừa đặt chân đến là mê ngay. Vũ làm tôi hơi ngạc nhiên không ngờ cái nhân vật đã từng say mê mái tóc vàng phất phơ trong chiếc xe Volvo của cô gái Thụy Điển những kiểu mấy móc tối tân của quê hương cô gái Đức, thế mà đến cái đảo Gaou nầy cũng biết rung động. Anh chàng trách tôi sao không bảo trước, nếu biết rằng trên đất Pháp còn có những nơi hoang vu như thế nầy thì Vũ đâu có cho chúng tôi cắm trại ở nơi khác.

Trên đường về ghé ăn tối ở Bormes les mimosas, Đinh và Vũ nhất định đòi ăn bouillabaisse tuy chương trình đặt trước là phải đến Marseille mới ăn món ấy ở đường Canebière. Vào hiệu nào người ta cũng bảo là hôm nay bể động không có cá nên không thể nấu bouillabaisse được, mãi đến một hiệu cuối cùng vắng khách thấy chúng tôi vào họ vui vẻ bảo có sẵn. Chờ cho cả bốn người đều ngồi vào ghế, bắt đầu uống họ mới đến khẽ rỉ vào tai rằng xin đợi cho một tí xíu, không ngờ cái tí xíu ấy là hai tiếng đồng hồ và lúc dọn ra chỉ có vài con cá hồng thật lớn nấu với ba con cua nhỏ và rất nhiều khoai tây màu sênh sếch vàng, chẳng có mùi vị gì cả. Mọi người nhìn mấy con cá và mối thất vọng cũng lớn bằng những con cá ấy, nhưng thôi đành chịu vậy. Từ sau đừng có lì, muốn cái gì là muốn cho kỳ được, bài học kinh nghiệm nầy phải trả giá 7 nghìn quan (cũ).

4-7-62 Hôm nay nằm nhà, gió mistral thổi cái lều kêu phần phật, tất cả đều phập phồng lo, sợ đang ngủ mà cái lều sập xuống thì còn gì là những tấm thân già. Suốt đêm Vũ cứ phải chạy ra chạy vào sửa soạn, nào đóng sâu thêm chút nữa những cái cọc chung quanh, hoặc kéo chùng những sợi dây cho gió khỏi đánh bật lên, hạ mái hiên xuống thấp v. v... Đinh thức giấc cằn nhằn, cho rằng những kẻ đi nghỉ hè mà được ở phòng trọ vẫn là những kẻ khéo tu từ kiếp trước. Cô Hà ngáp bốn chục cái trong một tiếng đồng hồ trung bình cách nhau hơn một phút một cái ngáp.

Tôi hẹn sẽ có một hôm nào thức suốt đêm nghe sao nói chuyện không ngờ đêm nay lời hẹn ấy được thực hiện. Ngoài bể nghe ít gió hơn ở trong lều. 12 giờ đem tôi mặc thêm áo ra ngồi ở hốc đá cạnh bể nhất định lắng nghe câu chuyện của những vì sao, và nhân thể chờ xem mặt trời mọc trong lòng bể.

Quả thật không còn gì đẹp hơn lúc mầu đêm đang phai dần nhường từng chút xíu rạng hồng cho ánh sáng. Sóng vỗ nhẹ nhàng dưới chân đá, đằng xa những dãy núi đen thẫm vẽ hình lên nền trời xám. Ánh trăng cũng tệ, mới có vào độ hai ba giờ sáng mà đã vội vàng từ giã tôi biến mất, lúc nầy tôi bỗng cảm thấy hơi bơ vơ. Tất cả mọi người đều say ngủ chỉ có mình tôi đang tò mò cố lắng nghe những mẩu tâm sự của ban đêm. Theo thần thoại Hy-Lạp thì đêm là một nữ thần, con gái của Chaos, thảo nào êm đềm và dịu dàng quá. Con người thỉnh thoảng phải nên thức trắng một đêm để có dịp suy nghĩ nhiều hơn tí nữa, dầu ngày mai tóc có bạc thêm vài sợi. Dẫu ánh sáng của những vì sao cách xa tôi hằng mấy năm trời, dầu một lời tâm sự, một lời nguyện cầu phải theo ánh sáng đến hơn 4 năm trời mới đến tai những vì sao ấy, nhưng khi người ta yêu nhau thì thời gian và không gian có nghĩa lý gì.

5-7-62 Sáng nay phải ra bể tắm sớm vì mệt, đáng kiếp cái tội gàn, chiều nay đi xem đảo Levant. Đinh vẫn khao khát đến viếng nơi mà mọi người đều sống theo chủ nghĩa tự nhiên (naturiste). Muốn đến đảo ấy phải đi xe đến Lavandou rồi lấy tàu nhỏ đi tiếp theo, mất một giờ tàu mới đến. Hôm nay bể động, sóng rất nhiều mà tàu bé xíu nên nước tát vào như xối, con tàu nghiêng bên nầy, ngã bên kia; mỗi lần tàu nghiêng như thế thì lại có những tiếng hét rú lên của đàn bà trẻ con lẫn trong tiếng cười vui thích của những người đàn ông không hề biết sợ. Cả Hà lẫn tôi đều ngất ngư vì mệt, vì say sóng, Đinh xanh như tàu lá chỉ có Vũ là bình tĩnh nhất. Nghĩ đến cái tài bơi của mình tôi cảm thấy hơi ngại, nếu tàu bị lật ở giữa bể thì chỉ có chết, mà chết

vì đi xem đảo Levant thì có khác nào những kẻ chết vì ăn no trúng thực, còn gì nhục nhã hơn. Đến Port-cross, Đinh đề nghị nên bỏ cuộc nhưng tôi không chịu, đã mệt thì cho mệt luôn, dừng bước để rồi sau nầy các ngài không có dịp đi đến đấy trong đời, và các ngài sẽ thù oán chúng tôi đến mãn kiếp thì chịu làm sao nổi.

Đảo Levant chia ra làm đôi, một bên dành cho quân đội, bên kia dành cho những người theo thuyết tự nhiên. Đảo có nhiều cây cối um tùm nhưng không phải vì thế mà không có hiệu ăn, khách sạn, và hiệu tạp hóa. Cố nhiên là giá có đắt hơn vì tất cả mọi thứ đều phải vượt sóng thêm một giờ nữa. Nhà cho thuê cũng rất nhiều, vào mùa nầy đi ngang nhà nào cũng thấy treo bảng cho thuê, một phòng, hai phòng, từ tháng 7 đến tháng 9, hai tháng nhiều mặt trời nhất và cũng nhiều du khách nhất.

Dân trong đảo chỉ có một số ít, còn thì là dân của những xứ thiếu mặt trời đến đây tìm ánh nắng để phơi những tấm thân « ngà ngọc ». Ra đường họ phải mặc một mảnh tối thiểu, đàn ông cũng như đàn bà, làm chàng Đinh tiếc tiền. Lượt về Vũ chạy xuống hàng sách mua được mấy viên thuốc nên không ai bị say sóng nữa. Tuy vậy cô Hà thề ầm lên rằng từ nay không thèm bước chân lên một chiếc tàu nào nữa.

6-7-62 Hôm nay đi Marseille, thế mới biết rằng ở đời cha mẹ không mấy khi hiểu nổi con, giá xưa kia cha mẹ của Đinh hiểu Đinh hơn thì có lẽ các cụ đã để cho con trai đi làm nghề tài xế Taxi vì Đinh có vẻ say mê lái xe hơn tất cả mọi thứ ở trên đời, chỉ có lúc lái xe là Đinh hân hoan như kẻ đã tìm ra chân lý. Marseille bây giờ được kể vào hạng nhì của nước Pháp vì Alger không còn nữa, Pieds noirs ở đây rất nhiều, họ bị từ giã Châu-Phi nhưng họ không muốn từ giã ánh nắng mặt trời với nước bể, nên hầu hết đều đến tìm mua nhà cửa ở các vùng nầy.

Nhà cửa to lớn, phố xá nhộn nhịp, nhưng đường còn lát đá nên xe rất khó chạy. Đã thế lại còn những đường sắt ngang dọc với giây điện chăng bên trên cho các thứ xe điện qua lại. Chúng tôi ghé ăn ở Vieux port, một lần nữa bị thất vọng vì món bouillabaisse. Ăn xong đi viếng nhà thờ Notre Dame de la garde, nhà thờ ở trên đồi cao, có đến hàng trăm bậc thang cấp lên. Nơi nầy tôi có đi qua cách 8 năm về trước. Marseille vẫn không có gì thay đổi, vẫn dễ ghét. Tôi nhớ có một năm đi nghỉ hè ở miệt Colmars lúc về ghé qua Marseille để lấy tàu lên Paris, trong suốt 8 tiếng đồng hồ chờ tàu tôi không dám đi dạo phố một mình, sợ bị mẹ mìn bắt cóc. Người ta dọa dẫm nhiều quá

nên tôi đâm ra ngờ vực, trông thấy ai nhìn mình là đã tự bảo thầm : coi chừng mẹ mìn đấy. Mẹ mìn hay bố mình cũng thế, người ta không dỗ trẻ con mà chỉ dỗ đàn bà, con gái mang đi bán các miền Bắc-Phi. Bây giờ nếu hoàn cảnh có trở lại như thế liệu tôi có can đảm hơn không ?

Định ra xem Chateau d'If để được nhìn gần những nhà ngục của Marque de fer, của Mirabeau và bao nhiêu nhân vật khác, nhất là các nhân vật trong tiểu thuyết Monte-Cristo của Dumas, nhưng vì nghe bảo phải mất một giờ rưỡi đi tàu (tuy từ Marseille nhìn ra thì tưởng như gần lắm). Hà nghe nói phải đi tàu là cô nàng vội vàng cảm thấy mệt ngay, chàng Đinh đành phải ngậm ngùi ra về trong lòng không quên thề trộm : « từ nay đi đâu không thèm mời mấy tên phụ nữ » đi theo nữa.

Nhà thờ Notre Dame de la garde rất to lớn nhưng không giống các nhà thờ khác ở điểm là người ta không được tự do đốt nến. Ai muốn đốt nến thì phải xuống chỗ bán nến rồi trở lại nhà thờ đưa cho chú tiểu, chú ấy vào phòng dành riêng để đốt nến, người ta chỉ có quyền nhìn theo mà không được vào. Xong có người lại còn phải biếu chú tiểu ít tiền, cái công châm nến. Nghĩ mà tức, vì có cái phút thú vị nhất là cái phút châm nến, cắm nến, vừa cắm vừa cầu nguyện (Hình như vào một nhà thờ lạ nào mà đốt nến cầu nguyện thì sẽ được toại nguyện) Đằng nầy chú tiểu đã dành mất cái giây phút thiêng liêng ấy. Còn gì nữa, vì thế chỉ có Hà và tôi chịu khó đi mua nến đốt, chàng Đinh tuy là con chiên mà nhất định không chịu đốt, đòi đi đến nhà thờ khác.

Về trại nhưng vì còn sớm nên ghé lại Bandol tắm. Vùng bể nào tháng nầy cũng đầy cả người. Bốn chúng tôi đều than : « mệt quá trời ơi ! »

7-7-62 Chương trình hôm nay định nằm nhà, ai cũng ngấy những con đường quanh co men bể, những cái corniche, tuy đẹp nhưng thân thể nào cũng muốn được nằm dài ra trên bãi cát để nghỉ ngơi hơn là cứ mỗi ngày ngồi hằng giờ trên xe trong khi trời bên ngoài nắng đến trên 40 độ.

Chung quanh lều chúng tôi là những lều của người Đức, người Bỉ, Hòa-Lan, Thụy-Điển. Chiều về các cô gái Đức kéo lê đôi guốc gỗ đi rửa chân, những đôi guốc mộc, với chiếc quai ngang, đơn sơ nhưng họ đã phải trả giá rất cao vì đấy là phát minh của một giáo sư bác sĩ (Her doctor professor) đưa ra để cho đôi chân được vệ sinh. Mỗi

lần Vũ nhìn thấy những đôi guốc ấy anh chàng lại kể lể : « Từ khi tôi đạp xe sang du lịch Đức quốc, trót vô ý đánh mất một chiếc guốc, thế rồi cái hình thù của đôi guốc đã hiện ra tràn khắp nước Đức ».

— Thế tức là nhờ sự vô ý của anh mà dân Đức biết đi guốc ? Đinh hỏi Vũ.

— Hẳn đi chứ.

Riêng cô Hà cũng đang tức tối nghĩ đến mấy đôi guốc nàng bỏ lại ở quê nhà, vì khi lên máy bay cô nàng chỉ có quyền mang có hai mươi cân hành lý, mà cái va-li quá đồ sộ đã chiếm mất sáu cân rồi (ý hẳn cô nàng muốn mua chiếc va-li ấy để sau còn làm quà cho cháu nội). Mỗi lần nhìn các cô gái Đức kéo lê đôi guốc Hà lại lên tiếng : « Tạo mà có đem theo đôi guốc của tao mang vào thì cả nước chúng bay lé hết cho mà xem ».

Hà hẹn sẽ nhờ Tâm hay Quân, các em nàng gửi sang. Phần tôi, từ lâu tôi vẫn đợi ngày được trông thấy lại những đôi guốc mộc vừa dễ thương vừa mang nặng chất quê hương ấy. Nghĩ đến những đôi guốc tôi lại nhớ anh Thạch-Hà, thuở bé thường bảo tôi ; « Đứa nào thiếu tiền ăn kẹo thì cứ đi qua đi lại trước mấy hàng thợ guốc mà kéo lê đôi guốc sàn sạt tức thì sẽ được họ gọi vào cho tiền ăn kẹo ». Tôi tưởng thật có làm thử mấy lần nhưng chẳng bao giờ được gì cả, có lẽ vì kéo guốc trong lúc họ đang bận việc nên không để ý nghe chăng ? Anh Thạch-Hà bảo, họ thấy mình kéo guốc tức thì guốc chóng mòn nên họ thương lắm, bây giờ nghĩ lại mới biết mình ngu.

Dầu sao tôi có ý định ngày nào mấy đôi guốc của Hà được gởi sang, tôi sẽ nhờ Vũ với Đinh một buổi sáng nào đấy giậy thật sớm mang guốc vào chân rồi xuống đường kéo lê trong khi tôi ở trên gác mở cửa nằm lắng nghe để được sống lại cái cảm giác xưa, ngày còn ở nhà, những buổi sáng mùa hè ngủ ngoài hiên nhìn xuống dưới tuy trời còn mờ tối nhưng đã vang lên những tiếng guốc kéo lê hòa lẫn với tiếng gót giày nện cồm cộp trên vỉa hè của những kẻ đi sớm về muộn. Nhắc lại còn thèm, tôi chỉ chờ ngày những đôi guốc ấy sang đây.

Càng nghĩ càng giận cái va-li của cô Hà.

Cô MINH-ĐỨC

Hát đi anh, lời yêu, em đợi mãi
cho chúng ta và ngày mai

— *Tiếng động tan vui đầu trái đất*
Được thua, ai dọa nén quân bài

Hãy kể những thời rong bão
những nẻo đường say, những hồn gục ngã
với nhiều nước mắt, với căm hờn

— *Vén cỏ chờ hương*
Vớt mơ tưởng đem về nuôi lẽ sống
Gốc tùng ôm đá chỉ reo xanh
Ai buồn nghe
Con hạc rừng theo nhịp múa trên tranh

Bốc cao ngọn lửa khi hồn gọi đuốc
dắt qua cánh đồng sương lúa rụng
Hướng trước ngại vào đêm

— *Phía sau lưng còn vang hịch thép*
Bóng cờ rợp sử
Khí nồng đương bén lớp nhô măng

Chán chường thay
Mong câu ru ấm, gặp lời giá băng
Trả mộng cho hoa,
về biển cát
Chỉ cần níu lại mấy tia trăng

— *Biết lắm, vẫn đời thơ nói hộ*
nỗi riêng, đẹp cũ, giọng sầu quen

Tạm thoát ra ngoài giấc bụi
Xuống mở vực lòng khơi sáng
Đón luồng ngâm mát
thả từ khi chưa nảy những vì sao
buổi sen trắng con người không nói dối
Có ai tiếc
Giữa trời không đáy, giữa đời không tuổi
Các nguồn xưa đã dốc cạn mê ly

Nhưng bóng cựa, triều dâng đuổi gió
Để tìm tiên
phải chọn lối chưa đi

Hòa-Âm XII-B
Đ. T.

Sẽ phát-hành cuối tháng 9-1962 :

NỔI LỬA

truyện của

THANH-THƯƠNG-HOÀNG

•

Bìa do HUY-TƯỜNG trình bày

•

SÙNG-CHÍNH-VIỆN xuất bản

đang in HOA-THỀ

LÊ - MINH - NGỌC

thi phẩm đầu tay của nhà thơ quen tên

đề tựa : VŨ - HOÀNG - CHƯƠNG

trình bày : Tạ Tỵ

bìa in 5 màu, nền trang nhã, Phụ bản chân dung tác giả. có in riêng 100 bản đặc biệt dành riêng cho quý bạn yêu sách đẹp

xin liên lạc với thi sĩ

VŨ - HOÀNG - CHƯƠNG

Số 345/2, Phan-đình-Phùng, Saigon

ĐÓN ĐỌC

TUỔI ĐỜI

bìa

TRẦN - HƯNG - BÌNH

thơ

NINH - CHỮ

Phụ bản chân dung

ĐINH - CƯỜNG

1 GIỮA vùng nước đục ngầu thành phố Nam-Định nghiêng chìm dần xuống, bập bênh sắp sửa rời rã. Những khóm cây thấp thoáng. Những mảnh tường đổ nát bần thỉu. Đường phố giao nhau vô nghĩa như những nét gạch nguệch ngoạc. Giấy nóc xám buồn tẻ của nhà máy sợi. Giòng sông đựng những con thuyền nghèo khổ. Nóc nhà thờ màu đá cũ. Khu đồn riêng biệt ở phía nam tỉnh lỵ chòi canh xùm xụp, khi lên cao trông xuống mọi vật xếp đặt không lý do. Trong cái thành phố ấy Thạch đã sống non một năm mà không hề biết đến nó. Mỗi buổi sáng kèn thổi thức dậy trong căn phòng dài trần phẳng, hai dãy giường san sát, mùa đông ánh đèn mờ bít bùng như trong « ca bin » tàu biển ; những giờ bò chạy nhảy tập bắn, đeo quân trang đi bộ, lội nước dưới bầu trời không thay đổi lúc rét âm thầm, lúc mưa buốt, những giờ ngồi lặng lẽ nghe giảng lý thuyết với những bộ mặt không quen ; những bữa cơm trong một tnú khua động ồn ào, buổi tối ở « pô pốt » nghe ra-đi-ô, đọc báo, chơi bóng bàn ; sáu tháng trong cảm giác im lặng xa lạ tuyệt đối. Mặc những cuộc vận động biểu tình làm reo phản kháng, không hùa theo cũng không cưỡng lại, mặc những đứa bỏ trốn, những đứa anh hùng làm loạn, những đứa hèn nhát chạy chọt luồn lụy, những đứa chùm chăn kín thức khuya dậy sớm bật đèn pin để học mong về Hà-Nội giật lấy mảnh bằng còn sót, tất cả những đứa ấy, cũng như vật dụng hằng ngày gửi trả lại cho cái trường quân

THANH-TÂM-TUYỀN

NỖI CHẾT KHÔNG RỜI

. . . vivre avec cette tiédeur de mort dans la main.
A. Malraux

sự sau thời gian tập luyện, không liên quan gì tới tôi hết.

Bây giờ thành phố đã khuất, phi cơ bay trên những tầng khói lạnh. Ghế ngồi hai dãy đối diện tựa lưng vào thành tàu. Thạch mỉm cười nghe những đứa ngồi cạnh bàn tính tương lai ; đứa nói sẽ vận động xin được ra tiếp tục học thuốc hoặc chuyển sang ngành quân y sắp mở, đứa tìm một chỗ ngồi bàn giấy hoặc ngành quân nhu ở bộ tham mưu Đệ Tam quân khu ngay Hà-Nội, đứa hy vọng làm sĩ quan tác động tinh thần khỏi phải ra mặt trận. Một đứa bỗng nói lớn với tất cả : « Tao sẽ xin đi đóng (đồn rồi dẫn lính ôm súng bỏ ra ngoài », cả bọn bỗng im phắc, Thạch cười rồi nói bâng quơ : « Ý kiến hay », tiếp theo Thạch văng tục : *Merde*. Thạch cần thấy phải văng tục lần thứ nhất (lâu dần thành thói quen).

Tiếng động cơ bỗng dưng tắt quãng, mọi người đều nghe thấy. Vào buổi chiều tối người đàn bà dáng dấp đài các mời Thạch ngồi lại ở phòng khách bộ « salông » xanh, ánh sáng trong những đèn chụp xanh dịu, màu sắc hòa hợp giả tạo trơ trẽn, khuôn mặt đầy đặn lổ lộ khoảng bốn mươi tuổi ; người đàn bà ấy tỏ ý tín nhiệm Thạch về việc dậy dỗ mấy đứa con nhỏ, tin tưởng vào tương lai « của cậu, vừa giỏi vừa chăm chỉ ngoan ngoãn, tôi góa bụa nhà không có đàn ông, muốn giúp cậu học thành tài », nghĩa là ngỏ ý muốn gả đứa con gái lớn cho Thạch lúc đó Thạch muốn cười tướng lên bảo : « Tôi lấy con gái bà, cái đứa con gái mặt bì bì u uất suốt ngày đứng sau tủ hàng, mắt không biết gì ngoài những loại giấy bạc, và bà sẽ cho tôi tương lai. Cái tương lai làm sẵn ấy hình thù nó thế nào khỏi cần miêu tả tôi đã trông thấy rõ lắm rồi, tôi bất cần thứ tương lai ấy, bà và con gái bà, cộng thêm cái cửa hiệu, mấy căn nhà, ngân khoản ở nhà băng không ăn thua gì đến tương lai tôi hết », nhưng giả đò như ngu không hiểu rõ ý, Thạch đứng dậy kiếu từ. Ra đến ngoài đường Thạch bực tức chửi *Merde*, Thạch không trở lại gia đình ấy nữa. *Merde*, những ngày sống chật vật ăn bánh mì, uống nước máy ; *Merde*, hai lần thi trượt, những lúc ốm đau nằm trên giường nhà trọ không người thăm hỏi. Lần nặng nhất đau bụng quằn quại đến ngất đi, may mà tình cờ Liên đến đúng lúc. Liên, bạn từ thuở nhỏ ngày hai gia đình ở cạnh nhau cả hai đứa đều

mồ côi cha như nhau, quần quýt nhau, yêu nhau, Liên lớn hơn Thạch hai tuổi đã có chồng con. Cặp mắt Liên mở to sợ hãi, cơn đau tưởng dịu xuống, cặp mắt của cả một cuộc đời đen, lớn, sâu, khổ vô chừng và cũng âu yếm vô chừng ; Liên vực Thạch chở vào nhà thương Phủ-Doãn ở đấy người ta cắt đi một khúc ruột thừa. Ra khỏi nhà thương, người xanh xao thiếu máu phải xuống ở nhờ nhà Đồng, một thằng bạn yếu phổi phải bỏ học dưỡng bệnh ; nhận được giấy gọi động viên, đi trình diện khám sức khoẻ, cân nặng 40 ký, xếp vào hạng chiến đấu, vết sẹo mổ ở bụng chưa lành, rồi sẽ lành ; càng hay đang không có công ăn việc làm, khỏi lo chết đói. Đưa Thạch ra bến Phà đen xuống một chiếc tàu đò nát chỉ có Đồng, Đồng mặc cái áo len cao cổ màu xám, mặt béo bệu da mai mái, tóc rối bồng, hình ảnh của một thi sĩ, mắt đục với hàm râu quai nón xanh mờ mờ, ít nói nhưng thường hay pha trò ý nhị. Đồng đứng lẫn trong đám thân nhân tiễn đưa ồn ào những tình cảm, thản nhiên không nhìn Thạch, Thạch tựa vào đồng sắt của thành tàu cũng không nhìn Đồng. Giòng nước đỏ chảy siết, sông mở rộng đến chân trời ; giòng nước ấy đã cuốn trôi tập bản thảo chép những bài thơ tình Đồng viết trong những năm tuổi đang lớn, bắt đầu năm mười bảy tuổi, ném xuống nước bằn như một nhánh củi mục mùa hè năm ngoái hai mươi hai tuổi, trong ấy có những tên Hà - Phương, Thạch đã được đọc vài lần ; con đường dọc theo bờ sông cách thành phố bởi con đê hai đứa thường đi dạo, những đêm tối trời nhìn sang bờ bên kia mịt mùng bóng cây thẫm hoặc những đêm trăng sáng trên những đồng cát vừa bốc lấy dưới lòng sông cạn đổ bên ven đường, Đồng gối đầu lên đùi Thạch thẩm thì kể chuyện, Thạch nhìn ánh trăng nơi cuối sông. Những câu chuyện của bọn Thanh niên vừa lớn trong vùng chiếm đóng thèm khát tự do, tự do cũng không có ở ngoài kia (và đời sống không thể có tự do ? tự do chỉ là ảo tưởng của bộ óc bệnh hoạn ?) ; những chuyện tâm tình về Hà, người yêu đầu tiên của Đồng đã lấy chồng, về Phương cô bạn gái cùng lớp với hai đứa đã sang Pháp du học. Dù chưa biết Hà bao giờ, Thạch vẫn nghĩ Hà quen thuộc gần gũi như Liên, theo lời Đồng, Hà cũng có đôi mắt mở to đen sâu « bí ẩn như đêm tối trên mặt biển » ; Đồng hỏi Thạch : « Cậu có nghĩ đến cái chết bao giờ chưa ? Tôi nhìn vào mắt Hà là tôi tưởng tượng đến cái chết. Thật là lạ », Thạch đáp : « Tôi ghét tưởng tượng, tôi không hề nghĩ đến cái chết, nghĩ đến nó tốt hơn là đứng trước bức tường mà nhìn trân trân ».

Hai lỗ tai Thạch chợt buốt ù, phi cơ đang lượn tròn xuống thấp. Khu Gia-Lâm dâng lên rõ dần. Nhà ga. Hàng tường dài thấp lác. Ngổn ngang những dãy toa than đen. Vùng quân sự quanh phi trường, những dãy nhà mái lè tè vôi đỏ kệch hợp với màu nước sông Cái trong ánh nắng nhạt.

Con đường sổ năm ngoằn ngoèo đổ từ dốc cầu Long-Biên xuống lồm ngồm xe cộ. Cây cầu sắt dài nhiều chỗ lấp lánh ánh trắng nhịp nhàng chuyển vào Hà-Nội. Một đứa kêu mừng rỡ, trán và mũi dán sát vào khung kính tròn đục : « Kìa nhà hát lớn , trường đại học », nó quay lại đập vào vai Thạch. Phi cơ chìm xuống nhanh, Thạch chỉ kịp ngó thấy ở xa xa những chùm cây xanh rậm đưa lên che khuất cái mái đá xám của nhà hát thành phố, mặt tiền của viện bảo tàng Finot, một khúc phố bờ sông khoảng cột đồng hồ... Rồi những bánh thép chạm xuống mặt sân bay hơi dội lại, cảm tưởng vững vàng trở lại đất liền, lăn trên đường cứng rung lên những va chạm khô khan, động cơ ngừng nổ, người ta đứng lên hớn hở xôn xao, tại sao tôi vẫn còn yêu mến những cái chúng yêu mến, tại sao tôi chưa rời bỏ biệt tích đến một chỗ nào hoàn toàn mới lạ với những sự vật của riêng tôi ? Tôi không thể nào yêu cái gì mà chúng nó cũng yêu, nếu chỗ nào chúng tới, tôi phải bỏ đi, nếu chúng chiếm hết cuộc đời, tôi sống với hư vô, nếu chúng yêu tôi, tôi sẽ giết tôi. Thạch bàng hoàng chán chường, còn gì để trở lại thành phố kia ?

Dưới chân máy bay một đám đông chờ đón, đứng hàng đầu một thiếu-úy sĩ quan liên lạc của quân đội Pháp, một trung úy quân đội quốc gia, một đại diện Tổng hội sinh viên, phía sau là đám thân nhân của các sĩ quan vừa tốt nghiệp đang kễnh càng nghển cổ tìm con cái, anh em, tình nhân. Thiếu úy Pháp ứng khẩu nói mấy lời chúc mừng các tân sĩ quan Việt-Nam, « các chiến sĩ tiền phong của một quốc gia độc lập trong mặt trận chống Cộng của thế giới tự do », trung úy Việt báo cho biết mọi người được nghỉ phép nửa tháng trước khi tới liên lạc với trại Trần Hưng-Đạo nhận lệnh, đại diện sinh viên ngỏ ý hân hoan thấy anh em bình yên mạnh khỏe, thay mặt toàn thể sinh viên đại học Hà-Nội mời anh em tới dự buổi tiệc trà đón tiếp của tổng hội tổ chức vào chiều chủ nhật sắp tới tại trường. Mọi bộ mặt bỗng nhiễm vẻ nghiêm trọng. Một đoàn năm chiếc xe Dodge 4 dùng để chở mọi người về Hà-Nội, một số cùng với thân nhân dùng phương tiện riêng nên xe đầu bỏ trống. Trong xe ai nấy đều im lặng, mắt dáo dác nhìn ra ngoài, như những con chim đang nhận đường về chuồng. Bỗng đứa ngồi cạnh làm Thạch giật mình, nó là đứa đã tuyên bố ở trên phi cơ sẽ ôm súng theo V. M. về mặt đen đủi nhiều góc cạnh, mũi to hơi hếnh lên, cặp mắt gườm gườm, môi lúc nào cũng mím lại tạo về cương nghị, nó hỏi Thạch « Anh thù Việt-Minh» Thạch nói trỏng : «Sais pas» nó lại hỏi tiếp «Anh cũng không ưa quốc gia, vậy anh ở đây làm gì ? » Thạch lấy hết giọng ôn tồn bảo : « Tais-toi. Tu m'emmerdes » Xe qua cầu Long-Biên chậm chậm, Thạch nhìn theo những khuôn mặt trong những chuyến xe hàng phía bên kia cầu ngược lại trôi qua những dóng cầu đan nhau. Xưa kia còn nhỏ mỗi lần

đi tàu hỏa vào đến cầu là Thạch bám chặt lấy thành cửa sổ, nhìn những đà sắt nặng, giòng nước đục soáy dưới những cột đá khổng lồ, bãi hoang rậm rạp chia sông làm hai ngánh với cảm giác ngất ngây sợ hãi, đứa nhỏ sợ sẽ lộn cổ xuống sông va vào thành cầu vỡ óc và chìm nghỉm giữa giòng nước cuồn hay mất xác giữa bãi cây cỏi mọi rợ, không được đến Hà-Nội đi chơi chợ Đồng-Xuân, hàng Đào, bờ hồ ăn kem kẹo dừa đội mũ nồi màu đỏ.

*
* *

2 Hà-Nội không thay đổi. Phố xá vẫn tấp nập, sinh hoạt tiếp diễn bằng những vận động của xe cộ và người qua lại tưởng như không hề ngừng nghỉ một phút từ ngày Thạch bỏ đi đến giờ. Dừng lại ở bên bờ hồ gần ngọn tháp nhỏ chắn dưới lối đi về nhà bưu điện, Thạch mua hai đồng lạc rang của ông già Tàu ngồi trên ghế đá. Ông ta bốc khéo léo, những nắm tay vừa đủ, ngửng đầu cười với khách hàng, đầu ông đội một cái mũ dụ lưỡi trai ; mới thêm một bà già ngồi nhận tiền bên cạnh, bà gắp những đồng bạc làm tư cầm trong tay như tiền vẫn dùng trong các sòng tài xỉu. Rồi Thạch nhảy lên chuyến tàu điện đưa lên Thụy-Khê. Tàu chạy qua hàng Ngang, hàng Đào, hàng Đường, chuông gõ liên hồi tiếng cần dẫn điện sẹt sẹt. Hai bên hè người đi lại đông đúc trước những cửa hiệu buôn bán rực rỡ ; những con phố này đã có thời kỳ mới tám chín giờ tối vắng tanh, Thạch đưa Liên đi mua hàng gõ cửa những tiệm quen, trời mùa đông rét mướt, Liên mặc cái áo dạ đen đã sờn khuỷu tay khoác thêm tấm áo vét ở ngoài, đầu choàng khăn len, cặp mắt nàng thỉnh thoảng ngó thấy ướt lạnh, Thạch đi lên ôm dùm vài món hàng cho bạn, mặc cái quần ka-ky dầy, cái áo blouson xẫm, trong một cái áo pull'over màu tro Liên đã đan cho Thạch trên những chuyến tàu chợ xuôi ngược. Hai đứa đi sát bên nhau nép dưới mái hiên hàng phố tránh gió. Một đêm cuối mùa thu năm ngoái lúc qua chợ Đồng-Xuân ở những gốc cột đèn lính nằm phục chĩa súng rình mò, trên nóc chợ lợp tôn cũng thấy nấp những bóng đen với những khẩu liên thanh hờm sẵn, Liên níu lấy tay Thạch run sợ, trời vẫn còn mưa ngâu rải rác, hai đứa phải đi ra giữa đường tàu, đó là năm 50, quân đội V. M. tuyên truyền mở cuộc tổng tấn công tiến về thủ đô. Bây giờ thì Hà-Nội đã yên tịnh và đang quên dần những giờ phút khắc khoải ấy. Hàng sấu hai bên đường Quan-Thánh bắt đầu trổ hoa kết quả, thời tiết ở vào những ngày cuối hè sửa soạn sang thu ; Thạch nhìn những chùm cây xanh nghĩ đến những quả sấu chín vàng gọt vỏ, cắt rời khỏi hột theo vòng tròn ốc ; thời trẻ thơ rồi đã mất sao vẫn còn quay nhìn lại, tôi là kẻ đang đi tới tương lai mù mịt không hình dáng tìm ở quanh mình những dấu mốc vu vơ. Trường Bưởi cũ nơi đồn trú của quân Pháp như ải địa đầu ngăn chia thành phố và ngoại ô. Dãy phố Thụy-Khê gồm toàn những nhà thấp bé phần lớn là các quán rượu bán cho lính Tây,

phía đường tàu nhà lớn hơn và thường ở lui sâu vào trong những khoảng cây cối. Thạch xuống ở trạm gần đình Thụy-Khê, theo cái ngõ lát gạch, hai bên cỏ hoang rồi vào nhà Đồng. Gian nhà cổ rộng, nhà trên thẳng góc với nhà ngang, sân lát gạch tàu với hai con chó vàng vện mập lùn, những chậu cây bể giả không dùng đến, một mảnh vườn trồng rau, một khoảng vườn cây ăn quả, một vũng ao nhỏ lấy nước tưới vườn, nguồn lợi sinh sống của hai mẹ con Đồng cùng với một người bõ già và chú Tư làm vườn. Bà cụ mở rộng hai cánh cửa gỗ, vòm cổng hình tổ tò vò, tay cầm một cây gậy tre xua chó, hai con chó chạy quanh sau lưng bà sủa gẫu, bà ngoài năm mươi tuổi trông vẫn còn tráng kiện, cặp mắt sáng tinh của tuổi con gái vẫn phảng phất sau những nếp nhăn ở xung quanh. Bà vồn vã : « Cậu Thạch, cậu đã về. Trông thầy cậu mạnh khoẻ mà tôi mừng ». Thạch tươi cười bước theo chân bà cụ, xoa đầu làm quen lại với hai con chó ; làm hiệu với mẹ Đồng đừng lên tiếng báo hiệu cho bạn, bà cụ rẽ xuống nhà ngang. Gian nhà cao ráo trống trải, mở hết cả cửa chiều dọc trông xuống sân, Đồng nằm ngủ trên võng mắc vào hai cây cột lớn giữa nhà. Thạch đến đứng trên đầu bạn ngắm bạn ngủ, buổi sáng mát mẻ ở ngoài vườn lùa vào theo các cửa mở toang, nét mặt Đồng thoải mái nhẹ nhõm, nước da hồng hào, bộ râu quai nón mấy ngày không cạo xanh biếc hai bên má. Đồng chợt hỏi : « Ai đó ? » rồi bật mình ngồi dậy, cái võng hơi đu đưa, đứng lên, hai bàn tay ầm áp vỗ lấy vai Thạch lắc lư : « Tôi nhớ cậu quá ». Đồng là người duy nhất mà những cử chỉ thân mật không làm cho Thạch bực mình. Hai đứa chơi thân với nhau từ ngày học lớp năm trường Pierre Pasquier bây giờ đã biến thành trường huấn luyện cảnh sát ở phố Sinh-Từ, lên trung học ở trường Gia-Long phố Julien Blanc nay đã chia thành nhiều gian cho thuê làm nhà ở, một đứa đen như củ tam thất là Thạch, một đứa trắng trẻo công tử là Đồng (Trong cái trò chơi chiến tranh cưỡi ngựa, học trò cõng nhau từng đội một chạy từ xa lại huých nhau vật lộn nhau cho tới khi ngã rơi xuống sân, Thạch làm ngựa cho Đồng cưỡi). Đồng lăng xăng rửa mặt, thay quần áo hớn hở như một đứa trẻ con sắp sửa được đi chơi xa, Thạch ngồi trên võng nói vọng ra sân, Đồng đang lau mình thay áo lót bên bờ tường : « Trông cậu béo ra », Đồng chỉ vào ngực bảo : « Vi trùng đã chán ngực này đang rút lui theo trật tự », nói xong gật gù vẻ hài lòng. Sau đó hai đứa rủ nhau xuống phố, tìm bọn An và Cảnh cho đủ bộ ; cái bộ tư đã kết hợp với nhau từ mấy năm nay tạo thành một xã hội biệt lập. Thạch lại đi giữa bạn bè, chuyện trò bàn cãi bông lông hết vấn đề này sang vấn đề khác trên những hè phố vắng như những ngày dài đằng đẵng trước đây, chia nhau những điếu thuốc lá lẻ đốt dần đợi nắng

trưa lên hay vào sâu trong mệt mỏi khuya vắng từ biệt nhau mỗi đứa một ngã thui thủi. Nhưng bây giờ Thạch thấy mình điểm đạm rửng rưng trong cái thế giới Thạch đã cùng tạo với bạn bè ; sáu tháng xa cách Thạch trở về và không nhập vào nữa, Thạch đã ra ngoài và dù muốn dù không Thạch đang đi vào con đường hoang trước mặt cô đơn, Thạch không vui cũng chẳng buồn. Cái cù lao trôi nổi của bọn đang tan rã dần dần, việc bỏ đi của Thạch là hiện tượng mở đầu. Ngồi duỗi dài trong cái ghề mây dưới gốc cây bên một quán nước ven hồ Gươm, Thạch ngắm nhìn chúng bạn từng đứa một trong lòng bồi hồi, cái cù lao nổi chìm dần giữa giòng nước lũ mỗi đứa sẽ trôi dạt một phương, mai sau nếu còn đối diện nhau chắc nhìn nhau như kẻ lạ. Đồng ngồi nghịch với cái vòi nhựa hút nước, An ngửa mặt nhìn khóm cây, khuôn mặt trắng trẻo thông minh lông mày và lông mi đen mướt, hẳn là con của một ông bác sĩ kiêm chính trị gia, Cảnh khum khum khoanh hai tay chồng lên đùi, dáng điệu lù đù quê kệch, cặp mắt sắc mắc quan sát lại Thạch. Thạch hỏi An : « nghe Đồng nói ông cụ vận động cho cậu đi Pháp phải không ? » An nhếch mép cười, cái cười coi thường, gật đầu đáp : « Tôi từ chối » « Ở nhà làm cái thá gì mới được ? » Thạch đặt câu hỏi và biết An không thể trả lời nổi. Đó là một bài toán trước đây cả bọn vẫn đặt lẫn cho nhau chẳng đứa nào tìm thấy lời giải trừ một câu của Cảnh nhắc lại lời Lénine : bọn tiểu tư sản phải nhận thức biện chứng lịch sử và tự nguyện hy sinh, Thạch lại hỏi tiếp bâng quơ : « Vẫn đền trường đều ». Cảnh hỏi lại Thạch, một cuộc khảo tra hành hạ lẫn nhau : « Còn cậu, cậu tin cậu đang bắt đầu làm một cái gì ? » Thạch lúng túng với mình như trong giấc mộng những ngày đau yếu thấy mình bị lột truồng đẩy đi giong qua phố phường, cố gượng cười đáp : « Tôi, tôi không biết, cũng chẳng cần biết. *Mon avenir est derrière moi* ». Đồng tự nhiên cười rộ lên quay chỉ về phía sau, một cô nữ sinh mặc áo tím vừa đi qua tránh xa bàn bọn con trai bước trên mép bãi cỏ dốc : « *C'est juste. Mon avenir est derrière moi* », Thạch cười phụ họa cảm ơn Đồng đã giải thoát cho hắn khỏi một cuộc rượt bắt mệt nhọc với chính hắn. An tiếp lời : « Dù sao cậu cũng đã có một quyết định. Quyết định là đáng khen rồi » Cảnh thôi không nói nữa, bưng cốc nước chanh lên nhầm nhápp. Màu nước hồ rêu đục, tháp Rùa loang lổ trong ánh nắng đang nản.

Vào buổi trưa trời âm u, Đồng và Thạch về đến nhà thấy có hai đứa cháu gái nhỏ của Đồng đón chú ở cửa, chị dâu của Đồng đưa con về thăm mẹ. Sau bữa cơm, Thạch nằm đợi giấc ngủ trưa trên tầm phản gần cửa sổ trông ra vườn, nghe tiếng thì thào của mẹ và chị Đồng ở dưới bếp. Đứa cháu gái lớn năm tuổi đã ngủ trên võng, đứa nhỏ đang đùa với Đồng. Thạch nhìn về những ngày trắng bệch bệnh sắp tới, không biết phải làm gì cho hết hai tuần lễ ở Hà-Nội,

một ngày đã quá dài quá đủ bởi ngày này vẫn chỉ là sự kéo dài vô tận của những năm đã sống trước đây. Tiếng hát ru của Đồng, Đồng bồng đứa cháu nhỏ trên tay đi qua đi lại trong nhà, Thạch nhắm mắt nghe như Đồng đang ru chính Thạch, những mẩu bài hát cũ lơ lửng, Đồng hát lăng nhăng không đầu đuôi bằng một giọng thầm như khi đọc những bài thơ tình với Thạch, như những mảnh kỷ niệm chập chờn quanh đâu đó, chợt gợi những hình bóng mờ tối thoát ra khỏi quá khứ lẫn vào giấc ngủ của Thạch. Ngủ dậy Đồng rủ Thạch sang hồ Tây tắm, Thạch úp mặt bơi xa bỏ rơi Đồng, nước hồ xanh rêu như màu ngọc bích, gió buổi trưa già thổi mạnh làm cuộn sóng lớn, Đồng quay vào đến bờ Thạch vẫn còn tiền ra ngoài, ánh nắng chấp chới trước mắt, Đồng phải bắc loa tay lúc gọi Thạch trở lại.

Chiều hôm ấy Thạch đón Liên trước ga hàng Cỏ. Hằng ngày Liên theo chuyến tàu Phòng xuống đến Cẩm-Giàng bán hàng chờ chuyến ngược trở về Hà-Nội, bề ngoài Liên buôn những tạp vật như sách vở giấy bút, gương lược, cặp tóc, bàn chải, thuốc đánh răng, dép cao su v. v., bán cho các hàng sén chợ quê làng tề, nhưng thực ra Liên buôn lậu những món như thuốc tây, đá lửa, ét xăng, dầu tây, bút máy đồng hồ... bán ra hậu phương. Đồng hồ trước ga chỉ 6 giờ 17'. Nhà ga thời chiến tranh hiu quạnh, tòa nhà kiến trúc đồ sộ trơ trơ một vẻ lạnh nhạt; chuyến tàu điện cuối cùng từ Kim-Liên vào ngừng lại vài giây, chỉ có một toa đầu máy trơ trọi với hình thù kỳ quặc, cửa lên xuống được xẻ hõm nghiêng góc ở ngay hai đầu mũi toa giống như người bị xỉ ăn xứt hẳn một bên môi. Phía cuối ga ba bốn cái xe ba bánh chở hàng và xe xích lô bỏ chồng bên hè, phu xe quây quanh hàng nước bày trên hành lang trống của nhà ga. Thạch đi vào phòng đợi hạng ba không gặp một người nào, căn phòng cao và rộng, nền tráng si măng nhẵn bừa bộn rác rưởi trong các góc, ghế gỗ dài cứng đóng sát dọc theo tường. Những tấm bảng kê giờ tàu, kê giá tiền, những tấm bản đồ giao thông lớn, tất cả từ trước thời chiến tranh vẫn y nguyên, màu sơn đã phai tróc. Buồng bán vé quây bằng những màng lưới sắt hẹp như những chuồng thú, bên đó một bàn cân lớn nặng nề có bánh xe đẩy. Ngoài sân ga không một hoạt động; những dãy toa đứng im ngoài trời hoặc bên những hàng mái hiên chật chội tức mắt, mấy mõm xưởng chứa đầu máy há đen ngòm; mỗi ngày không kể con đường ngắn Hà-Nội-Văn Điển, xe lửa chỉ có hai chuyến một chuyến xuôi và ngược đường Hà-Nội — Hải-Phòng. Và con đường hơn trăm cây số phải mất từ sáng tới chiều bởi luôn luôn gặp bất trắc vì mìn ở dọc đường. Thạch đợi suốt cả tiếng đồng hồ đi đi lại ở trong tòa nhà chính của ga trông thẳng xuống phố hàng Cỏ đèn đã bật lên sâu hút, cái nhà ga to lớn dường như chết lịm đi trong lặng lẽ.

Khoảng hơn bảy giờ tàu vào ga gây một chút náo động. Khi tiếng còi hú

ở đầu phố cột cờ sân ga hơi chuyển động như trong một cuộc phòng thủ, vài ba nhân viên sở hỏa xa qua lại hấp tấp dưới những ánh đèn chụp mờ. Một bóng người lom khom bé ghi dưới màu trời xẩm tối phía xa, cái đèn bão đưa đẩy giữa những con đường sắt trồng lổn nhổn đá xanh. Đoàn tàu dài nhưng chỉ kéo ba toa hành khách trồng trải ở khúc giữa, những toa đã có từ mấy mươi năm màu sơn nâu đã hoá thành mầu máu đọng, trong toa không đèn lửa, từ đó đổ xuống một đám binh sĩ Pháp áp giải một đám tù binh khoảng chừng ba mươi người. Những bộ mặt câm nín ỏm yếu cùng với quần áo bẩn thỉu tạo nên một đám màu vàng xỉn ; một vài người tù đã từng phải đi vác đạn cho quân viễn chinh còn giữ lại được cái quần dạ màu cứt ngựa, cái mũ rộng vành uốn hai bên bằng một sợi dây buộc của lính « pạc ti dăng ». Đám tù xếp thành hàng đôi bước qua những khoảng đá trải tiền lên « be », khi qua sát mặt Thạch một người trong bọn nói mau rất khẽ : « Cho tôi xin điếu thuốc lá », Thạch dúi gói thuốc dở vào tay kịp nhìn thấy một cặp mắt tái xanh đi qua phòng đợi hạng ba, dồn nhau lên một xe cam nhông bít bùng ngoài cửa ga ; xe rú chạy mau về phía đầu xảo. Liên đi giữa đám hành khách thưa thớt, Thạch trông thấy cặp mắt và nụ cười của Liên trước nhất. Nàng mặc tấm áo dài tím bạc mầu, búi tóc trễ ở một bên vai, cái tay nải nâu không quần gọn ở bàn tay. Liên bảo : « Tôi đến tìm Thạch mà Thạch đã đổi chỗ ở. Nhiều lần muốn gặp mà không biết Thạch ở đâu ». Trước cửa ga, hai đứa đứng lại trên bực thềm vài phút, bên kia góc đường hàng Cỏ trước một quán rượu, bọn Tây say đang hò hét đánh đuổi một anh phu xích lô chạy quanh gốc cây. Liên lại hỏi : « Thạch đã khoẻ hẳn chưa ? Bây giờ Thạch ở đâu. Thạch đáp : « Tôi đi lính », Liên ngạc nhiên chờ Thạch giải thích nhưng Thạch chỉ mỉm cười không nói. Hai đứa đã vượt qua khúc phố hàng Lọng vắng vẻ tới dãy buôn bán đông đúc gần chợ Cửa Nam, ánh đèn các cửa hiệu soi rõ mặt Liên, mệt nhọc, mấy sợi tóc mai xòa xuống trán lấm tấm mồ hôi, Liên đi bên Thạch chậm chạp, hai tay buông xuôi bàn tay dầu vào mép áo. Liên hỏi : « Thạch thôi không học nữa ? Đã nghĩ kỹ chưa ? » giọng của Liên dịu dàng nhưng khẩn thiết bắt Thạch phải trả lời. Làm sao mà nói với Liên được, làm sao Liên hiểu được, những điều phức tạp mâu thuẫn rối nùi trong trí mà nhiều lúc chính tôi cũng phải rức đầu chóng mặt. Thạch đáp : « Nghĩ kỹ rồi ». Không phải tôi nói dối, phải nói là tôi đang nghĩ và tôi sẽ nghĩ mãi mãi vừa bước tới vừa nghĩ, như một người mù vừa đi vừa nghe ngóng, tôi không muốn ngồi yên. Thạch nghe thấy một nỗi đau buốt ở đâu đây, giữa Liên và tôi vẫn còn một khoảng cách biệt lớn lao là cái phần tối tăm ở trong chính tôi không thể phơi mở. Liên cười ở trong mắt, một vẻ tin tưởng thơ ngây, ngày còn bé Thạch cũng thường trông thấy ánh mắt ấy có bóng lửa sáng chập

chờn những khi Thạch sang bếp xem Liên thổi cơm. Liên tin Thạch không bao giờ nói dối Liên, không bao giờ dầu diếm Liên bất cứ điều gì từ những đau buồn nhỏ nhặt đến những vui sướng tầm thường như ngày thơ dại. Hai đứa lớn dần là hai chị em, hai người bạn, hai người tình trong một nỗi cô đơn che chở chúng chồng với những bất hạnh vô phúc ở quanh chúng, nhưng chiến tranh loạn lạc đã cắt đứt liên lạc chúng, gặp lại nhau Liên đã lấy chồng.

Khu cửa Nam ồn ào hơn. Phía dưới cổng xe lửa là phố Sinh Từ bụi bậm hay lầy lội, giữa khu phố bình dân ấy vẫn còn nguyên hai căn nhà giáp vách xưa kia của hai đứa. Trên nóc một hiệu chữa đồng hồ có bắc một loa phóng thanh đang loan truyền tin tức chiến sự. Rạp Kinh Đô chiếu một phim chiến tranh, trước cửa phòng bán vé chen chúc khán giả. Liên phát biểu ý kiến : « Mấy năm chạy loạn người ta vẫn chưa chán mà còn thích xem truyện chiến tranh, Thạch nhỉ », Thạch nói đùa : « Xem cho nó quen để đỡ sợ », Liên đã vui hơn, lắc đầu : « Tôi chịu không thể nào quen được » Hai đứa bỏ phố hàng Bông nhộn nhịp buổi tối, rẽ vào Đường Thành vắng để lên hàng Buồm ăn cơm tám giờ chả. Đi trên lề đường đất bên cầu đá xe hỏa qua những vòm cống đục tối, bỗng Liên nói : « Thạch còn nhớ ngày nhỏ Thạch hay nhào lộn làm xiếc cho tôi xem không ? Năm ấy Thạch mới có sáu bảy tuổi gì đó. Lớn hơn một chút Thạch lại ao ước trở thành nhạc sĩ để đánh đàn cho tôi nghe. Chóng quá phải không Thạch ? » Thạch không sao nhớ nổi những điều ấy, chăm chú nhìn Liên, ở Liên chắc hẳn còn giữ được biết bao kỹ niệm mà ngày nay Thạch đã bỏ quên, « Thạch bây giờ trông có vẻ lại già dặn hơn cả tôi nữa ». Thạch cười hỏi : « Đáng mừng hay đáng buồn ? » Liên đáp : « Còn tùy ». Trong hiệu ăn, Liên ăn rất ít, nàng chỉ lo săn sóc tới Thạch, dưới ánh sáng sỗ sàng về mặt Liên già nua tẻ lạnh, nàng nhìn Thạch ăn và mỗi khi bắt gặp mắt Thạch nàng mỉm cười. Ở hiệu ăn ra hơn chín giờ. Thạch đưa Liên đi mua hàng loanh quanh mấy phố hàng Cân, hàng Bồ, hàng thuốc Bắc, hàng Vải thâm ; phố xá vắng dần, trời xe lạnh đổi gió, lúc trở lại hàng ngang các cửa hiệu đều đóng cửa, hai đứa đi bên nhau dưới đường vắng. Chính trong những lúc này Liên đã kể cho Thạch nghe mấy năm trước khi mới tái ngộ về tình cảnh gia đình của nàng ; Tích, chồng nàng, thất nghiệp, chơi bời hư hỏng sinh ra nghiện hút, thường về đánh đập khảo tiền nàng. Thạch hỏi : « Tích dạo này thế nào ? » « Hỏng lắm rồi. Bây giờ lại làm chỉ điếm cho phòng nhì, mới tuần trước hắn bắt một người hàng xóm để làm tiền, tôi xấu hổ quá Thạch ạ. Tôi tính thuê nhà ở riêng ». Thạch không dám nhìn Liên, ngửng mặt như nghe ngóng hướng gió : « Tôi nợ Liên cả thảy là bao nhiêu ? » Không thấy Liên trả lời, Thạch thu hết can đảm nói khẽ : « Tôi đưa tiền cho Liên được không ? Bây giờ tôi đã đi làm có tiền không nghèo như trước nữa ? Cười

YẾN VÀNG

Tôi về hoang đảo
quê hương yến vàng
nước biếc chứa chan
lưng trời soi bóng
buổi chiều chín mọng
gió ru thì thầm
ghềnh đá vọng âm
người yêu nhắn gọi

oOo

Mùa xuân hoang đảo
trải đầy rong rêu
trời xanh che lều
yến vàng xây tổ

oOo

Mùa hè hoang đảo
cồn cát bơ-vơ
trưa lặng như tờ
yến vàng lên tiếng

oOo

Mùa thu hoang đảo
sóng bủa mặt ghềnh
mây trời lênh-đênh
yến vàng bay lượn

oOo

Mùa đông hoang đảo
trắng đục sương mù
nửa đêm trăng lu
yến vàng thao-thức

oOo

Tôi về hoang đảo
quê hương yến vàng
một chiếc thuyền nan
tình yêu nổi sóng
gió gào lạc giọng
mưa lệ xây thành
ba-đào bể xanh
ba-đào mắt xanh
người yêu xuất hiện

. . . . . .

HUY-LỰC

nhạt không được hưởng ứng, nhưng Thạch cũng móc ví lấy phân nửa lương trao vào tay Liên đứng khựng giữa phố, Thạch ấp hai bàn tay mình vào tay Liên, định bảo Liên cầm lấy nhưng chỉ gọi được một tiếng Liên thì nỗi xúc động run rẩy ở bàn tay Liên làm Thạch ngây ngất. Liên thì thào : « Cám ơn Thạch, sau phút xúc động Liên bình tĩnh lại, nàng bàn với Thạch những dự tính của riêng nàng : » Giữa tôi với Tích không còn gì ràng buộc nữa, thằng Uẩn chết rồi. Thạch chưa biết nhỉ ? Thằng bé bị bệnh thương hàn tái phát, đưa tiền cho hắn đi mua thuốc về cho thằng bé uống, cơn nghiện lên hắn đi hút rồi đi biết mấy hôm. Thằng bé chết, chôn cất xong mới thấy hắn về nhà, hắn không khóc lấy một giọt nước mắt ». Trong khi Liên vào một hiệu thuốc tây ở đầu hàng ngang, Thạch đứng đợi dưới gốc cột đèn đầu hè, hàng phố không một bóng người. Cửa hiệu thuốc Liên vào cũng đóng kín mít làm bằng thứ gỗ dầy chắc. Thình thoảng mới thấy một xe tuần cảnh chạy chậm, náy rì rầm. Đêm càng khuya càng biệt tích, Thạch nghĩ mayra Liên sẽ sung sướng hơn trước. Lúc Liên trở ra Thạch nói ngay : «Tôi đã tưởng mất Liên rồi », Liên đáp âu yếm : « Thạch đợi lâu quá phải không ? » Tay nải của Liên nặng chĩu Thạch phải mang hộ nàng. Hai đứa đi ngược về phía Hồ Gươm, sương bắt đầu xuống. Liên hỏi : « Muốn gặp Thạch thì tìm ở đâu ? », Thạch nghĩ ngợi giây lâu trả lời : « Mai tôi tới ga

đón Liên». Liên nhắc lại: « Mai hở Thạch? Thạch còn ở Hà-Nội lâu không?» «Nửa tháng». Góc hàng Đào và Hàng Gai, chiếc xích lô quen chờ Liên. Thạch thong thả tiếp tục đi bộ một mình qua các phố đêm Hà-Nội quen thuộc như đi trong một gian nhà rộng.

(còn tiếp)

THANH-TÂM-TUYỀN

ĐÃ PHÁT HÀNH

BA SINH HƯƠNG LỬA

Truyện dài của Doãn-Quốc-Sỹ

Sách dày trên bốn trăm trang. Hai phụ bản của Duy-Thanh và Ngọc-Dũng. Ngoài những bản thường có in thêm hai trăm bản đặc biệt loại A 200 đồng, loại B 150 đồng. Độc giả yêu sách quý xin viết thư kèm theo ngân phiếu hoặc trực tiếp theo địa chỉ sau :

DOÃN-QUỐC-SỸ 338168-B Thành-Thái Cholon

ĐÃ PHÁT HÀNH :

NHỮNG VIÊN SỎI

của **TẠ-TỴ** *do Nam-Chi tùng-thư xuất bản*

● Hiếu-Chân đề tựa — Bìa bốn màu, do tác giả tự trình bày.

● Gồm 13 truyện ngắn, chọn lọc trong số những truyện ưng ý nhất của tác giả đã đăng rải rác trong các tạp chí văn nghệ từ mười năm nay.

NHỮNG VIÊN SỎI

là một quyển truyện cần có trong mọi tủ sách gia đình.

GIÁ 65$00

Tình ca mùa thu

NGUIỄN-NHO-SA-MẠC

Anh chỗi dậy với hồn thơ bé bỏng
nhớ thương em từng giọt nhỏ vào hồn
những con đường viên đá đỏ hoàng hôn
cũng nức nở dưới chân chàng du mục
linh hồn anh đầu thai làm thảo mộc
đứng gục đầu sau lớp lớp chân đi
phồ rêu hoang mùa thu đến thầm thì
trong hiên vắng em cúi đầu chải tóc
rừng nơi đây những chiều lên cô độc.
anh bước đi qua bản vắng im lìm
lá rừng khô rách nát dưới chân im
đôi mắt ầy hướng xưa thành phồ cũ

mùa thu, mùa thu cúi đầu đi ngủ
trăng bệnh vàng ngơ ngác giữa không gian
anh trở về nồi kiếp sống đi hoang
qua thành phồ có em chiều thứ bảy
thu nơi em nắng về trưa bỏng cháy
bờ sông xanh tình ôm lấy vòng tay
đôi mắt em xô đuổi cuộc đời này...
thu chạy trốn và tình anh tan vỡ

vào thu, vào thu đêm dài nằm nhớ
rừng hoang, rừng hoang di động gót chân
con thú rừng còn đứng ngó bâng khuâng.
mắt níu gọi bước chân người du mục
nghe em, nghe em những thi hài ẩm mục
của mùa thu còn đọng dưới chân anh....
anh trở về hóa kiếp rong xanh....
và chỗi dậy với hồn thơ bé bỏng.

N. N. S. M. 1962
(vĩnh-điện)

huy trâm *thơ*

● Về đây

Tặng Văn-Thế-Bảo

Đã không hồng đẹp cuộc đời
Về nghe sầu tỏa đất trời mênh mông
Chiều trông mây nổi bềnh bồng
Phù du thả mộng theo dòng xa xa
Nửa trời sương khói bao la
Vùng thiên nhiên vẫn mình ta giữa đời
Mở lòng để bóng trăng soi
Phồn hoa bụi rũ, còn ngùi dư âm
Sông hồ chìm nổi bao năm
Còn đây dòng nhạc thăng trầm dễ xưa
Dưới chân cỏ sắc vi-vu
Về đây hòa với hư vô hỡi người !

1962

● Thôi biết bao giờ ?

Em ở kinh thành nghe gió lên
Nơi đây vàng úa bóng trăng đêm
Chinh yên gió gọi niềm cô-tịch
Mưa lạnh hồn thơ hắt mái hiên.

***

Mộng cũng tàn theo đèn nửa ngọn
Sương khuya mờ trắng cả dòng thơ
Đời như thác đổ, tình phiêu lãng
Lòng ở bên trời, thương cố đô.

***

Sầu đã theo em về xứ xa
Mênh mông câu hát dưới trăng mờ
Ta chưa đốt lửa tìm quê mẹ
Nghĩ thẹn ngàn năm với giấc xưa

***

Em khóc đời trôi buồn vĩnh cửu
Thuyền ta sóng vỗ giạt ngày xanh
Hai phương cách trở sông cùng núi
Thôi biết bao giờ thấy nắng hanh ?

H. T.
9/61

Cầu đất • Giọng cô đơn • Thảo cầm

I

lũng xa nương với dốc đài
đôi đường tàu dẫn một vài chuyến qua

chiều buông khói tỏa mái nhà
nương khoai thôn ổ ngựa già một con

đi về xe bánh chuyển dồn
hằn in dấu vết phiến hồn lãng du

sương pha mép núi những mù
mưa bay thầm lạnh kẻ chờ đợi đêm

II

sầu khuya lên chín đêm già
giọng còn đơn chiếc những là thương đau

môi rem tay khẽ nâng cao
hồn mơ đắm loạn giữa màu đèn hoa

tiếng đàn dìu tiếng em ca
nghe hoang mang tự nghìn xa xưa nào

dáng gầy nhường tợ chiêm bao
nét buồn xuân nữ in vào mi xanh

hát đi em khúc ca mình
ngày mai tàn sắc phai tình lãng quên.

III

gió lên cánh gió đổi chiều
cây cao ôm nặng bao nhiêu lá sầu

ngủ thôi em ngủ đi mau
tròn vui môi đỏ lịm vào mắt xanh

mùa đông lũ én bay nhanh
ngón tay buồn cũ trên cành bỏ rơi

biển xa sóng gọi nhau rời
mình em ở lại mộng đời phồn hoa.

N. C.
(tuổi đời 1962)

QUAN NIỆM HỘI HỌA

do NGUIỄN-NGU-Í phụ trách

XI

Văn-Ba

★ VĂN-BA.

Họ Nguyễn.

Sanh ngày 6-1-1915 tại Sa-Đéc (Nam-Việt).

Tự học vẽ.

Rồi nhờ vài bực đàn anh chỉ giáo và trường Universelle *dẫn dắt.*

Năm 37 tuổi, học dự thính trường Cao đẳng Mĩ thuật quốc gia (Gia-Định), và thụ giáo họa sư Lê-Văn-Đệ.

Triển lãm chung ở phòng Triển lãm Đô-thành (1958)
Pháp văn đồng minh hội (1959).

Được giải thưởng trong cuộc triển lãm quốc tế ở Mã-Lai.

Tranh « Ánh nắng hè » *và tranh* « Nắng xuân » *được chọn đăng lịch Stanvac năm 1960 và năm 1961.*

Triển lãm riêng ở phòng Triển lãm Đô thành (21 đến 30-VIII-62).

Chủ trương xưởng vẽ « Thiên-Nhiên » ở Sài-Gòn.

Bến xe ô tô buít trước xưởng anh ồn ào bao nhiêu thì cảnh trong xưởng vẽ của anh cũng bề bộn bấy nhiêu. Vì chỗ ở đã hẹp mà cũng vì anh mới đem tranh ở phòng triển lãm về.

Sau một cuộc triển lãm nào, họa sĩ cũng đều mệt mỏi. Nhưng với anh, có lẽ sự mệt mỏi còn hơn các bạn đồng nghề vì công việc thường xuyên ở cái xưởng vẽ trang trí và quảng cáo có cái tên là «Thiên-Nhiên» ấy không cho anh được phép nghỉ ngơi. Nhưng anh vẫn ân cần vui vẻ tiếp đón người sắp làm anh mệt thêm.

— Không được may mắn như nhiều bạn khác, vì hàn vi học ít, cho nên những kiến thức về hội họa, tôi không được thâu thập trên ghế nhà trường, mà chỉ học đòi của các bậc đàn anh tốt bụng và một trường hàm thụ ở Pháp. Cho nên với tôi, Nghệ thuật đồng nghĩa với sự cố gắng

Luật đào thải

không ngừng, sự học hỏi không thôi, sự tìm tòi mãi mãi.

« Tôi xin giới thiệu vài bức tranh tương đối tôi ưng ý nhất. Tôi ưng ý chúng, không phải vì kĩ thuật, mà chính vì ý nghĩa mà tôi đã thiết tha gởi gấm vào chúng.

« Với bức « *Hun đúc* » tôi trình bày cảnh mệt nhọc của người và vật trong một lò rèn.

— Nghĩa là anh mượn cảnh thông thường này để nói lên cái ý : muốn thành một dụng cụ có ích cho người thì cục sắt kia phải chịu lửa đốt, và cảnh trên đe dưới búa ?

Mặt thường đăm chiêu của anh dường như thoáng một ánh vui. Anh chỉ một bức tĩnh vật ở kề.

— Anh thấy đây chứ ? Qua thân hình mơn mởn khoe hương khoe sắc, có thấy đâu dưới chân bình, mớ hoa tàn tạ .mới hôm nào cũng mơn mởn như ai. Kiếp hoa với kiếp người nào khác.

— A ! còn bức này : Phật Thích-Ca và Chúa Giêsu, hẳn anh muốn hai tôn giáo lớn này bắt tay nhau ?

— Tôi muốn diễn tả một ý gần như thế. Khi vẽ bức « *Đồng tôn chỉ* » này, tôi muốn nói lên đạo Phật và đạo Cơ - Đốc dầu cho có lắm điểm khác nhau, vẫn nhắm một đích cao là sự Yên Vui của nhân loại và cùng đi trên con đường thương mến lẫn nhau.

— Thế còn bức « *Luật đào thải* » này ?

— Người thanh niên mạnh mẽ này là tượng trưng cho sức mạnh của bắp thịt ; còn lão trượng này là hình ảnh của sự mưu toan khôn khéo. Nhưng cả hai đều đem sức mạnh ấy để phụng sự cái gì không đẹp mấy, họ đã gieo gió thì giờ là lúc họ phải gặt bão. Luật của Tạo hóa không thiên vị một ai.

Chúng tôi trở lại bàn giấy, và anh lần lượt trả lời những điều tôi muốn biết.

— Hội họa nước mình, tôi thấy đường lối nào cũng có, từ lối thật cổ đến lối thật kim. Có những bạn đã thành công vững chắc và ung dung đi trên con đường của mình ; cũng có lắm bạn còn hoang

mang trên ngã ba đường, tự hỏi mình nên đi theo con đường mình thích hay là nên đuổi theo xu hướng một thời của khách mua tranh ?

« Riêng tôi nghĩ rằng Nghệ thuật là cái gì phải đi trước, chẳng khác gì những thế hệ tiên phuông đã khai thác miền Nam nầy vậy. Mà đã là lớp người tiên phuông thì không thể ngó mãi lên trời mà đi mà phải nhìn gần gần phía trước mặt. Cho nên Nghệ thuật không thể đi xa cuộc sống quá, mặc dầu nó vốn rộng rãi mênh mông như trời biển vậy. Và một tác phẩm Nghệ thuật dầu phần kĩ-thuật có đạt đến đâu mà người xem không hiểu gì ráo, mà người thưởng thức không thấy rung động chút nào, thì có thể gọi là thành công chăng ? Có khác nào một ả giang-hồ khéo điểm trang và nhiều mánh khoé, nhưng tâm hồn là một số không.

« Cho nên tôi không quan tâm đến phái tân hay phái cổ, phái hữu hình hay phái vô hình, mà tôi chỉ chú ý đến thái độ của thường nhân khi đứng trước một họa phẩm.

« Người ta thường nói Hội họa là một ngôn ngữ quốc tế, một ngôn ngữ không nói ra lời. Thì nếu người xem tranh rán hết sức mình mà không hiểu được, thì đáng buồn cho người phụng sự Nghệ thuật biết bao.

Hun đúc

« Tôi vẫn cho Nghệ thuật không phải là một cái gì cao sang hay cao xa quá mà nó nên giản-dị như đất đai, như không khí. Vì thế mà tôi khó lòng chấp nhận những cái lối cố tình làm khác thói thường để lôi cuốn người xem, như những đường nét ngoằn ngoèo trên mặt gỗ mun, như miếng giẻ chùi dầu máy v. v..., tôi cho đó là những trò tiểu xảo chứ chẳng phải là Nghệ thuật.

« Người họa sĩ theo tôi phải dám « *mình là mình* », chớ không bắt chước ai, dầu ai đó danh tiếng như cồn, dầu ai đó tranh bán chạy như tôm tươi.

« Cho nên dân tộc tính đối với tôi là điều rất cần. Rất cần vì tranh tôi vẽ phải được đồng bào của tôi hiểu và rung động. Cái tính cách quốc tế, tôi để nó vào hàng nhì.

« Còn về triển vọng Hội họa nước nhà thì tôi thấy dạo sau này có nhiều bằng

chứng là phòng triển lãm Đô thành hết họa sĩ này trình bày đến họa sĩ kia triển lãm, và một người ở ngoài giới chúng tôi như ông Đoàn-Thêm mà cũng bỏ công để « *Tìm hiểu Hội họa* » thì quả là những dấu hiệu đáng mừng ».

Và có lẽ để chào mừng những dấu hiệu đầy hứa hẹn ấy mà không nói không rằng, hai chúng tôi cùng một lượt cạn hai li nước mía... thiên nhiên.

NGUIỄN-NGU-Í *viết lại*

Tố-Oanh
(trong mắt họa sĩ Minh-Hoàng)

✶ TỐ-OANH.

Tên đầy đủ : Đỗ-Thị-Tố-Oanh.

Sanh ngày 26-11-1937 tại xã Bình - Hòa, tỉnh Gia-Định (Nam-Việt).

Học ở trường Mĩ nghệ Thực hành 3 năm (1952-55), rồi trường Cao đẳng Mĩ thuật quốc gia (1955-1959).

Đã dự triển lãm chung do Nghiệp đoàn Hội họa Việt - Nam tổ chức (1959) và tranh « Hai chị em » *được bộ Quốc gia Giáo dục mua gởi dự cuộc Triển lãm tranh Á-Châu ở Kuala-Lampur (Mã-Lai).*

Dự triển lãm chung do hội Văn hóa Việt-Nam tổ chức (1960).

Dự triển lãm Hội họa mùa Xuân canh tí (1960) và tranh « Dịu dàng » *được Tưởng lệ danh dự.*

Tranh « Điểm trang » *được chọn gởi triển lãm bên Mĩ nhân ngày Quốc khánh Việt-Nam (1960).*

Dự Triển ngày Quốc khánh do nha Mĩ thuật học vụ tổ chức, năm 1960, 1961.

Giáo sư Hội họa nữ Trung học Trưng-Vương.

Vừa được học bổng Usom sang Mĩ học về « Trang trí Gia đình ».

Người nữ giáo sư trẻ tuổi của trường Trưng-Vương này được nghỉ dạy từ mấy tháng nay, nhưng lại mệt vì ít thì giờ hơn lúc nào hết : chị phải học thêm tiếng Mĩ theo một chương trình cấp tốc và lo liệu mọi thứ để sang Hoa-Kì học ngành «Trang trí Gia-đình». Chỉ có thể gặp chị và chuyện trò lâu sau buổi cơm tối của

Tình mẫu tử

vài ngày trong tuần, nên tôi cũng phải thảo một... chương trình phỏng vấn chị một cách cấp tốc.

May mà tôi có quen chị từ trước, và chị tánh vốn mau mắn và cởi mở, nên sau một ngụm nước cam vàng là chủ khách đi sâu vào vấn đề.

— Sao chị lại chọn ngành « *Trang trí Gia-đình* » để học trong chuyến xuất ngoại đầu tiên này, mà không chọn ngành gì khác, gần với Hội họa hơn ?

Chị mỉm cười.

— Trước hết, xin nói với anh là việc chọn ngành học chẳng phải tôi được toàn quyền. Được biết USOM cấp học bổng, thấy mình đủ điều kiện, tôi làm đơn xin rồi thi, được chấm đậu, rồi phải học bù đầu như anh biết.

— Nhưng mà chị có thích ngành «*Trang trí Gia-đình*» ấy không ?

— Cũng thích, anh à. Nếu tôi nhớ không lầm thì bên phụ nữ chúng tôi chưa có ai đi học ngành này. Vả lại...

Chị ngưng nói, nhưng nhìn ánh mắt chị vừa vui vui vừa hơi e thẹn, tôi đoán ra câu chị để lửng lơ, và tự trách mình đã hỏi một cấu có vẻ ngu ngơ : người phụ nữ nào mới lập gia-đình mà không thích điểm tô cái tổ ấm của mình, nhất là khi phụ nữ ấy lại là một nghệ sĩ.

— «Trang trí Gia-đình» chắc là nhiều mặt lắm, nhưng chị biết chị sẽ chuyên về mặt nào không ?

— Tôi sẽ chuyên về vẽ kiểu áo và tìm những mẫu hàng để dệt.

— Thế thì hợp cả với người phụ nữ và người nghệ sĩ : công việc đã thiết thực mà lại là công việc sáng tác. À, nói sáng tác tôi mới nhớ một câu định hỏi chị sau cùng, giờ thì tiện dịp hỏi chị ngay.

Gương mặt thanh tú và đôi mắt có ít quầng đen của người đối diện có thoáng ít nhiều lo ngại.

— Chẳng có gì rắc rối đâu, chị. Tôi muốn biết vì sao chị chuyên vẽ trên lụa.

Chị tươi cười, nhẹ nhõm, và đứng dậy lật một bức tranh úp vào tường gần đấy.

— Đây là bức tranh tôi thích nhất. Anh thấy đó, đề tài tranh này cũng như các tranh tôi đã vẽ và đang nghĩ, chẳng có gì là đặc biệt. Chúng rất gần với tình cảm con người. Gia đình và Học đường, tôi cho là đủ để tôi kiếm tìm, khai thác. Đó là tôi nói bây giờ. Còn ngày mai, tôi có giã từ chất lụa óng ả, tôi có say mê đề tài nào khác, đó là việc của ngày mai. Còn giờ tôi thấy chẳng cần tìm tòi chi xa. Vả lại, tôi chuộng cái đẹp Tự nhiên, cái đẹp Trời ban cho.

« Mẹ con quấn quít bên nhau, hai chị em chong đèn học, hai người bạn chải tóc cho nhau..., ai bảo rằng cảnh này không chứa cái đẹp ? Và biển trong cơn dông tố hay núi vòi vọi vượt mây, đành rằng có cái đẹp cái hùng của nó, song ai lại chối cãi suối tóc dài của một người con gái đang độ giao mùa ở trong một khung cảnh dịu dàng nào đó lại chẳng đẹp bằng non cao biển thẳm ?

« Bản tính tôi vốn... nữ nhi, thích cái gì nhè nhẹ, êm êm, nên chất lụa, lối vẽ trên lụa, được tôi thích ngay từ khi học vẽ. Và khi tôi xúc động vì một khung cảnh, vì một tình cảm nào, là tôi căng lụa, bôi màu.

« Tôi sáng tác một bức tranh vì hứng thú riêng. Từ nhỏ và cho đến giờ phút này — tôi yêu những gì nhẹ nhàng, những gì mong manh, nhẹ nhàng mong manh như những giấc mơ... »

Tôi cười :

— Người ta thì mơ trong... mộng, còn chị lại muốn đem mộng vào đời.

Dịu dàng

Mong chị không quá thất vọng như những ai ai...

Chị mỉm cười.

Một phút trôi qua, tôi mới hỏi tiếp :

— Vẽ một bức tranh lụa, có lâu không chị ?

— Nói chung thì vẽ tranh lụa lâu hơn sơn dầu. Phần tôi, ít nhất là hai mươi ngày mới xong một bức tranh. Lắm khi tôi bất chợt mình tự hỏi sao mình không vẽ một bức tranh lụa trong một hay hai tiếng đồng hồ như vẽ tranh dầu vậy. Song không làm thế được. Bởi chất lụa, lối vẽ trên lụa... đòi hỏi lắm tỉ mỉ, nhiều công phu, vả lại tôi thấy mình không có can đảm làm một công trình mình biết rồi

sẽ « thiếu tất cả », sẽ « không nói hết » những gì mình muốn nói,

Nói bằng một thứ ngôn ngữ thầm lặng?

— Anh nói đúng. Và bởi mình đã sử dụng thứ tiếng nói không lời ấy, nên mình không dám — không dám mà cũng không nỡ — phụ nó.

— Tranh lụa có từ lâu, và đường lối của nó cũng thế. Chẳng hay chị có theo một đường lối nào của ai không ?

Một ít kiêu hãnh hiện ở khóe mắt cười và ở bàn tay vuốt lại lọn tóc xòa ở trán.

— Tôi không theo đường lối vẽ lụa của một ai cả, tôi chỉ có học kĩ thuật mà thôi. Tôi thấy đi theo ai lúc mình đã trưởng thành, là tỏ mình có tinh thần nô lệ. Mà như anh biết, không gì kị với Nghệ thuật bằng sự nô lệ.

— Chuyên tranh lụa, nhưng chị cũng vẽ tranh dầu chớ ?

— Tôi cũng có vẽ sơn dầu.

— Vẽ sơn dầu chị theo...

— Tôi chuộng lối Ấn tượng. Vì tôi cảm thấy lối này gần với tâm hồn tôi hơn các lối khác, và tôi vẽ sơn dầu thì lại rất bạo.

— Nhưng đề tài, chị tìm có lâu không ?

— Không lâu, anh à. Vì như tôi đã nói với anh hồi nãy, tôi chẳng cần tìm đâu xa, nhưng thực hiện thì lâu.

— Chị có thể cho biết trong tranh của chị, phần nào là phần tưởng tượng, phần nào là sự thật.

— Có khi ý gợi đề tài, tôi tìm người, tìm bối cảnh. Có khi người gợi đề tài, tôi tưởng tượng khung cảnh. Có khi cảnh gợi hứng, tôi tìm người làm mẫu. Anh thấy đó, không thể nào trả lời dứt khoát câu anh hỏi.

— Nhưng về người, có khi nào chị tưởng tượng ra không ?

— Cái đó thì không. Cần có người mẫu, để vẽ cho cân đối, cho sống động.

— Nhưng gương mặt, chị cũng đôi khi làm cho đẹp hơn hay làm cho xấu thêm để... hợp với đề tài.

— Cái này thì có. Có lúc tôi vẽ mặt khác hẳn, chỉ mượn ở người mẫu cái thân hình và dáng điệu.

— Chị có thích lối vẽ của các môn phái mới, như Lập thể, Siêu thực... không ?

— Thích thì có thích, nhưng mà thấy không hợp với mình. Nhiều phen đứng trước những bức tranh của các họa sĩ mới, tôi cảm thấy đẹp đó, nhưng thú thật với anh, tôi không hiểu gì cả. Làm tôi tự hỏi : hay là vì tình cảm của mình chỉ quanh đi quẩn lại trong gia đình và ở học đường ?

« Tiện đây, tôi xin trả lời hai câu hỏi đầu trong thư phỏng vấn của anh. Theo ý riêng tôi, thì họa sĩ nước nhà hiện chịu ảnh hưởng rất nhiều các môn phái cận đại của châu Âu. Tôi cho đó là một điều rất hay, bởi nó chứng tỏ họa sĩ Việt ta cầu tiến, không tự mãn trong những cái khuôn mình có sẵn.

« Phần tôi, khi thấy mình có ý muốn theo một đường lối nào thì lại e ngại. Vì tôi xét thấy các môn phái nào cũng có cái đẹp riêng của nó, mà khi nào mình nhận rằng chỉ có một môn phái nào đó « cảm » mình sâu xa nhất, thì mình mới ngả theo môn phái ấy. Chớ còn hiện

Đèn khuya

giờ, tôi không theo một đường lối nào cả, nên anh hỏi đã có một đường lối riêng biệt gì, thì quả là tôi chưa có.

«Còn về dân tộc tính trong Hội họa, tôi rất đồng ý với những ai cho rằng cần có.

« Tôi xin đem cử một thí dụ : các bạn tôi xem phim Nhật, gặp phim dàn cảnh, diễn xuất theo lối thuần túy Nhật, thì nức nở khen hay, nhưng xem một phim, cũng của Nhật, đóng theo lối Âu-Mĩ, thì chán nản, kêu dở liền miệng. Tại sao thế ? Hẳn anh đà biết rõ.

« Họa sĩ Việt ta khi đã có một căn bản vững chắc thì khi vẽ theo lối Âu-Mĩ đi nữa, người xem tranh vẫn thấy trong họa phẩm phảng phất một cái gì của châu Á chúng ta ; tuy nhiên, cái gì riêng biệt phảng phất đó không phải họa sĩ cố tình tạo ra, mà nó như tiềm tàng tự thuở nào trong người Họa sĩ rồi xuất hiện trên đường nét trên màu sắc lúc nào chính người vẽ cũng không hay.

« Đối với tôi, không gì thất vọng cho bằng khi đứng ngắm tranh họa sĩ nước mình vẽ, mà có cảm tưởng tác giả chúng là người Âu người Mĩ gì đây, và giữa chúng và mình, không có chút gì dính dáng ».

Tôi chợt nhớ đến người giáo sư dạy vẽ.

— Ra trường, rồi đi dạy họa, chị thấy có thiệt thòi gì cho Nghệ thuật không ?

— Đời sống chừng mực, gò bó của một nhà mô phạm có ảnh hưởng không hay cho Nghệ thuật, song phần lớn vẫn do nơi mình. Một khi mình quyết đeo đuổi cho đến cùng con đường mình chọn, thì nghề nghiệp hay hoàn cảnh chỉ chi phối một phần nào đó thôi.

— Dạy vẽ ở một trường nữ trung học, chị có nhận xét gì chăng ?

— Các em gái rất thích về trang trí. Tôi cố tình phổ biến cách dùng màu cho các em, để rồi sau các em áp dụng khi làm chủ một gia đình. Chọn màu áo, mua vật dụng, trang hoàng một căn phòng, uốn một kiểu tóc..., tôi cho các em thấy Hội họa chẳng phải là một thứ xa xỉ phẩm mà có ích cho đời sống hằng ngày, nhất là phụ nữ.

« Lúc đầu, các em không thích môn Vẽ mấy. Nhưng rồi tôi cố gắng dạy cho

linh động, đem việc đời vào việc dạy Vẽ, đánh vào thị hiếu muốn làm đẹp — làm đẹp cho gương mặt, làm đẹp cho quần áo, cho nhà cửa... — khiến các em có ý thức rằng : cái đẹp vốn thiên hình vạn trạng, và với chú ý, với khéo léo, mình có thể tô điểm đời mình với những gì mình có sẵn.

« Cho nên tôi mong bộ Quốc gia Giáo dục sẽ tăng giờ môn Hội họa ».

— Chị vẽ thì lấy đề tài ở gia đình và học đường. Tôi phỏng vấn chị ở học đường xong, nay xin quay về gia đình vậy. Chị có thấy đời sống gia đình — tôi muốn nói tiểu gia đình — có làm thiệt thòi cho Nghệ thuật không ?

Chị cười nhè nhẹ.

— Bao giờ được cái này mà không mất cái kia chút ít. Nhưng cái gì cũng do mình trước đã. Phần tôi, thì vì biết nhà tôi từ sáu năm nay, cùng học một trường, nên cuộc sống lứa đôi lại có lợi cho tôi. Ảnh khuyến khích tôi nhiều. Có lúc làm biếng không muốn cầm đến cọ, nhưng thấy ảnh làm việc đều đều, tôi cũng siêng lây, rồi cũng vẽ. Cũng có khi bàn cãi về kĩ thuật, nhưng ảnh chỉ góp ý, chứ không hề ép tôi phải làm theo ý ảnh. À, anh hỏi việc chọn lựa bạn đời. Tôi cũng như chị Thịnh. Mình tìm người ý hợp tâm đầu, chớ khôug nghĩ rằng người đó phải phụng sự Nghệ thuật như mình.

— Xin hỏi chị câu chót. Chị du học thế, anh có... vui không ?

Chị cười, hướng về anh đang chăm chú vẽ.

— Chính ảnh khuyên tôi nên đi. Và ảnh từng đi Nhật học sơn mài, đồ gốm, từng đi Phi-Luật-Tân... nên thấy rõ ích lợi những cuộc đi ra ngoài nước. Có phải thế, không anh ?

Anh không trả lời chị, chỉ ngừng tay vẽ, nhìn lại chị, rất dịu dàng.

NGUIỄN-NGU-Í *viết lại*

*

✶ NGUYỄN-TRUNG.

Sanh ngày 20-9-1940 tại Sóc-Trăng (Nam-Việt)

Huy chương Bạc phòng Triển lãm mùa Xuân canh tí (1960).

Anh Nguiễn-Ngu-Í,

Định mần thinh, sau xét thấy có ích trên phương diện nào đó, nên trả lời như sau, theo thứ tự các câu hỏi của anh :

1) Hội họa ta có những xu hướng nào đáng kể, và tôi theo xu hướng nào ?.— Chưa có xu hướng nào đáng kể. Hội họa chỉ đang manh nha, dưới hai hình thức : có hình và không có hình ; tôi đang theo lối thứ nhất.

2) Dân tộc tính và Quốc tế tính, có trái nghịch nhau không ?.— Không trái

Ngựa

nghịch nhau. Nó chỉ là một, và chỉ là một người ta đã chẽ đôi nó ra. Và vì nên tôi không có bên nào để nghiêng theo.

3) Những công trình tìm kiếm của tôi ?.— Vẽ, bắt được chớ không cố ý tìm kiếm. Do đó, không là những công trình không là những kết quả tìm kiếm trên địa hạt Hội họa. Chỉ là tác phẩm.

4) Họa phẩm tôi ưng ý nhất ?.— Và tác phẩm tôi yêu nhất — mà không đặt vấn đề hợp với đường lối riêng hay không — là *« Chân dung của Anh »*. Yêu là một nguồn hứng chân thành và vĩnh cửu.

5) Ý kiến tôi về tình trạng và triển vọng của ngành Hội họa Việt hiện nay ?

Hiện trạng là sự phôi thai.

Triển vọng là hết thế hệ chúng tôi (những người trên, dưới hai mươi tuổi), Hội họa *sẽ hi vọng* có cuộc sống thực (kịp thời và đầy đủ) với điều kiện là phải cố tránh những hành động vô tình cản trở sự khai sinh của nó (vô ý thức, hủ lậu, kênh kiệu) bằng cách phải yêu cho thật tình, như chính ý nghĩa của cuộc sáng tạo của Thượng Đế, như chính ý nghĩa của tình Yêu đối với người con gái vậy.

NGUYỄN-TRUNG

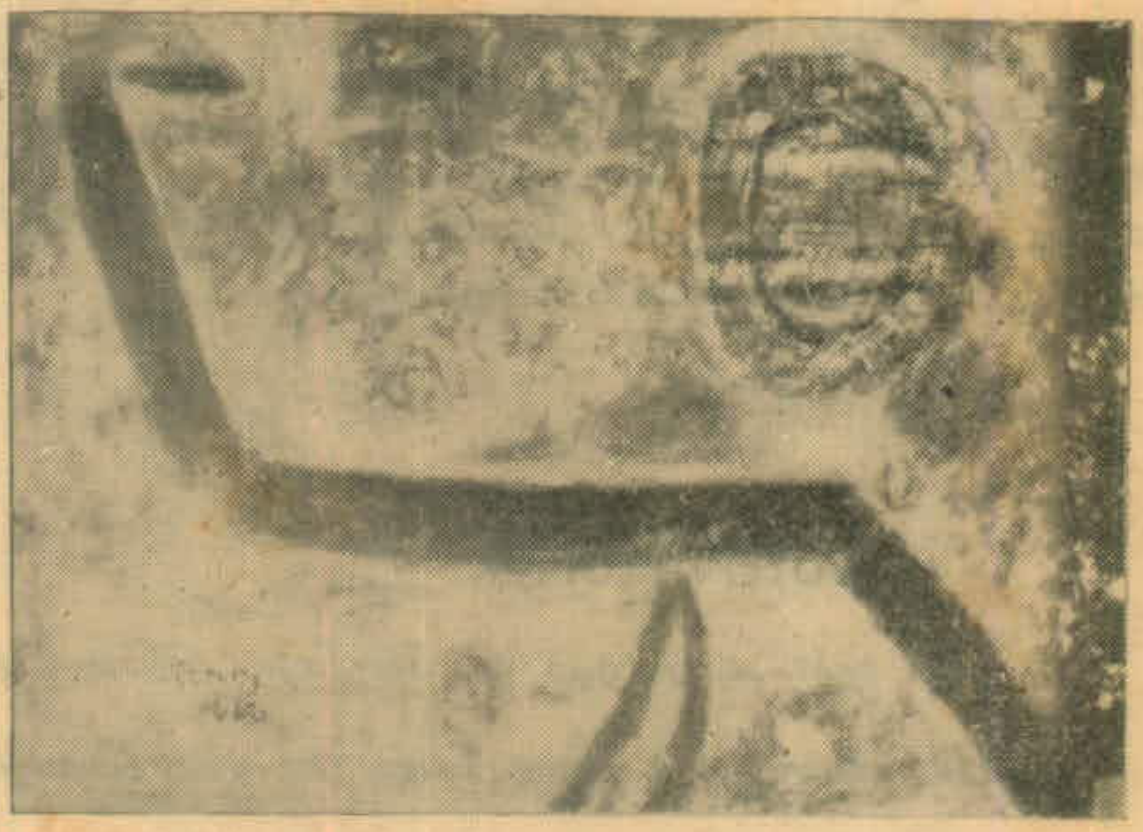

Chim và Trăng

ĐÍNH CHÁNH

Trong bài trả lời cuộc phỏng vấn của họa sĩ Nghiêu-Đề, chú thích dưới hai bức tranh đã bị sắp nhầm : Bức đầu, xin sửa : « Chân dung của Lê » và bức sau, xin sửa : « Người ngồi ».

Xin cáo lỗi cùng bạn đọc và họa-sĩ Nghiêu-Đề.

Giấc ngủ thành phố

HÀ-NGUYÊN-THẠCH

— người đứng lại, khi dòng sông chảy xiết
kỷ-niệm nào hai đứa trót trao nhau
người đứng đó, bên dòng sông xanh biếc
nhìn nỗi buồn trên rong cỏ trôi mau

rồi đêm xuống dòng sông dài cô-độc
gọi tên người bằng tiếng sóng xô nhau
cơn gió lạnh luồn mình qua khoang trống
nghe mạn thuyền nước vỗ lời thương đau

— người quay lại, theo lối về buổi ấy
đường reo vui khi phố vắng lên đèn
tiếng guốc nào khua vang niềm hối-tiếc
nhìn bóng mình còn muốn gọi tên quen ?

nhạc trổi lênh-đênh lùa qua cành lá
bóng tối về ẩn dưới tóc người đi
bờ phố nhỏ nhìn nhau không tiếng nói
ngã tư này, lòng có thấy sầu chia ?

— người bỏ lại dãy đèn khuya rưng khóc
con phố dài tay với dòng sông đen
thôi đừng tiếc những lần qua thuở trước
thành-phố này xin giấc ngủ bình yên !

H. N. T.
(Đà-Nẵng 62)

Sau khi « *Lang thang* » ở các nẻo đường đất nước lúc khói lửa tơi bời và trầm ngâm ở sa mạc Sahara, người phụ nữ nửa chừng xuân ấy lại ngừng chân lại... thời xưa để từ bờ sông Seine sắp gởi về quê hương :

THƯ SINH & TRƯƠNG CHI

Một tập kịch thơ chan chứa *tình* và *TÌNH*

Một tác phẩm mới của nhà xuất bản « PHÙ-SA »

Buổi chiều lá rụng

của **NGỌC-LINH**

— Một quyển tiểu thuyết mà xem xong, người bình dân khoan khoái, người trí thức bâng khuâng...

— Một quyển tiểu thuyết không thể thiếu trong tủ sách gia đình, bạn, nhất là khi bạn có cô em vợ xinh xinh ngoan ngoãn...

ĐÃ CÓ BÁN :

Gia-Đình Tôi

Truyện vui của DUY-LAM

180 trang **ĐỜI NAY** *xuất bản. Giá 42 $.*

DECORATION — ADVERTISING

Nhà vẽ TRUNG-HƯN

VẼ QUẢNG-CÁO ĐỦ LOẠI — TRANG-TRÍ
BÍCH-CHƯƠNG — BÁO-CHÍ — CỔNG-CHÀO
XE HOA — CLICHÉ CINÉMA — HỌA CHÂN DUNG

329, Phạm-Ngũ-Lão — Saigon

Thái-Tuấn

đi xem cuộc bày tranh ở hãng dầu Esso

ĐÃ vài ba năm nay hãng dầu Esso thường tổ chức những cuộc bày tranh để kén chọn một số bức vẽ in vào cuốn lịch hàng năm của hãng.

Cuộc bày tranh lần này là lần thứ tư. So sánh với các cuộc bày tranh những năm trước, năm nay kể về số lượng, các bức vẽ gởi tới dự thi có nhiều hơn, nhưng về phẩm thì thực là kém sút. Một số các người vẽ tranh có nghề các năm trước đây đã vắng mặt dần dần, tới nay chỉ còn lại lác đác một số rất ít. Phần đông những người dự thi lịch năm nay đều là những người chập chững vào nghề và một số gần như chưa biết vẽ là gì. Ngoài ra cũng có một số họa sĩ trội hẳn lên nhưng những người này rất ít ỏi. Kỹ thuật của họ già dặn, có tương lai vì vậy không thể nào đem so sánh với số đông kia. Tất cả tổng cộng số người có thể gọi là biết nghề chừng độ vài mươi người. Con số 159 người dự thi so với số vài mươi người biết nghề thì thực quả chênh lệch. Về vấn đề nghệ thuật không thể lấy số đông, lấy cái lượng mà kết luận sự thành công của việc tổ chức.

Có lẽ người ta sẽ đặt câu hỏi tại sao lại như vậy? Giải thưởng có thể gọi là khá hấp dẫn với số tiền hàng vạn đồng. Điều kiện dự thi dễ dàng, mở rộng cho mọi người? Đúng như vậy. Nhưng thực ra việc tổ chức còn lãng quên khá nhiều điểm khác để có thể đi tới sự thành công. Tôi nói sự thành công ở đây là một sự thành công đúng mức. Nếu cho rằng có đông người gởi tranh tới dự thi, có chọn 12 bức để in vào lịch, có trao giải thưởng và khai mạc, bế mạc, đông đủ quan khách là một sự thành công thì đó chỉ là một sự thành công hời hợt nhiều tính chất phô trương quảng cáo. Cái điều mà tôi muốn nói là một sự thành công thực sự đứng đắn, sự thành công về mặt nghệ thuật và có thể cũng là sự thành công về mặt quảng cáo nữa. Nhưng là một sự quảng cáo tế nhị và có giá trị lâu dài, sâu sắc hơn.

Điểm nhầm lẫn đầu tiên của việc tổ chức là thiếu ý thức về mặt tâm lý, không nhận định đúng vai trò và mục đích của việc tổ chức. Khi người nghệ sĩ nghe tuyên bố : mục đích của cuộc thi lịch là khuyến khích các bạn họa sĩ sáng tác và phổ biến nghệ thuật Việt-Nam, thì họ tự nghĩ rằng : mình là kẻ nhận một ân huệ. Tại sao người ta không nói thẳng rằng : mục đích chính của cuộc thi lịch bày tranh đó là việc quảng cáo cho hãng. Sau đó mới tới những mục tiêu khác là khuyến khích, là phổ biến.

Cái điểm hỏng thứ nhì của việc tổ chức là người ta có thể hoài nghi khả năng lựa chọn những bức tranh có giá trị nghệ thuật. Đành rằng : đã tổ chức đã treo giải thưởng thì có quyền lựa chọn theo sở thích riêng, theo những tiêu chuẩn riêng của mình tự đặt ra. Nhưng sự quá chủ quan đó có thể không đạt tới mục tiêu đã tuyên bố, là khuyến khích các họa sĩ sáng tác. Sự khuyến khích chiều theo ảnh hưởng của sự lựa chọn. Nếu lựa chọn không đúng, tức là khuyến khích sai, khuyến khích những người vẽ kém ; và vì thế mà những người có nghề đều không còn tín nhiệm ở sự tổ chức. Và một khi đã khuyến khích không đúng chỗ thì việc phổ biến cũng đi theo với sự nhầm lẫn đó. Sự vắng mặt của phần đông các họa sĩ tên tuổi ở Việt-Nam, chứng minh rõ ràng sự không thành công của tổ chức bày tranh thi lịch.

Nhìn về một mặt khác, là sự không hiểu biết hoặc coi nhẹ vấn đề trình bày giới thiệu các bức tranh với người xem. Sự trang hoàng và sắp xếp rất lộn xộn, làm cho người xem không được thoải mái. Thiếu ánh sáng và thiếu «đất đứng» cho người xem nhìn rõ được mọi chiều của tác phẩm. Hơn nữa sự loại bỏ bớt những bức vẽ quá cẩu thả không có nghề cũng là một điều nên làm, để người xem được dễ chịu. Nhìn chung phòng tranh, có những bức vẽ quá non nớt và quá cẩu thả ; không thể gọi đó là những bức vẽ, dầu là một bức vẽ hạng tồi đi nữa. Sự rộng rãi của việc tổ chức phải có một cái mức, để hạn chế. Nếu không sự rộng rãi sẽ biến thành sự cẩu thả, sự không hiểu biết về tranh.

Nhìn riêng về phòng tranh, có những họa sĩ rất khá. Như họa sĩ Thang Niên với bức tranh tĩnh vật số 186. Với một kỹ thuật già dặn, với một nét bút điêu luyện, họa sĩ đã nắm vững đường lối của môn phái cổ điển, không thua một họa sĩ ngoại quốc nào cùng chung một đường lối ấy. Về nghệ thuật bối cảnh, cũng như đường nét, ánh sáng và màu sắc thật vững vàng. Thể chất của sơn dùng với một kỹ thuật tinh vi và sành nghề. Bố cục không những vững vàng nhưng rất táo bạo. Chiếc ghế đã bị cắt hẳn đi một phần, để cho đường nét chung thêm sự nhịp nhàng. Chiếc bóng đèn nằm lăn lóc dưới đất có vẻ tự nhiên nhưng chính là sự cố ý sắp đặt của họa sĩ để lấy lại cân bằng cho hình thể trong tranh. Bao quẹt và những chiếc quẹt cũng một dụng ý ấy.

Các họa sĩ ngả theo xu hướng mới trước hết phải kể đến họa sĩ Kha-Tư-Khải với bức tĩnh vật độc nhất số 106. Với những đường nét và màu sắc rất hạn chế, họa sĩ đã tạo ra sự linh động nhịp nhàng của đường nét, sự giàu sang, biến

chuyển của màu sắc. Từ những đường tròn của ba trái cà chua, tới đường cong của chiếc đĩa được thu gọn trong một góc tranh đã làm cho nổi bật những đường thẳng của mép bàn và con dao. Sự dung hợp của đường nét đó, hòa nhịp với những màu đỏ xẫm ngả sang nâu, đen cho người ta thấy họa sĩ đã gạn lọc, tẩy luyện hình sắc thiên nhiên một cách khéo léo tinh tường để biến những hình thể ấy thành hình thể của nghệ thuật. Đó không thể là một công việc của sự tình cờ; mà phải do một ý thức chín chắn về kỹ thuật và về nghệ thuật mới tạo ra được.

Người xem tranh cẩn thận, kỹ lưỡng còn phải chú ý đến họa sĩ Nguyễn-Hữu-Vũ với ba bức tranh Số 306 *đại lộ Đồng-Khánh*. 307 *Gác lưới*, 308 *Khúc quanh*. Bức tranh đầu (306) là một bức vẽ thuốc nước. Họa sĩ diễn tả con đường sầm uất của Chợ-Lớn về đêm. Nét vẽ phóng túng, táo bạo như lối thủy họa của những nét vẽ tranh tàu. Sự sôi nổi mạnh mẽ của nét bút đã diễn tả trung thành sự hoạt động về đêm của đại lộ ấy. Riêng một bức vẽ nhỏ trên giấy đó cũng đánh ngã hết những bức tranh sơn dầu khô khan gò bó. Hai bức sau là phác họa, nét vẽ cứng cỏi, già dặn nhưng nhịp nhàng cân đối, tỏ ra họa sĩ rất có ý thức về sự kiến trúc của đường nét.

Họa sĩ Trần-Đình-Nghĩa rất thành công trong bức *Mơ-Hoa* số 164. Bức tranh này vẽ một thiếu nữ nằm ôm một bó hoa hồng. Nét vẽ đẹp. Thể chất sơn trắng trên mặt gối cũng như chất sơn màu tím trên áo người thiếu nữ đã tạo ra được một sự êm dịu, hòa hợp rất tiết độ. Ít màu sắc mà vẫn không nghèo nàn đó là đặc điểm của họa sĩ. Thêm vào đó những nét vẽ duyên dáng, bay bướm đã tạo ra một không khí mơ mộng trong bức tranh.

Họa sĩ Huỳnh-Tao-Nhã với bức tranh vẽ bằng gouache, số 175 đã làm chủ được lối vẽ bột màu. Hình thể trong bức họa chỉ là cái cớ cho họa sĩ tung bay nét bút. Chất bột trắng vẽ trên áo các nhân vật trong tranh đã trở nên quý giá, nhờ sự khéo dùng hòa sắc độ đậm nhạt. Không khí trang nghiêm, buồn bã, yên lặng của « phút cuối cùng » đã tạo ra được nhờ những đường ngang đã đặt vào chỗ trọng yếu của bức vẽ, và những màu đạm bạc.

Hà-Mộng-Hải cũng là một tài năng đáng chú ý. Những nhà phố trong những bức *Ngõ chiều* (73) *Xóm vắng* (74) của họa sĩ đã nói lên một sự thận trọng trong công việc kiến trúc các đường nét. Hình thể và đường nét ở đây là một sự dung hợp khéo léo đã tạo ra một bố cục vững chắc cho bức họa. Riêng về màu sắc quá nghèo nàn. Nhất là họa sĩ chưa biết sử dụng thể chất của sơn dầu. Nguyễn Lâm là một trong số những họa sĩ đã nắm vững về thể chất của sơn dầu. Vì vậy tất cả các bức họa của họa sĩ đều có những màu sắc trông quý giá, sáng chói mà vẫn dịu dàng. Bức *Hoàng hôn* (124) là một trong ba bức khá nhất. Với kỹ thuật về thể chất về màu sắc ấy, tôi chắc chắn họa sĩ sẽ thành công trong tương lai nếu chú ý về việc tìm tòi đường nét nhiều hơn là hình thể.

Cay Drachnik cũng đã tạo cho mình một bút pháp độc đáo. Chỉ tiếc rằng màu sắc của họa sĩ chưa dung hợp được với đường nét và nhất là hình

1. — Số 73. *Ngõ chiều* của Hà-Mộng-Hải.

2. — Số 164. *Mơ Hoa* của Trần-Định-Nghĩa.

3. — Số 106. *Tĩnh vật* của Kha-Tư-Khải.

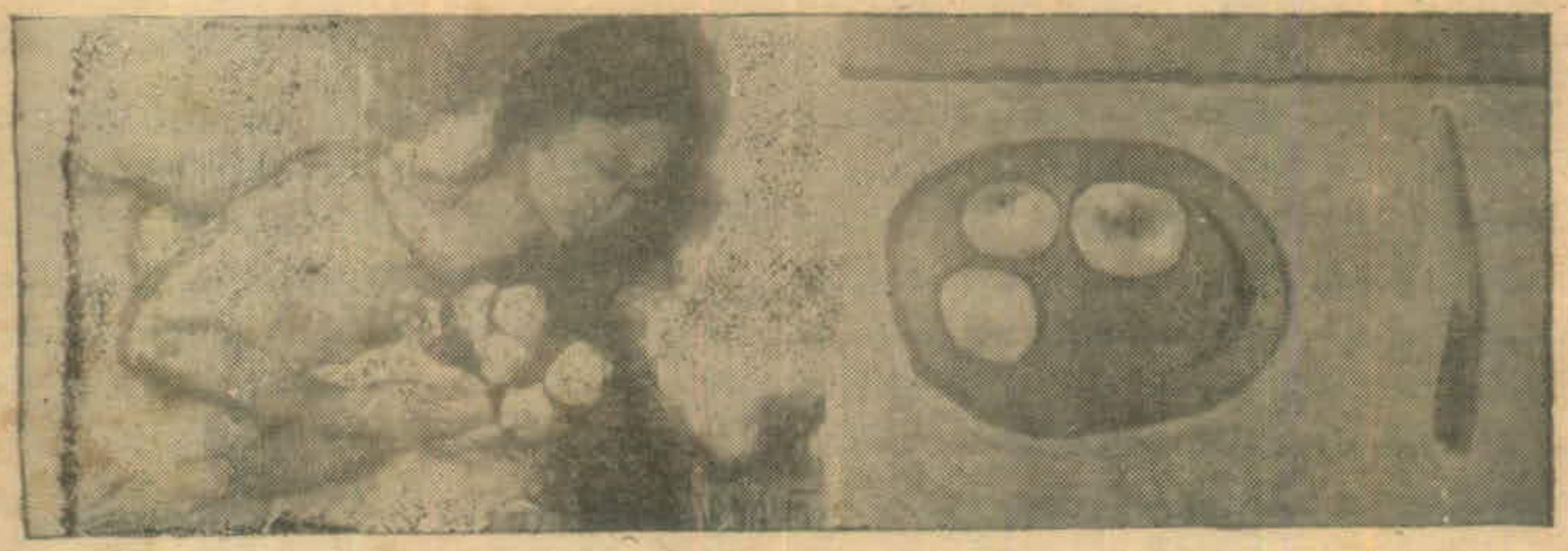

Tin sau cùng

Kết quả cuộc tuyển lựa họa phẩm của Esso :

Giải nhất 25.000$: Họa phẩm « Bến Tàu Saigon » của họa sĩ Phạm-Văn-Ruyên.

Giải nhì 15.000$: «Được Mùa» của họa sĩ Nguyễn-Văn-Ngôn.

Giải ba đồng hạng 2.000$: Các họa phẩm của :
Nguyễn Lâm — Nguyễn-Văn-Nguyên — Nguyễn-Văn-Rô — Hồ-Tấn-Thuận tự Thuận-Hồ — Trần-Văn-Giêng tự Lê-Minh — Triệu-Đỗ-Nhuận — Võ-Văn-Ky — Nguyễn-Văn-Ba — Lâm-Minh-Thới — Trần-Đình-Nghĩa.

Ban Giám Khảo :

— Ông Lê-Văn-Lắm, Giám Đốc Nha Mỹ Thuật Học Vụ.

— Ông Nguyễn-Duy-Miễn, Giám Đốc Văn Hóa Vụ.

— Ông André Kormendi, Phụ Tá Tùy Viên Văn Hóa Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ.

— Ông S. M. Strasburger, Tổng Giám Đốc Hãng ESSO.

— Ông E.W. Allen, Giám Đốc Đại Lý Thương Mại Hãng ESSO.

thể. Màu sắc của Drachnik rất táo bạo, ánh sáng của họa sĩ là một thứ ánh sáng giả tạo rất thích hợp cho màu sắc táo bạo ấy. Nhưng về hình thể thì họa sĩ lại quá tôn trọng hình dáng cảnh vật, thiên nhiên, mà chưa biến đổi cho hợp với sự táo bạo của màu sắc và ánh sáng. Hai đường nhân tạo và thiên tạo ấy đối chọi trong tranh, gây ra một sự rời rạc và một cảm giác khó chịu.

Bức tranh số 184 (*Bờ sông*) của Triệu-Đỗ-Nhuận là một bức họa có nhiều xu hướng về trừu-tượng. Hình khối phân chia rất hay, và cả màu sắc cũng rất đẹp. Chỉ tiếc về thể chất sơn dầu chưa nắm vững nên chất sơn còn sượng.

Nguyễn-Văn-Nở với bức số 187, (*Lá xanh bông trắng*) trông rất nhẹ nhàng ; họa sĩ có những nét bút phóng túng và có ý thức về việc gạn lọc các hình thể. Màu sắc sẽ được hơn nếu họa sĩ tìm để sử dụng đúng mức thể chất sơn dầu.

***

Nói tóm lại thì phòng tranh này quá yếu về số phẩm, vì không được sự hưởng ứng của các họa sĩ tên tuổi. Khi nào người ta nhận thức được rằng : việc in tranh trên một cuốn lịch là một vinh dự cho cuốn lịch, chứ không phải là một vinh dự cho họa sĩ, thì lúc đó sự tổ chức may ra mới thận trọng chu đáo và người ta sẽ thấy rõ phải làm thế nào để có thể dùng nghệ thuật trong công việc quảng cáo một cách đúng mức hơn.

Lúc ấy những người gửi tranh tới dự cuộc sẽ không còn nghĩ rằng đó là một sự cầu may, một trò chơi may rủi, như người ta mua một tấm vé số.

THÁI-TUẤN

✱ Chúng ta sinh ra là để sống chung ; xã hội của chúng ta là một cái vòm làm bằng các tảng đá nối liền nhau, nó sẽ đổ rơi nếu nó không chống đỡ lẫn nhau.

Sénèque

✱ Nhân loại gồm nhiều người đã chết hơn là người còn sống.

Auguste Comte

✱ Chỉ hạt lúa mì, không phải thứ lúa mì như thứ người ta tìm thấy trong tình-trạng hoang-dại ở miền Thượng-du Ai-cập, mà thứ hạt lúa mì no tròn, thứ lúa mì đã được sự canh tác làm cho mập béo, cũng đủ tóm-tắt trong nó sự cần-lao của hàng trăm thế hệ.

Edmond About

✱ Không ai tự mình làm việc một cách lương-thiện mà lại không đồng thời làm ích-lợi cho mọi người.

Bastiat

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiếu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-Chiếu năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim
DỰ TRỮ : 7.150.000 Anh-kim

✶

LUÂN - ĐÔN TỔNG - CỤC
38, Bishopsgate, London E. C. 2

✶

SAIGON CHI - CỤC
CHI - CỤC CHÁNH : 3, Đường Võ-Di-Nguy
CHI - CỤC PHU : Đại - lộ Thống - Nhất
(Immeuble Esso Standard Eastern Inc.)

✶

NAM - VANG CHI - CỤC
10, Phlauv Preah Kossamac

✶

CHI-NHÁNH THÀNH-LẬP TẠI CÁC NƯỚC VIEN-ĐÔNG

✶

Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

SINH-HOẠT

TRÀNG - THIÊN

Viết gì ? Viết thế nào ? theo ý Claude Simon

Những tác giả trẻ hơn, như Alain Roble-Grillet (sinh năm 1922), như Michel Butor (sinh năm 1926)..., ngay buổi đầu đã tự trình diện trước công chúng dưới danh hiệu « tiểu thuyết mới ». Claude Simon (sinh năm 1913) thoạt tiên không tự xưng là mới, và cũng không được ai xem là có gì mới mẻ. Ông bắt đầu viết khi chưa có báo hiệu gì của một khuynh hướng mới. Cứ thế, hơn mười năm ông xuất bản đã nhiều cuốn. Rồi đến năm 1957, nhà xuất bản Nửa đêm (Minuit) in cuốn *Gió (Le Vent)* của ông, lại tái bản vài cuốn tiểu thuyết cũ. Các nhà phê bình chú ý, rồi gần như đồng thanh công nhận rằng Claude Simon quả nhiên rất mới, ông được xếp vào phía các nhà tiểu thuyết mới.

Sự việc đã diễn tiến như thế là Claude Simon càng ngày càng trẻ ra, và con người cũ tự bao giờ lại hóa ra «mới» sau hơn mười năm sáng tác.

Nói thế không phải có ý cho rằng Claude Simon chỉ «mới» ra vì uy tín của nhà xuất bản *Nửa đêm*. Thực ra trong quan niệm tiểu thuyết của ông có nhiều điểm giống Marcel Proust (ta

Claude Simon

sẽ thấy chính ông cũng nhận như vậy), mà Marcel Proust là một trong những người được coi đã đánh dấu một chuyển hướng quan trọng của tiểu thuyết hiện đại. Dĩ nhiên C. Simon không phải chỉ là M. Proust. Từ quyển sách cuối cùng trong bộ *Đi tìm thời gian đã mất* của M. Proust cho đến quyển *Lữ quán (Le Palace)*, quyển truyện sau cùng của C. Simon kể tới nay, cách nhau bốn mươi năm, trong khoảng thời gian bốn mươi năm đó biết bao nhiêu dâu bể đã xảy ra

trong lãnh vực tiểu thuyết mà Claude Simon không phải không tiếp nhận ảnh hưởng.

Hồi cuối năm 1960, các nhà phê bình đều kêu lên về cái kỹ thuật độc đáo nhưng rất bí hiểm của cuốn *Con đường Flandres (La route des Flandres)*. Cuốn truyện gợi lại hình dáng một nhân vật vắng mặt. Vào khoảng tháng 5 năm 1940, có ba tên lính của một đơn vị bại trận tan rã, đi lang thang trên con đường Flandres, cuối cùng họ bị địch quân tóm được. Trong những ngày lang thang với nhau, rồi bị giam chung với nhau, họ gặp nhau ở một đề tài chuyện trò: vị chủ tướng, thuộc giòng họ Reixach. Kẻ thì kể chuyện những tổ tiên trong họ Reixach, trong đó có người đã tự sát không biết vì nguyên cớ gì, kẻ lại bàn tán về chuyện bà vợ của vị chủ tướng, kẻ khác lại trầm trồ về mấy con ngựa đua của ông ta. Cứ thế, trong những ngày nhàn rỗi, họ nhai đi nhai lại các kỷ niệm về vị chủ tướng khuất mặt, dần dà vẽ ra qua mớ tưởng tượng đó một bí mật vừa sâu thăm thẳm vừa rất phong phú: đó là nhân vật Reixach.

Trong quyển truyện người ta đếm được nhiều câu kéo dài từ trang nọ sang trang kia, nhiều chữ tự dưng viết hoa..

Năm nay, quyển *Lữ quán* kể chuyện mấy người thanh niên chứng kiến những lộn xộn của một thành phố Tây Ban Nha trong thời kỳ cách mạng của nước này. Về mặt kỹ thuật, cũng vẫn một lối viết khó khăn bí hiểm.

Nói về cái kỹ thuật ấy, R. M. Albérès đã có một câu kết luận: « *Con đường Flandres* có tính cách một bài thơ hũ (hermétique) hơn là một quyển « tiểu thuyết » theo cái nghĩa thông thường của danh từ này...» (1). Nhưng cũng chính nhà phê bình này chịu rằng sự tối tăm hiểm hóc đó dựa trên một lý thuyết « khả dĩ thừa nhận được ». Nó nhằm làm người đọc *cảm thấy* cái tính cách bí ẩn, phong phú, phiền toái, cái bề dày của thực tại. Những cái đó không phải tiểu thuyết gia phân tích ra minh bạch, kể lại, phơi bày ra theo như lối thông thường xưa nay, mà phải dùng đến một kỹ thuật riêng để cho người đọc trực tiếp *cảm thấy*.

Như vậy cái kỹ thuật ấy không phải là một điều lập dị của tác giả. Nó do một dụng ý có liên quan chặt chẽ với nội dung của tác phẩm.

Mối liên quan giữa nội dung và hình thức, Claude Simon đã nói rõ trong một cuộc thảo luận với bốn tiểu thuyết gia khác: Nathalie Sarraute, Michel de Saint-Pierre, Jean Hougron và Jean René Huguenin (2). Ông nói:

... Hình như hai cái ấy chỉ là một, ít ra là không thể có ruột mà không có vỏ, hoặc ngược lại. Cái này do cái kia mà ra. Đôi bên dính liền với nhau mật thiết. Đối với tôi, không hề có cái việc đem

(1) *L'épaisseur romanesque*, trên tạp chí *Tin Văn* (*les Nouvelles littéraires*) số ra ngày 10-11-1960.

(2) Trên tạp chí *Tin Văn* số ra ngày 22-6-61.

một mớ tư tưởng hay cảm xúc mà mình sẵn có và đang đi tìm một thứ vỏ chứa, một thứ chai chẳng hạn, đem những cái ấy nhét vào trong một thứ khuôn đẹp đẽ... Không, vỏ ấy tự nó sanh ra cái ruột của nó, hay ngược lại, và cuối cùng thì hai cái chỉ là một mà thôi.

Claude Simon quí sự tương quan máu mủ giữa nội dung và hình thức đến nỗi ông ngại, không dám giải nghĩa tác phẩm của mình. Sau khi quyển *Lữ quán* ra đời, bị nhiều nhà phê bình hiểu sai, cực chẳng đã ông phải phân giải đôi lời (3), nhưng trước tiên ông viện ngay ý kiến của Goethe để rào đón trước : khi một tác phẩm đã xây dựng bằng một số tiếng nào đó được chọn lựa và xếp đặt theo một trật tự nào đó rồi, nếu đem ra giải nghĩa, tức là phải phô diễn ý ấy bằng những tiếng khác, câu khác, xếp đặt theo cách khác ; thế là làm sai lạc nó đi rồi !

⁂

Về câu chuyện đề tài của tiểu thuyết. Claude Simon nói thẳng rằng ông chẳng viết được về cái gì, ngoài mình ra. Trong bất cứ cuốn truyện nào cũng chỉ có ông, chỉ có một mình ông mà thôi (c'est à dire de moi, de moi seul).

Cái « tôi » của Claude Simon không phải là thân thể, là tư tưởng, mà là các cảm giác. Hôm nói chuyện với bốn tiểu thuyết gia đã kể, ông bảo :

Cái việc duy nhất mà tôi gắng làm, ấy là chép lại cho đúng những điều tôi cảm thấy (2).

Ông lại bảo :

... Tiêu chuẩn chiều hợp (tác phẩm), đối với tôi, ấy là : thế này đã giống chưa ?

Jean Hougron hỏi : — Giống với cái gì ?

Claude Simon trả lời :

Với mỗi cảm xúc, với ký ức, với sự tưởng tượng của tôi (2)

Nói đến quyển *Lữ quán*, ông cho rằng đó không phải là cuốn truyện viết về cuộc cách mạng Tây-Ban-Nha đâu, cũng không phải là cuốn truyện về Cách Mạng theo như người ta vẫn hiểu nữa. *Tôi muốn tả lại những mùi những mùi đã ngửi được, những hình ảnh đã trông thấy, những cảm nhận của xúc giác, những mối xúc động... Tôi muốn tả lại cuộc cách mạng Tây-Ban-Nha đối với tôi. Trước hết là vì lý do đứng đắn : bởi tất cả những gì tôi có thể biết được về cuộc chiến tranh Tây-Ban-Nha đều là những điều tôi cảm nhận bằng các giác quan của mình. Sau nữa là vì sở thích, bởi tôi thích diễn ra bằng chữ, bằng lời, cái mà Samuel Beckett gọi là « nó ra thế nào » ấy (4).* Hồi mùa hè 1936 ông có đến Barcelone một thời gian rất ngắn, thời gian đó không đủ để ông biết cuộc cách mạng Tây-Ban-Nha ra thế nào. Nhưng đối với quan niệm sáng tác

(3) *Je ne peux parler que de moi* trên tạp chí *Tin Văn* số ra ngày 3-5-1962.

(4) *Claude Simon nói*, phỏng vấn của Madeleine Chapson trên *L'express* số ra ngày 3-4-1962.

của ông, cái ngắn đó lại tốt, bởi vì nó không kịp để cho cảm giác của ta bị sự quen thuộc làm chai lì, mất bén nhậy đi. Do đó đến Barcelone như thế để viết về cuộc cách mạng Tây-Ban-Nha thì không được.

Nhưng trái lại, tả lại một nơi nào đó, một số nhân vật nào đó, một số kỷ niệm nào đó, vốn là những mảnh đời của chính tôi, *hình như việc đó tôi có thể thử làm một cách đứng đắn được (3).*

Tả lại những cái ấy, như Claude Simon hiểu, không phải dễ dàng gì. Ông bảo rằng trong hăm sáu năm trời ông đã nhiều lần thất bại, vì cứ để xen vào những suy nghĩ, những giải thích, những sự việc v.v..., tức những yếu tố không phải thuộc về cái phần mà ta thực sự tiếp nhận bằng cảm quan.

Tuy nhiên có đôi khi, đặc biệt là lúc tôi sống ở miền Nam, nhờ những kích thích bên ngoài (như bụi, như nhiệt độ, các mùi, một số mẫu người nào đó thoáng qua trước mắt), tôi chợt cảm thấy, chợt tìm lại được những mẫu « ký ức vô ý thức » cách xa từ nhiều năm... (3)

Một lần khác, nói chuyện với Thérèse de Saint-Phalle (5), Claude Simon nói rõ hơn về thứ ký ức đó:

... Các giác quan của tôi có thể ghi nhớ sự vật. Các kỷ niệm về cảnh sống tôi đã trải qua hồi hăm ba tuổi ở Tây-Ban-Nha đặc biệt thường hiện đến vào mùa hè, khi tôi ở miền Nam, tôi thấy nóng bức trong người, tháo mồ hôi ra. Ký ức ấy có tính cách cảm quan hơn là lý trí.

Thérèse de Saint-Phalle hỏi: « Ông cho rằng ký ức trước hết là một vấn đề tự động phản ứng ».

Claude Simon đáp:

Tôi tưởng thế. Các nhà khoa học bảo rằng kim khí có ký ức. Một đứa cháu tôi có giải nghĩa cho tôi rằng chất đồng có thể đập đến một mức độ nào đó. Sau đó, nó không phản ứng nữa, nó kiệt, nó chết rồi. Có một thứ ký ức của vật chất, nó cũng một tính cách như thế... (5)

Ông viện dẫn lời của W. Faulkner, và nhất là những ý của Marcel Proust về loại ký ức này. Điều ấy khiến ta nhớ đến câu chuyện một viên gạch long, hay một chiếc bánh tự nhiên làm sống lại cả một quãng đời vĩ vãng trong bộ *Đi tìm thời gian* đã mất.

Cách thức Claude Simon thu nhận cảm giác trong cuộc sống, và cách thức những cảm giác ấy về sau được gợi lại cũng giống kiểu ấy. Lúc nào ông cũng thức tỉnh, sẵn sàng tiếp đón các cảm xúc, cảm giác, ông sống thường xuyên trong trạng thái chờ đón tiếp nhận. Các cảm giác thu vào một nơi, dồn chứa, tích lũy lại, chờ một cơ hội thích hợp lại vùng xuất hiện ra.

Trong trường hợp viết quyển *Lữ quán*, Claude Simon kể lại một hôm ông đi tàu hỏa.

... Qua tấm cửa kính đầy nước mưa, tôi trông thấy trước sân ga Narbonne

(5) Tạp chí *Figaro văn học* số ra ngày 17-3-1962.

hai người đàn ông thẩm đạm dáng người miền Méditerranée, vây quanh những chiếc va li mở toát, một chiếc bằng gỗ trắng, một chiếc nữa bằng vải, các góc bịt bằng thứ da giả. Trước đó hai mươi năm, tôi đã từng trông thấy những người giống như thế, với một thái độ như thế, làm những cử chỉ như thế. Vụt một cái, quá khứ trở về. Phần việc tôi chỉ còn có việc là dịch nó ra, theo cái ngôn ngữ của tôi. (6)

Cái « bản dịch » kỳ quặc đó, tức th là quyển tiểu thuyết *Lữ quán*.

Vậy tác phẩm của ông chẳng phải hoặc là tư tưởng, hoặc là sự vẽ vời tự do của trí tưởng tượng. Đó là sự thực ghi chép lại. Nhưng không phải là thứ « sự thực khách quan » nào cả. Chỉ là sự thực qua ký ức rất chủ quan của ông. Ông bảo thẳng :

Điều mà tôi tìm kiếm, ấy là sự chính xác của cái ký ức vô ý thức mà Proust đã nói, thứ ký ức duy nhất có giá trị.

và :

Đối với tôi, tiểu thuyết không phải là những quan niệm mà là các cảm giác (2)

và lại bảo :

Điều tôi muốn nói, là khởi điểm bao giờ cũng chủ quan. Tả lại sự vật theo như ta trông thấy, chứ không phải theo như một đàng thượng đế có thể trông thấy, ấy là một cố gắng chiếm hữu nó, tiêu thụ nó. (2)

***

Nhưng tác phẩm có thể chỉ là bản dịch trung thành của một kỷ niệm chăng ? — Không. Nó là kỷ niệm viết.

Mà trong sự *viết ra* còn có một yếu tố quan trọng, ấy là chữ viết. Bởi vậy ngoài việc ghi chép ký ức

... Hãy thêm vào cái công việc bí mật gần như tiến hành ngoài ý muốn của nhà văn : cái động lực của ngôn ngữ, của những chữ viết, chữ này thường lôi kéo theo chữ khác. (3)

Ở chỗ này, Claude Simon nhắc lại ý kiến của Jean Ricardou cho rằng chữ viết thường muốn tự diễn ra theo những luật lệ riêng của nó, làm sai lạc, ảnh hưởng đến tư tưởng của nhà văn, dựng nên cái vũ trụ riêng của nó.

Trong cuộc thảo luận với bốn tiểu thuyết gia khác, ông nói :

Khởi điểm... Theo tôi, đó là chép lại cách nhìn chủ quan của tôi đối với sự vật. Nhưng có điều ngộ nghĩnh là mặc dù lúc đầu ta tự bảo : « Tôi thử diễn tả chuyện này chuyện nọ », « dịch » cái cái này cái kia, thế rồi từ chính trong ngôn ngữ, từ trong vật liệu ta dùng, xuất hiện ra những cái làm cho ta phải ngạc nhiên, những cái mà ta không hề có ý định làm ra. Tôi tưởng chừng tác phẩm được xây dựng tùy theo tầm mức của chữ viết, của ngôn ngữ. Ngôn ngữ, nó không phải chỉ là một phương tiện, nhưng mà là một động lực. Chính nó, nó cũng sáng tạo (2).

***

Claude Simon không biết có cảm hứng. Chỉ có hì hục khổ cũng làm việc. Làm việc như vậy để truyền bá cái gì ? nói lên cái gì với nhân quần xã hội ? — Không nói gì cả. Ông ghét nhất lời « nói lên » ấy.

Các nhà phê bình thường có một kiểu chỉ trích này : « Người ta không thấy tác giả này muốn nói gì, người ta không thấy ý ông ta muốn mang lại bản thông điệp gì cho chúng ta... ». Về phần tôi, tôi không có một luận đề đặc biệt nào để trình bày hết. (2)

Ông đồng ý với Nathalie Sarraute, cho rằng từ đầu thế kỷ này, tiểu thuyết hướng theo đường lối của hội họa trừu tượng : là chối bỏ đề tài, hay nói cách khác là chối bỏ ý nghĩa của đề tài (2).

Và ông coi việc viết tiểu thuyết để không « nói lên » cái gì cả ấy là chuyện quan trọng, đứng đắn, đáng khổ công, bất chấp tình thế bấp bênh của nhân loại đã làm nghẹn ngào bồi rồi François Mauriac hay Herman Hesse.

TRÀNG-THIÊN

Cô-Liêu là nhà văn thứ ba lên diễn đàn để đặt lên bàn mổ bộ môn đặc biệt nhất của văn học : bộ môn tiểu thuyết. Trước ông — và cũng vẫn do Trung tâm Văn Bút Việt-tNam tổ chức — đã có Nhật-Tiến xét về « Sự bế tắc trong ngành xuất bản tiểu thuyết », đã có Vũ-Hạnh bàn về «Hoàn cảnh sáng tác hiện thời của nhà văn Việt-Nam ».

Và cũng như hai lần trước, lần này người đến nghe khá đông. Phải chăng đây lại là một bằng chứng là hễ cái gì dính dáng đến tiểu thuyết thì công chúng chẳng thờ ơ, nhất là giới học sinh và sinh viên ?

***

Mở đầu diễn giả cho rằng « trong bộ môn tiểu thuyết, những điểm được người ta chú ý đến bây giờ là tìm những tiêu chuẩn để xác định thế nào là một cuốn truyện hay. Liên lạc đến vấn đề truyện hay là một số vấn đề khác, như tính chất trường cửu

Tìm hiểu một vài quan niệm về Tiểu thuyết (1)

NGUIỄN-NGU-Í kể

và tính chất thời đại của truyện, vấn đề nghệ thuật vị nhân sinh, vấn đề liên lạc giữa kẻ viết và người đọc v.v..

Về *thế nào là một truyện hay*, ông đưa ra quan niệm trước thời... « Tố-Tâm » ra đời : vai chính phải là người ngoại hạng, trọng nghĩa khinh tài, hào hoa phong nhã, đó là về phái nam, còn phái nữ thì nếu không là hạng chìm đáy nước cá lừ đừ lặn thì cũng là hạng tay kiếm tay cờ, hoặc đủ cả hiếu trung tiết nghĩa.

Quan niệm dùng tiểu thuyết để chuyên chở đạo đức này, có người phản đối, vì không phản ảnh đời

(1) Do hội Bút Việt tổ chức tại trường Âm nhạc và Kịch nghệ quốc gia, sáng chủ nhật 16-9-1962, và do ông Thanh Lãng, chủ tịch của hội, giới thiệu diễn giả.

sống thực tại. Nhưng theo ý diễn giả thì « những con người ngoại hạng tiêu biểu cho nguyên ủy đời sống xã hội, là những phản ảnh chân thành và cụ thể nhất của xã hội bất cứ thời nào (vì đạo lí vẫn là nền tảng tinh thần trên đó xây xã hội ngày nay). Con người như vậy là con người trừu tượng hay được trừu tượng hóa, gọt gạnh trơn tru hết khía cạnh thường tình, xa cách con người thực tế, mà chính vì thế người xưa mới cho là đáng chép thành truyện... »

Phản ứng lại, người ta đề cho những nhân vật có tài có sắc hoặc có đức vẹn toàn gặp những bước gian truân để gây những xúc động mạnh, để « khích động thất tình ».

Rồi đến quan điểm đòi hỏi những xúc cảm nhẹ nhàng hơn, tinh vi hơn, kín đáo hơn, cái mà khoa Tâm lí học gọi là *mĩ cảm*.

Ba phái trên đây đều có những người cực lực binh vực, không phái nào đồng ý với phái nào, điều mà diễn giả cho thế cũng là điều hay, có thể vườn văn nghệ mới « nẩy nở cả trăm hoa, mỗi hoa một vẻ và cũng có thể đẹp trong vẻ riêng của nó ».

Tiểu thuyết ngày nay nói đến rất nhiều khía cạnh của cuộc đời, một nhà viết tiểu-luận Pháp đề nghị chia tiểu thuyết làm bốn loại : tiểu thuyết tình, tiểu thuyết lịch sử, tiểu thuyết trinh thám và tiểu thuyết phóng tác khoa học. Diễn giả có ý đổi tên loại đầu ra : tiểu thuyết nhân tình thế sự.

Để tìm hiểu thế nào là một truyện hay, ta có thể chỉ cần chú trọng nhất vào những điểm sau đây :

— giá trị mĩ cảm,

— chủ ý của tác giả,

— giá trị của những chủ ý đó,

— tác giả có đạt được ý muốn không ?

Văn nghệ tiền chiến sống cái thời đại của mình, tích cực và mãnh liệt. Một số văn phẩm đã chịu được sự thử thách của thời gian và được thế hệ hậu chiến chú ý.

Văn nghệ ngày nay hình như không chú trọng đến những vấn đề của thời đại một cách thiết tha như văn nghệ tiền chiến. Cơ cấu xã hội chuyển biến, mà tâm tình con người cũng thế.

Diễn giả đặt câu hỏi : « những cái muôn thuở của con người, của xã hội nếu được khai thác đúng, sâu, có làm thành cái hay của tiểu thuyết không ? ». Dĩ nhiên là yếu tố nghệ thuật hải có để tác phẩm sống với thời gian.

Và một văn phẩm phản chiếu rõ rệt những ước vọng, băn khoăn của thế hệ, nói lên tâm sự của con người thời đại, miêu tả đủ cạnh khía những thực trạng của cuộc sống hiện tại và nêu lên những vấn đề của thời đại..., là tấm gương phản chiếu bóng mình mới làm người đọc cùng thời ưa chuộng.

Rồi diễn giả nói đến việc phê bình, và chống hẳn lối phê bình hẹp hòi :

dạy nhà văn viết văn, phê bình sẽ thiếu sót biết bao nếu chỉ chú trọng đến sự uốn nắn tác phẩm vào khuôn khổ những tiêu chuẩn quen thuộc, hoặc chỉ chú trọng đến sự phân tích tâm lí.

Và trong phần kết luận, ông nhấn mạnh :

« Văn nghệ cần hoạt động trong tinh thần khai phóng, cởi mở để khai thác những phần tốt đẹp nhất của những tâm hồn phong phú. Cái nhìn đượm một thứ tinh thần hệ thống, một thứ tinh thần công thức tạo thành một phong thể sinh hoạt bưng bít, không đường lối thoát ».

NGUIÊN-NGU-Í *kể*

★

Nền hội họa Việt-Nam sẽ đi về đâu ?

NGUIỄN-NGU-Í kể

Không biết đi về đâu, đó là lời đáp của thuyết trình viên, ông Đoàn-Giáp, giáo sư trường Cao đẳng Kiến trúc, trong buổi nói chuyện tại trụ sở hội Việt-Mĩ, đêm thứ sáu 14 tháng 9 năm 1962.

Thính giả hôm ấy có phần thưa thớt. Khoảng trên dưới năm chục người, và tiếc rằng, báo giới cũng như họa giới, chỉ có vài người tham dự.

Diễn giả không tiếc lời đề cao Hội họa cổ điển cùng những danh sư thế giới và nước nhà đã phụng sự cho nền Hội họa đó.

Theo ông, các cuộc triển lãm tranh nối đuôi nhau ở Đô thành là một mối nguy cho Nghệ thuật Hội họa. Để dẫn chứng, ông lặp lại ý kiến của một số người ngoại quốc, cho rằng nhiều bức tranh đã triển lãm không phải là những sáng tác công phu mà chỉ là những cây hoang dại trong rừng rộng thâm u của Nghệ thuật.

Tất nhiên như ông quan niệm, người vẽ phải căn cứ vào cái họa cổ điển của nhà trường để cho nền Hội họa chân chính của ta khỏi hư, khỏi hỏng và ông cho « chỉ có lối tả chân cổ điển là nền tảng căn bản của Hội họa. »

Cho nên ông cho là lố lăng những công trình của những ai tự vỗ ngực xưng mình là họa sĩ, mà chưa bước chân qua khỏi cửa nhà trường, hay có bước chân vào trường cũng học qua loa rồi bỏ trường, hay chưa từng thụ giáo một danh sư nào cả.

Ông công kích mạnh những nghệ sĩ chỉ biết chạy theo cái sở thích nhất thời, cái mới lạ của người, không biết rằng xứ người, cái mới lạ mà ta nhập cảng đã bị chán bỏ, và cái gì còn lại là cái vĩnh cửu của Nghệ thuật : cái Đẹp đã được thời gian và số đông công nhận. Ông có đưa ra ba ví dụ để cho những ai « mất gốc » ấy thấy cái giá trị của những gì của ta mà họ cho là « đồ bỏ ».

— Cây đờn cò không ra gì đã được thế giới chú ý vì nhạc sĩ Trần-Văn-Khê đã đem giới thiệu nó một cách tài tình trong các cuộc hòa nhạc hoặc trình bày nhạc c truyền của ta với khách năm châu.

— Chiếc áo dài duyên dáng rất hợp với vóc người và cử chỉ thướt tha của phụ nữ Việt.

— Mái tóc dài óng ả, đen huyền, dịu dàng dưới ánh nắng mai hay phất phơ trong cơn gió sớm...

Rồi ông đả kích những người vẽ tranh «mù quáng», những người mua tranh «dễ dãi», và ông không giấu được nỗi bi quan để kết thúc cuộc nói chuyện như chúng tôi đã kể trong lời mở đầu : là nền Hội họa Việt-Nam không biết sẽ đi về đâu ?

NGUIỄN-NGU-Í *kể*

Lê-Ngọc-Trụ

Lễ phát giải văn chương toàn quốc năm 1960-1961

NGUIỄN-NGU-Í kể

Năm nay, ban tổ chức lễ đã cố ý chọn ngày giỗ tác giả truyện Kiều làm ngày phát giải: mùng mười tháng tám âm lịch, nhằm ngày thứ bảy 8 tháng 9 dương lịch, lúc 10 giờ.

Đến dự, ngoài quan khách ngoại quốc và trong nước, còn văn nhân, kí giả đô thành, hội đồng tuyển trạch và các nhà văn trúng giải (nữ sĩ Nguyễn-Thị-Vinh đại diện cho *Linh-Bảo*). Ông Bộ trưởng Đặc nhiệm Văn hóa và Xã hội chủ tọa buổi lễ.

Ông Phan-Văn-Tạo, tổng giám đốc Thông tin, khai mạc cuộc lễ, và cho biết năm nay cơ quan tổ chức có sáng kiến gửi phiếu trưng cầu ý kiến đến khắp các văn gia và nghệ sĩ trong toàn quốc, để thành lập một Hội đồng Tuyển trạch giải thưởng Văn chương, trong đó hầu như các khuynh hướng văn học đều được đại diện.

Sau hết ông đặt nhiều hi vọng ở nhiều cố gắng mới, « cố gắng sáng tạo về phía văn giới cũng như cố gắng khuyến khích về phía nhân dân, và tất cả những cố gắng đó sẽ đưa tới những tác phẩm xứng đáng với tầm thước của cuộc chiến đấu mà chúng ta đang theo đuổi, xứng đáng với truyền thống văn hóa của dân tộc ».

Nhật-Tiến

Tiếp lời ông Phan - Văn - Tạo, ông Thu-

Giang Nguyễn - Duy - Cần, Chủ tịch Hội đồng Tuyển trạch giải thưởng Văn chương toàn quốc, nhấn mạnh về sự đề cử và bàu Hội đồng Giám khảo năm nay cùng ý nghĩa sự đổi tên thành hội đồng Tuyển trạch.

Sau đó ông nêu lên tiêu chuẩn lựa chọn của Hội đồng, thâu tóm trong hai chữ *Văn chương* (có nghĩa là ý hay lời đẹp) và theo ông : « Tác phẩm được chọn sẽ là phản ảnh của một nền văn hóa tự do, nghĩa là không bị bó buộc ở trong khuôn khổ của một hệ thống tư tưởng nào, hay phải theo một khuynh hướng văn nghệ hay chính trị nào cả ».

Sau cùng ông tuyên bố, sau 5 tháng làm việc của Hội Đồng, kết quả như sau :

Về bộ môn Khảo luận : Giải nhất và độc nhất : quyển « Việt Ngữ Chánh Tả Tự Vị » của ông *Lê-Ngọc-Trụ*.

Về bộ môn Tiểu thuyết : Giải nhất : quyển « Thềm hoang » của nhà văn Nhật-Tiến, Giải nhì đồng hạng : quyển « Tàu Ngựa Cũ » của nhà văn *Linh-Bảo* và « Gìn Vàng Giữ Ngọc » của nhà văn *Doãn Quốc Sĩ*.

Về bộ môn Thơ : Giải nhất : quyển « Đường Vào Tình Sử » của *Đinh-Hùng*. Giải nhì : quyển « Hi Vọng » của *Hoàng-Bảo-Việt*. Giải ba đồng hạng : « Tố Âm » của *Anh-Tuyến* và « Bồn Chục Bài Thơ » của *Mai-Trung-Tĩnh* và *Vương-Đức-Lệ*.

Về bộ môn Kịch. Không có giải thưởng.

Sau khi đã phát giải, ban tổ chức mời ông Lê-Ngọc-Trụ, đại diện cho các nhà văn trúng giải, lên phát biểu ý kiến. Ông cho rằng sự lựa chọn ngày phát giải đúng vào húy nhật Nguyễn-Du thật là đầy ý nghĩa, và gợi cho ông và các bạn văn trúng giải tinh thần trách nhiệm thiêng liêng, ấy là thiên chức của nhà văn đối với tiếng Việt và nguyện vọng của nhà văn đối với tiền đồ văn hóa Tổ quốc !

Doan-Quốc-Sĩ

Hoàng-Bảo-Việt

Anh-Tuyến

Từ trái sang phải: *Hoàng-Bảo-Việt, Anh-Tuyến, Vương-Đức-Lệ, Lê-Ngọc-Trụ, Nhật-Tiến, Mai-Trung-Tĩnh.*

ngôn ngữ được thống nhất, văn tự được điển chế.

Ông mong rằng rồi đây sẽ có một viện Hàn Lâm để lo tu soạn bộ tự vị tiêu chuẩn, quyển văn phạm mẫu mực, bộ Việt Nam Bách Khoa Tự Điển thâu thập biên khảo các ngành học thuật văn hóa của xứ sở. Theo ông, Văn hóa chỉ có thể phát triển trong tự do và phát triển mạnh mẽ nếu được khích lệ nâng đỡ.

Sau cùng, ông Trương-Công-Cừu, bộ trưởng Đặc nhiệm Văn hóa và Xã hội đọc diễn từ bế mạc

Ông cho rằng hiện nay chúng ta đang sống một thời đại nguyên tử, nền văn hóa quốc gia cần phải được xây dựng trên một nhân bản toàn diện đúng theo tinh thần nhân vị đấu tranh và cảnh giác.

Theo ông, chủ nghĩa nhân vị đặt nhà văn vào chính trung tâm cuộc thử thách của lịch sử và mỗi người trong chúng ta phải dấn mình vào lịch sử, phải thúc đẩy cuộc vận động lịch sử, chớ không phải ngồi yên chờ đợi và nhìn ngắm hay mơ ước suông.

Cuối cùng, ông chúc ác nhà văn sẽ là những danh công tinh xảo xây đắp xã hội mới của ngày mai, « Xã hội mới đó sẽ là một thế giới gầm vóc mĩ lệ dệt bằng tình bác ái không vụ lợi, bằng đức liêm khiết không xảo trá, và bằng tài trí không tôn tự đại ».

Buổi lễ kết thúc vào lúc 11 giờ 15 phút.

NGUIỄN.NGU-Í *kể*

Vương-Đức-Lệ

Mai-Trung-Tĩnh

Linh-Bảo

Bách-Khoa vừa nhận được :

— Nỗi buồn Du - Thụy (Linh - Thủy-Giang) Điệp khúc đêm — Đêm mùa đông (Mai-Thủy-Trầm) Đón (Văn-Tuấn) Vào đền — Hiến dâng (Hoàng Tân) Đồng lõa — Thân phận (Linh-Huyền) Đoản ca — Chứng tích (Song-Nguyên-Hoài-Thảo) Ga buồn (Hồ-Dạ-Thoại) Tin yêu — Khoảng buồn (Phần-Thư) Bài ca Lan (Cô-Lữ) Cầu nguyện (Thi-Giang) Chiều trong bản nhỏ — Đường rừng (Thanh-Việt-Thanh) Sao em không là người yêu của Anh (Liên-Thao) Chuyến bay (Võ - Ngọc - An) Bài tháng mười (Trần - Quang - Long) Saigon mùa mưa (Quỳnh - Thảo) Di ảnh (Nh=n) Niềm đau hoang đường (Diệp - Dạ - Tử) Em bé bán khoai — Khóc mẹ (Ngô-Viết-Đức) Bài thơ nước mắt... (Thao-Minh-Triết) Một giấc mơ (Thanh-Tâm) Âm thầm... (Ngy-Thân) Kiếp nghèo — Nỗi buồn (Trường - Diệu) Gió khuya (Nhất - Dạ - Tư) Điệp khúc buồn—Tám vần nuối tiếc (Đinh-Duy-Tiên) Hồn Quảng-nam (Thành Tôn) 6 bản tình ca (Hoài - Giang) Dấu chân du tử — Hoa bưởi (Triều Hoa-Đại) Tia hồng (Hành tinh 20) Níu lại (Lê-Sơn) Bất tài... (Hoài-Duy - Minh) Vọng quê hương... (Hoài-Diệu) Yêu nhau sớm quá (Lê - Vĩnh - Tấn) Về đâu (W. S. Khắc-Minh) Bằng cánh tay — Vết mòn hôm nay Vân-Linh).

— Chữ tôi trong thơ Việt — Cao-Bá-Quát (Nguyễn-Đức-Tiếu). Cuộc bay song-hành của Phi - thuyền Vostok III và IV (Hoàng-Ngọc) Léonard de Vinci, Danh họa và bác học ; Chiếc bánh xe (Ngô-Thới - Long) Tướng thầy Rùa (Nguyễn-Hữu-Tư).

Xin trân-trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng, **trừ THƠ** và trường hợp đặc-biệt có thư riêng, thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

★

— **Bạn Cô-Lữ, Huế.**— Cám ơn bạn đã nghĩ đến tôi. Việc định đoạt về thơ đăng, không phải về phần tôi.

— **Bạn Nguyễn-Văn-Sâm, Saigon.** Tôi tự cho mình có bổn phận giúp các bạn trẻ — nhất là các bạn sinh viên — về những gì tôi có thể giúp được, chớ chẳng phải vì « có qua có lại » như bạn nghĩ. Tài liệu về thi ca tiêu biểu thời tiền chiến vốn in ronéo rất ít, đã hết từ lâu. Còn về tài liệu về « Những nhà văn miền Nam thế hệ 1945-1950 », tôi không có, nhưng sẽ giới thiệu bạn với một nhà văn miền Nam có thể giúp bạn. Mời bạn ghé tòa soạn vào chiều thứ tư.

« *Tấm bao lơn* » của Khổng-Nghi, tôi được đọc bản thảo từ 1944.

— **Cô Bích-Đào, Huế.**— Xin cho biết địa chỉ hiện tại để trả lời bằng thư riêng.

Nguiễn-Ngu-Í

— **Ô. Thái-Văn-Phong** : Chúng tôi đã nhận được thư của ông. Rất cảm ơn ông về những nhận xét xây dựng trong thư và nhất là bài thơ tặng chứng tỏ lòng cảm mến nồng nhiệt của quý ông đối với Bách Khoa và đối với các cây bút quen thuộc của tạp chí chúng tôi. Ông muốn liên lạc với Ô. Nguyễn-Văn-Hầu xin gửi thư về 6I/I Tân-Thành, Chợ Mới (An-Giang ; với Ô. Bửu-Kế xin đề về : Thư-Viện Viện Đại-Học Huế.

SÁCH BÁO MỚI

— **Hoa muôn phương,** Thi tuyển của 9 nhà thơ, do Phạm-Lương chủ biên và gửi tặng, thi văn đoàn Hoa muôn phương xuất bản. Sách dày 100 trang, không đề giá bán.

— **Tiếng lòng trai**, thi tập của Trương-Đình. Sách dày trên 56 trang, gồm 24 bài thơ, giá 20 đ.

— **Ba sinh hương lửa,** (khu rừng lan 1) truyện dài của Doãn-Quốc-Sỹ, Sáng-Tạo xuất bản, Ngọc-Dũng Duy-Thanh trình bày minh họa, do tác giả gửi tặng. Sách dày 366 trang, bản đặc biệt, không đề giá.

— **Việt-ngữ chánh-tả tự-vị** của Lê-Ngọc-Trụ, Thanh-Tân xuất-bản, do tác giả gửi tặng. Sách đã được giải-thưởng văn chương toàn quốc 1962 (giải nhất về biên-khảo), dày 520 trang, bản đặc biệt không đề giá.

— **Nước mắt người đàn bà** tiểu thuyết của Ngọc-Linh, Tiền-Giang xuất.bản, do tác giả gửi tặng. Sách dày 236 trang, giá 40 đ.

— **Phân-tích và nghị-luận văn-chương** (Trung-Học đệ-nhất và đệ-nhị cấp) của Thẩm-Thệ-Hà, Nhà Sống Mới xuất bản, do tác-giả gửi tặng. Sách dày 230 trang, giá 45 đ.

— **Tinh-Hoa nữ-sinh** Bộ mới số 1, tuần báo nữ sinh phát hành vào các ngày 10, 20, 30 mỗi tháng. Chủ nhiệm, chủ bút : Ô. Nguyễn-Thạch-Kiên. Báo khổ 15 X 21, dày 50 trang, giá 5 đ.

— **Danh-từ địa-lý** của nhóm Nghiên cứu Sử-Địa, biên soạn và ấn hành Sách in ronéo, khổ lớn, dày 270 trang gồm các danh từ trong các ngành địa lý thiên nhiên, nhân văn, kinh tế và danh từ địa lý quốc tế, rất lợi ích cho các nhà văn, nhà báo và các nhà biên-soạn sách địa-lý sau này

★

Xin trân trọng cảm ơn các tác giả nhà xuất bản và ân cần giới thiệu cùng quí vị độc giả.

ĐÍNH CHÍNH

Trong bài « Người Chàm tại Việt-Nam ngày nay » của DOHAMIDE đăng *trong số 137*, — *trang 12, cột 1 hàng 3*, đoạn

« *Trước hết con . . . . dao bằng cây* » cần chuyển sang cột 2 cùng trang 12, giữa hàng 3 và 4.

— Trang 16, cột 2 hàng 18, « amik matâu » xin sửa là *anăk* (tức chữ ư có dấu ◡ ở trên) *matâu*.

Mong bạn đọc vui lòng sửa cho.

B. K.

COTAB

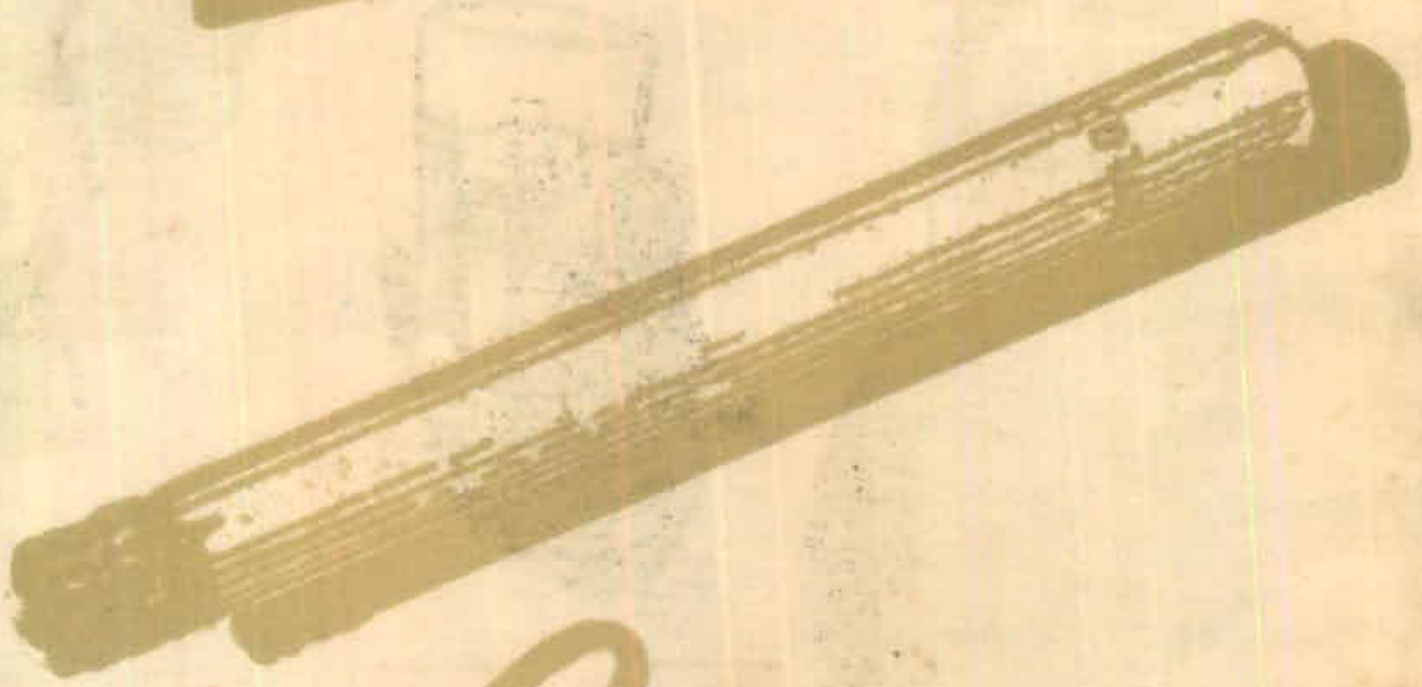

Cigarettes

VIRGINIE

Quản-nhiệm : HUỲNH-VAN-LANG

Chủ-nhiệm :

Tòa Soạn

160, Phan-Đình-Phùng — Saigon

Dây nói 25.539

In tại nhà in VĂN HÒA

412-414, Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Giá : 10$

Công sở : 15$

Librairie KHAI-TRI